

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

CHỦ ĐỀ 1: CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN (6 TIẾT)

BÀI 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN (3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau khi học xong bài, HS có thể

- Trình bày được tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản về kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng.
- Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản.
- Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- Năng lực đặc thù

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu để trình bày tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản; kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để phân tích mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản.

+ Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: Vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân để tìm hiểu mối liên hệ giữa Tuyên ngôn độc lập (Mĩ), Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền (Pháp) và Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam (1945)

3. Về phẩm chất

- *Trung thực*: Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.

- *Trách nhiệm*: Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi thông qua khai thác đoạn video để GV dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS quan sát video về sự kiện quần chúng nhân dân phá ngục Ba – xti ngày 14/7/1789 trong cuộc cách mạng tư sản Pháp, sau đó nêu câu hỏi. HS quan sát video, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV cung cấp video, nêu câu hỏi: *Video trên nói về sự kiện gì? Chia sẻ một số hiểu biết của em về sự kiện đó?*

- Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS theo dõi video, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ
- + GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp
- + GV mời đại diện HS bàn khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- + GV dẫn dắt vào bài mới: Ngục Ba – xti vốn là một pháo đài kiên cố được xây dựng vào cuối thế kỉ XIV ở phía đông thủ đô Pari (Pháp). Đến thế kỉ XVII, pháo đài này được cải tạo thành nhà tù, trở thành biểu tượng của chế độ quân chủ chuyên chế Pháp. Ngày 14/7/1789, hàng nghìn người dân Pari đã nổi dậy đánh chiếm ngục Baxti, mở đầu cách mạng Pháp – cuộc cách mạng tư sản điển hình thời cận đại. Vậy, vì sao cách mạng tư sản lại diễn ra? Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực, kết quả và ý nghĩa cuộc cách mạng tư sản là gì? Cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong nội dung bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu tiền đề của cách mạng tư sản

a. Mục tiêu: HS trình bày được tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản về kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng.

b. Nội dung: GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ học tập; HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SGK từ tr.4 – 8, thực hiện nhiệm vụ học tập, trình bày sản phẩm trên giấy A0.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm trên giấy A0 của HS. HS ghi được vào vở ghi tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm như sau: + Nhóm 1: Đọc thông tin mục a, tư liệu bảng 1 trang 5, trình bày tiền đề kinh tế dẫn đến cách mạng tư sản Anh, chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ và cách mạng tư sản Pháp. + Nhóm 2: Đọc thông tin mục b, tư liệu bảng 2 trang 6, trình bày tiền đề chính trị dẫn đến cách mạng tư sản Anh, chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ và cách mạng tư sản Pháp + Nhóm 3: Đọc thông tin mục c, tư liệu bảng 3 trang 6, trình bày tiền đề xã hội dẫn đến cách mạng tư sản Anh, chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ và cách mạng tư sản Pháp. + Nhóm 4: Đọc thông tin mục d, tư liệu bảng 4 trang 7, trình bày tiền đề tư tưởng dẫn đến cách mạng tư sản Anh, chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ và cách mạng tư sản Pháp. - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc thông tin mục SGK tr.4 - 8, làm việc theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập, hoàn thành sản phẩm trên giấy A0	1. Tiền đề của cách mạng tư sản a. Kinh tế - Trong các thế kỉ XVI – XVII, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh ở các nước Âu - Mỹ, đặc biệt là trong nông nghiệp và công thương nghiệp. + Anh: ● Đầu thế kỉ XVII, Anh là nước có nền kinh tế phát triển nhất châu Âu, đặc biệt sản xuất len dạ. Công trường thủ công chiếm ưu thế ● Ngoại thương phát triển mạnh → tư sản và quý tộc giàu lên nhanh chóng + 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ: Giữa thế kỉ XVIII, công thương nghiệp phát triển mạnh ● Ở miền Bắc phổ biến là các công trường thủ công ● Ở miền Nam, kinh tế nông nghiệp đồn điền, trang trại phát triển + Pháp: ● Cuối thế kỉ XVIII, công thương nghiệp rất phát triển, máy móc sử dụng ngày càng nhiều

- + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết
- **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**
- + GV mời đại diện các nhóm trình bày sản phẩm trước lớp
- + GV mời đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung, các nhóm cùng đưa ra câu hỏi thảo luận và trả lời các câu hỏi phụ của GV

- **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, tổ chức cho các nhóm nhận xét, chấm chéo sản phẩm của nhau
- + GV mở rộng kiến thức thông qua một số câu hỏi phụ dành cho các nhóm như sau

● Nhóm 1:

1. *Xác định điểm tương đồng của 3 đoạn tư liệu về kinh tế của Anh, 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, Pháp.*
2. GV cung cấp hình ảnh sau



Hình 2. Tình trạng rào đất cướp ruộng ở Anh (tranh vẽ của J. M. W. Turner)

1. *Hình ảnh phản ánh **tình trạng** gì của nước Anh trước khi bùng nổ cách mạng tư sản?*
2. ***Tình trạng** đó tác động như thế nào đến sự bùng nổ Cách mạng tư sản Anh?*

Ngoài ra, GV cung cấp biểu đồ cơ cấu sản lượng GDP nước Anh (1770) để thấy được sự phát triển của nền kinh tế TBCN ở Bắc Mỹ, chiếm tới 40% GDP của Anh. Kinh tế Bắc Mỹ phát triển thực sự đã cạnh tranh gay gắt với nền kinh tế của nước Anh chính quốc.

● Nhóm 2:

1. GV cung cấp một số tư liệu về chính sách của Anh đối với 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ. Từ đó thấy được nguyên nhân vì sao nhân dân Bắc Mỹ lại đứng lên làm cách mạng (trích trong Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 2). Từ đó, GV hướng dẫn HS khai thác Hình 3 để thấy được sự kiện nhân dân cảng Bô-xton tấn công ba tàu chở chè của Anh và ném các thùng chè xuống biển. Đến giữa thế kỉ XVIII, Chính phủ Anh thi hành nhiều chính sách kìm hãm sự phát triển và tăng cường bóc lột kinh tế tại 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ. Để chống lại thực dân Anh, nhân dân 13 thuộc địa đã liên hiệp lại,

- Ngoại thương phát triển, các công ty buôn bán với nhiều nước châu Âu, châu Á
- Sự phát triển kinh tế TBCN ở Anh là tiêu biểu nhất, đặc biệt là công nghiệp len dạ, làm cho nghề nuôi cừu trở nên có lợi nhất. Ở nông thôn Anh đã diễn ra “Hiện tượng cừu ăn thịt người” và sự giàu có nhanh chóng của tầng lớp quý tộc mới

b. Chính trị

- Đa số các nước đều theo thể chế quân chủ chuyên chế hoặc là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân
- + Anh: thế kỉ XVII, thể chế quân chủ chuyên chế do vua Sác – lơ I đứng đầu
- + 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ: giữa thế kỉ XVIII là thuộc địa của Anh
- + Pháp: cuối thế kỉ XVIII vẫn duy trì thể chế quân chủ chuyên chế do vua Lu – i XVI đứng đầu
- Thể chế phong kiến lạc hậu kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế TBCN (Anh, Pháp)
- Ở Bắc Mỹ, thực dân Anh thi hành nhiều đạo luật hà khắc cản trở sự phát triển của kinh tế Bắc Mỹ

c. Xã hội

- Xuất hiện nhiều mâu thuẫn giữa các giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất TBCN với giai cấp phong kiến hoặc chủ nghĩa thực dân
- + Anh: Quần chúng nhân dân (đặc biệt tư sản, quý tộc mới) >< thế lực phong kiến
- + 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ: Nhân dân Bắc Mỹ (đặc biệt tư sản, chủ nô) >< thực dân Anh
- + Pháp: Quần chúng nhân dân (đặc biệt tư sản) >< thế lực phong kiến (tăng lữ, quý tộc)
- Mâu thuẫn xã hội ở Pháp là tiêu biểu nhất. Đó là mâu thuẫn giữa đẳng cấp thứ 3 (quần chúng nhân dân lao động, là lực lượng sản xuất chủ yếu nhưng không có quyền lợi chính trị, bị áp bức bóc lột) với 2 đẳng cấp đầu (Tăng lữ, quý tộc, giữ toàn bộ chức vụ quan trọng, sống sung sướng nhờ áp bức bóc lột)
- d. Tư tưởng**
- Xuất hiện các trào lưu tư tưởng tiến bộ của giai cấp tư sản nhằm chống lại chế độ PK lỗi thời

lập ra nhiều tổ chức chống lại thực dân Anh. Sau sự kiện này, tháng 4-1774, thực dân Anh ban bố năm đạo luật đàn áp nhân dân ở Bắc Mỹ, khiến phong trào đấu tranh chống Anh phát triển mạnh mẽ.

2. GV cung cấp hình ảnh vua Sác – lơ I, vua Lu – i XVI và sự chuyên quyền độc đoán của những ông vua này. Từ đó, làm nổi bật những tiền đề về chính trị dẫn đến các cuộc CMTS

● Nhóm 3: GV cho HS quan sát hình 4: Tình cảnh người nông dân Pháp trước cách mạng (tranh biếm họa), sau đó nêu câu hỏi:

Tại sao Cách mạng Pháp nổ ra?

Em nhìn thấy gì trong bức hình này?
Em có thể học được điều gì từ bức hình này

Bức hình cho thấy.....

Từ bức hình tôi học được



Tình cảnh người nông dân Pháp trước cách mạng tư sản Pháp

Gợi ý: Hình ảnh cho thấy một người nông dân già đang còng lưng trên hai người đàn ông to béo (người ngồi phía trước mặc áo choàng, đeo cây thánh giá, tượng trưng cho tầng lớp tăng lữ; người ngồi sau đội mũ lông, đeo theo thanh kiếm, tượng trưng cho tầng lớp quý tộc). Cả hai đều béo tốt, mặc những bộ quần áo đẹp đẽ, trong túi quần và túi áo của tăng lữ, quý tộc có những loại văn bản vay nợ, cho thuê ruộng, những quy định về nghĩa vụ của nông dân đối với tầng lớp trên. Dưới chân người nông dân là những con vật như chuột, chim, thỏ, thường xuyên phá hại mùa màng. Hình ảnh phản ánh tình cảnh khổ cực của người nông dân Pháp trước cách mạng: phải chịu nhiều tầng áp bức và nhiều rủi ro trong môi trường lao động khổ cực.

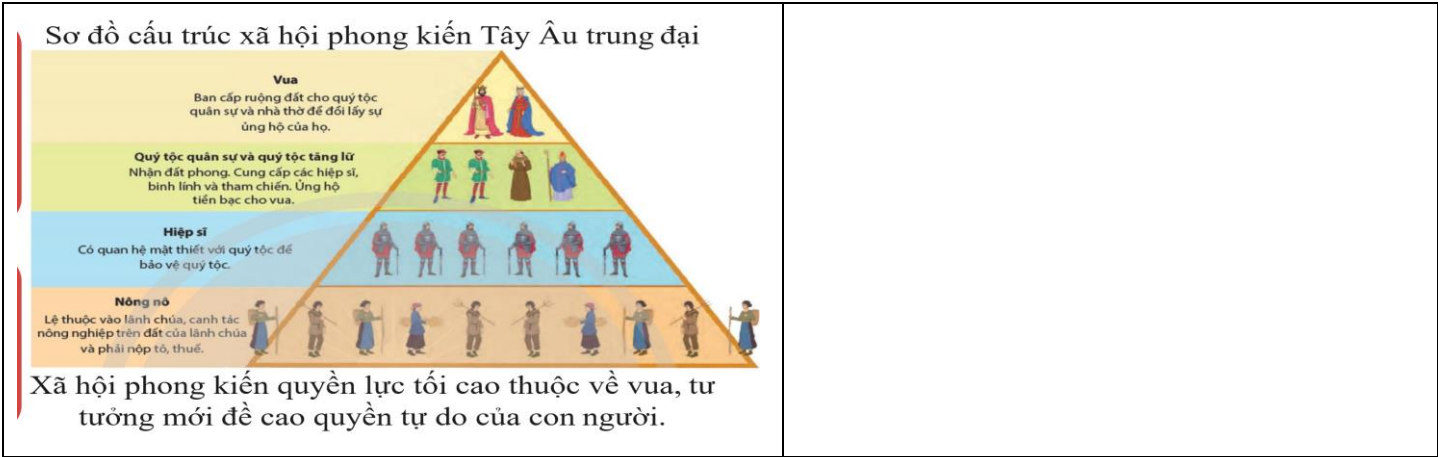
● Nhóm 4: GV trình chiếu về cấu trúc xã hội PK Tây Âu trung đại như sau, sau đó nêu câu hỏi: *So với cấu trúc xã hội phong kiến, luồng tư tưởng mới có gì khác biệt?*

+ Anh: Tư sản, quý tộc mới sử dụng Thanh giáo làm ngọn cờ chống lại chế độ phong kiến và Anh giáo

+ 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ: Tư sản và chủ nô thể hiện tư tưởng tiến bộ qua khẩu hiệu “Tự do và tư hữu”, “Thống nhất hoàn toàn hay là chết”, thành lập tổ chức tiến bộ “hội những người con tự do...”

+ Pháp: Trào lưu triết học ánh sáng, phê phán chế độ PK lỗi thời, đề ra lý thuyết xây dựng nhà nước mới.

- Trong số các trào lưu tư tưởng tiến bộ, trào lưu Triết học ánh sáng ở Pháp là điển hình nhất, đại diện tiêu biểu là: Mông – te – x ki – ơ, Vôn – te, Rút – xô → Tán công hệ tư tưởng của chế độ PK, dọn đường cho cách mạng bùng nổ, thúc đẩy cách mạng đi lên.



TIẾT 2

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản

a. Mục tiêu: HS phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi, phát phiếu học tập; HS làm việc cặp đôi/ cá nhân, hoàn thành phiếu học tập và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập và câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH				DỰ KIẾN SẢN PHẨM																											
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập * Nhiệm vụ 1: Hoạt động cặp đôi GV yêu cầu Hs hoạt động cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập sau + Cặp đôi (Bàn chẵn): Phân tích mục tiêu của Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ và Cách mạng tư sản Pháp theo mẫu sau <table border="1"><thead><tr><th></th><th>Anh</th><th>13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ</th><th>Pháp</th></tr></thead><tbody><tr><td>Mục tiêu từng nước</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Mục tiêu chung</td><td colspan="3"></td></tr></tbody></table> + Cặp đôi (Bàn lẻ): Phân tích nhiệm vụ của Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ và Cách mạng tư sản Pháp theo mẫu sau					Anh	13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	Pháp	Mục tiêu từng nước				Mục tiêu chung				2. Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản a. Mục tiêu, nhiệm vụ * Mục tiêu <table border="1"><thead><tr><th></th><th>Anh</th><th>13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ</th><th>Pháp</th></tr></thead><tbody><tr><td>Mục tiêu từng nước</td><td>Lật đổ chế độ phong kiến, thiết lập nền thống trị của TS và quý tộc mới</td><td>Lật đổ ách thống trị của TD Anh, giành độc lập, thiết lập chính quyền của TS và chủ nô</td><td>Lật đổ chế độ phong kiến, thiết lập nền thống trị của TS</td></tr><tr><td>Mục tiêu chung</td><td colspan="3">- Lật đổ chế độ PK, thực dân, tạo điều kiện cho kinh tế TBCN phát triển</td></tr></tbody></table>					Anh	13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	Pháp	Mục tiêu từng nước	Lật đổ chế độ phong kiến, thiết lập nền thống trị của TS và quý tộc mới	Lật đổ ách thống trị của TD Anh, giành độc lập, thiết lập chính quyền của TS và chủ nô	Lật đổ chế độ phong kiến, thiết lập nền thống trị của TS	Mục tiêu chung	- Lật đổ chế độ PK, thực dân, tạo điều kiện cho kinh tế TBCN phát triển		
					Anh	13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	Pháp																								
				Mục tiêu từng nước																											
				Mục tiêu chung																											
					Anh	13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	Pháp																								
Mục tiêu từng nước	Lật đổ chế độ phong kiến, thiết lập nền thống trị của TS và quý tộc mới	Lật đổ ách thống trị của TD Anh, giành độc lập, thiết lập chính quyền của TS và chủ nô	Lật đổ chế độ phong kiến, thiết lập nền thống trị của TS																												
Mục tiêu chung	- Lật đổ chế độ PK, thực dân, tạo điều kiện cho kinh tế TBCN phát triển																														

Nhiệm vụ dân tộc	Nhiệm vụ dân chủ	- Thiết lập nền thống trị của tư sản, mở đường cho CNTB phát triển	
* Nhiệm vụ			
Nhiệm vụ dân tộc	Nhiệm vụ dân chủ		
- Xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ (Thống nhất thị trường dân tộc) - Giải phóng dân tộc	- Xóa bỏ phong kiến chuyên chế - Xác lập nền dân chủ tư sản		
b. Giai cấp lãnh đạo, động lực cách mạng			
	Anh	13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	Pháp
Giai cấp lãnh đạo	Tư sản và quý tộc mới	Tư sản và chủ nô	Tư sản
Động lực cách mạng	Lực lượng lãnh đạo và quần chúng nhân dân		

*** Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân**

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin SGK tr. 9, hình 6 (tr.10), trả lời các câu hỏi sau:

1. Lãnh đạo các cuộc cách mạng tư sản là các giai cấp nào? Những giai cấp đó có đặc điểm chung như thế nào?

2. Chỉ ra điểm khác biệt về giai cấp lãnh đạo giữa cách mạng tư sản Anh, chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ và giai cấp tư sản Pháp

3. Kể tên một số nhà lãnh đạo của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu. Em ấn tượng nhất với nhà lãnh đạo nào? Những điều em ấn tượng với nhà lãnh đạo đó là gì?

4. Động lực của các cuộc cách mạng tư sản là ai? Cho ví dụ cụ thể.

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin mục SGK tr.9 - 10 , làm việc cặp đôi/ cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập trên phiếu học tập và trả lời câu hỏi

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời đại diện cặp đôi/ cá nhân trả lời trước lớp

+ GV mời cặp đôi/ HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

Nhiệm vụ 2

Câu 1. Lãnh đạo cách mạng tư sản là giai cấp tư sản và đồng minh của họ (chủ nô, quý tộc mới...). Đặc điểm chung: là lực lượng đại diện cho phương thức sản xuất mới, có tư tưởng dân chủ tiến bộ, có thể lực nhất định trong xã hội, muốn đấu tranh loại bỏ rào cản cản trở sự phát triển của kinh tế TBCN

Câu 2. Lãnh đạo cách mạng tư sản Anh là liên minh tư sản và quý tộc mới, trong đó vai trò quan trọng thuộc về tầng lớp quý tộc mới. Đó là nguyên nhân lý giải vì sao Anh thiết lập thể chế quân chủ lập hiến. Nếu có thời gian, GV có thể nêu rõ đặc điểm của tầng lớp quý tộc mới ở Anh: họ được hưởng những đặc quyền và địa vị xã hội như quý tộc phong kiến, nhưng

lại giàu có hơn quý tộc phong kiến. Mặt khác, trong quá trình kinh doanh công thương nghiệp, quý tộc mới lại có nhiều điều kiện thuận lợi hơn so với giai cấp tư sản; bởi lẽ, nhiều người trong số họ còn nắm giữ các chức vụ ở địa phương, có thể dùng đặc quyền và địa vị của mình để chống lại sự can thiệp, những nhiều của chính phủ và nhà vua. Nhờ vậy, thế lực kinh tế của quý tộc mới lớn mạnh rất nhanh. Tuy nhiên, quý tộc mới còn bị phụ thuộc quá nhiều vào nhà vua và bị cản trở trên con đường phát triển kinh tế. Do thống nhất về quyền lợi kinh tế, quý tộc mới liên minh chặt chẽ với giai cấp tư sản để chống lại quý tộc phong kiến, chống lại chế độ quân chủ chuyên chế. Quý tộc mới và giai cấp tư sản có nguyện vọng giống nhau trong việc xoá bỏ mọi ràng buộc của chế độ phong kiến để tự do chiếm hữu, tự do kinh doanh. Sự liên minh giữa quý tộc mới và tư sản là một đặc điểm rất quan trọng trong sự phân hoá của xã hội Anh vào giữa thế kỉ XVII.

Lãnh đạo chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ là liên minh tư sản ở miền Bắc với chủ nô ở miền Nam. Trong cách mạng tư sản Pháp, giai cấp tư sản giành độc quyền lãnh đạo.

Câu 3. Khi HS liệt kê những nhà lãnh đạo cách mạng tư sản tiêu biểu, GV hướng dẫn HS khai thác hình 6 SGK, tr.10, giới thiệu về một số lãnh đạo tiêu biểu như sau

- Crôm-oen: là nhà lãnh đạo chính trị và quân sự người Anh. Ông là một trong những chỉ huy trong cuộc nội chiến Anh. Sau khi vua Sác-lơ I bị xử tử, Crôm-oen chinh phục Ai-len, Xcôt-len và cai trị với tư cách Huân tước bảo hộ từ năm 1653 cho tới khi ông qua đời (năm 1658). Có sử gia gọi ông là “tên độc tài giết vua”, nhưng cũng có ý kiến coi ông là “anh hùng của tự do và dân chủ”.
- Rô-be-spie: là người lãnh đạo chủ chốt của phái Gia-cô-banh. Dưới sự lãnh đạo của Rô-be-spie, quân chúng nhân dân Pháp đã đánh bại thù trong giặc ngoài, bảo vệ độc lập dân tộc và nền chuyên chính dân chủ cách mạng. Trong giai đoạn cầm quyền, Rô-be-spie ban hành nhiều chính sách tiến bộ, có công bảo vệ nước Pháp trước sự xâm lược từ bên ngoài, nhưng khi lực lượng tư sản phản cách mạng làm cuộc đảo chính lật đổ nền dân chủ của phái Gia-cô-banh, ông bị buộc tội phản bội và bị đưa ra xử tử (1794).
- GV trình chiếu video về lãnh tụ Oa – sinh – ton, chỉ ra những đặc điểm nổi bật về tính cách, ý chí, nghị lực và đóng góp của ông đối với nước Mỹ, nhấn mạnh: Đây là Tổng thống đầu tiên và là 1 trong những tổng thống vĩ đại nhất của Hoa Kỳ từ trước đến nay. Hiện

nay, ông là vị Tổng thống duy nhất trên thế giới mà tên của ông được dùng để đặt tên cho thủ đô của đất nước. Hình ảnh của ông cũng được in trên đồng tiền 2 đô la của Mỹ

Câu 4. Động lực của cách mạng tư sản là giai cấp lãnh đạo và quần chúng nhân dân

- Ở Anh: quần chúng nhân dân (nông dân, thợ thủ công...) giữ vai trò quyết định thắng lợi của cách mạng
- Trong chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ, trại chủ, nông dân, công nhân, nô lệ ở 13 thuộc địa là lực lượng chính

- Trong cách mạng tư sản Pháp, đẳng cấp thứ 3 (gồm công nhân, nông dân, thợ thủ công, tư sản...) là lực lượng tích cực chống phong kiến và các thế lực phản động trong và ngoài nước

TIẾT 3

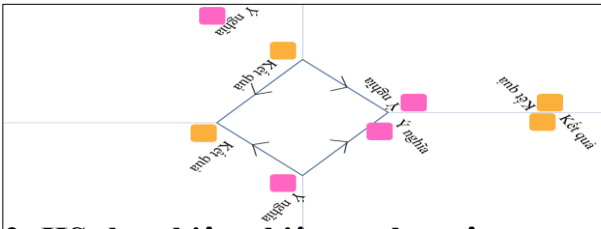
3. Hoạt động 3: Tìm hiểu kết quả, ý nghĩa của một số cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu

a. Mục tiêu: HS trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.

b. Nội dung: GV chia lớp thành 10 nhóm, giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn. HS làm việc theo nhóm, hoàn thành sản phẩm học tập trên giấy A0 và trình bày sản phẩm học tập của mình trước lớp

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm học tập của các nhóm trên giấy A0. HS ghi được vào vở kết quả, ý nghĩa của một số cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 10 nhóm, mỗi nhóm 4 HS. Mỗi HS làm 1 câu viết đáp án lên phần khăn của mình (sau 3 phút chuyển phần khăn theo mũi tên) về kết quả, ý nghĩa của một số cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu. Sản phẩm: khăn trải bàn có đủ 4 bài cá nhân và bài tổng nhất chung theo mẫu  - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc thông tin mục SGK tr.10 - 12, làm việc theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập, hoàn thành sản phẩm trên giấy A0 + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV mời đại diện 1 nhóm xung phong lên trình bày sản phẩm của mình. Các nhóm khác cùng lắng nghe + GV mời đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó các nhóm cùng thảo luận, đặt câu hỏi nếu có	3. Kết quả, ý nghĩa của một số cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu a. Kết quả * Kết quả chung: đều giành thắng lợi, lật đổ chế độ phong kiến, thực dân, thiết lập chế độ tư bản chủ nghĩa. Đầu thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi toàn thế giới * Kết quả từng nước - Anh: Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến - Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ: Lật đổ sự thống trị của thực dân Anh, giành độc lập - Pháp: Lật đổ chế độ phong kiến, thiết lập chế độ cộng hòa. b. Ý nghĩa * Ý nghĩa chung: - Dẫn đến sự xác lập quan hệ sản xuất TBCN, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức bằng cách chiếu đáp án, các nhóm chuyển khăn chấm chéo bài thống nhất (dùng bút đỏ chấm và bổ sung/sửa sai). GV cho điểm cộng cả nhóm khi bài thống nhất đúng

+ GV mở rộng: Trong số các cuộc cách mạng tư sản, cách mạng Pháp được đánh giá là cuộc cách mạng vĩ đại: “Không phải không có lí do mà cuộc Cách mạng Pháp được gọi là cuộc cách mạng vĩ đại. Đối với giai cấp mà cuộc cách mạng đó phục vụ, tức giai cấp tư sản, thì cuộc cách mạng đó đã phục vụ được nhiều, khiến cho cả thế kỉ XIX, một thế kỉ đã đem lại văn minh và văn hóa cho toàn thể loài người, đã trôi qua dưới dấu hiệu của cuộc Cách mạng Pháp” (V.I Lênin. Toàn tập, Tập 38, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr-444).

+ GV nêu câu hỏi: *Vì sao cách mạng tư sản Pháp lại vĩ đại và triệt để hơn các cuộc cách mạng tư sản khác?*

- Diễn ra sau nên được kế thừa bài học kinh nghiệm của các cuộc cách mạng trước
- Do giai cấp tư sản nắm độc quyền lãnh đạo
- Có sự soi đường, dẫn dắt của trào lưu triết học ánh sáng...

- Tạo ra nền dân chủ và các thể chế nhà nước dân chủ theo nguyên tắc Tam quyền phân lập

→ đánh dấu bước tiến lớn trong sự phát triển của lịch sử nhân loại

*** Ý nghĩa một số cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu**

Cách mạng tư sản	Ý nghĩa
Cách mạng tư sản Anh	Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, giải phóng lực lượng sản xuất, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển
Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	- Giải phóng 13 thuộc địa, thành lập Hợp chúng quốc Mỹ - mở đường cho chủ nghĩa tư bản - Cổ vũ tinh thần chống PK ở châu Âu và phong trào GPDĐ ở Mỹ La-tinh - Tuyên ngôn độc lập của Mỹ trở thành ngọn cờ tự do, có ảnh hưởng lớn đến PTCM thế giới
Cách mạng tư sản Pháp	- Lật đổ chế độ phong kiến, tạo điều kiện cho CNTB phát triển - Chế độ PK bị lung lay khắp châu Âu. - Mở ra thời đại thắng lợi và củng cố của CNTB trên thế giới

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trả lời được những câu hỏi liên quan đến tiền đề, mục tiêu, nhiệm vụ, lãnh đạo, động lực, kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi “Tôi gọi bạn trả lời”, HS làm việc cá nhân, tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi để hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời và phiếu học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu thể lệ trò chơi “Tôi gọi tên bạn trả lời” như sau: HS nghe Quốc ca Pháp, trong quá trình nghe sẽ lần lượt trả lời hoàn thành phiếu học tập (HS đầu tiên do GV chỉ định, sau đó HS sẽ gọi tên 1 bạn học khác để trả lời câu hỏi tiếp theo).



1. Hoàn thành bảng theo mẫu sau về một trong số các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu:

Tiêu chí	Nội dung
Tiền đề	?
Mục tiêu	?
Nhiệm vụ	?
Lãnh đạo	?
Động lực	?
Kết quả	?
Ý nghĩa	?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS vận dụng kiến thức đã học, tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi
- + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- + HS lần lượt trả lời câu hỏi trước lớp theo sự chỉ định của bạn
- + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ
- + GV chuẩn đáp án

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm một số hình ảnh, tư liệu để tự trình bày, tìm hiểu thêm về một vấn đề lịch sử

b. Nội dung: GV nêu nhiệm vụ học tập, HS thực hiện nhiệm vụ (cá nhân), GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập



2. Chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

- Sưu tầm tư liệu về các nhà lãnh đạo của Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp. Giới thiệu những tư liệu đó với thầy cô và bạn học.
- Tìm hiểu mối liên hệ giữa bản *Tuyên ngôn Độc lập* (Mỹ, năm 1776) và bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* (Pháp, năm 1789) với bản *Tuyên ngôn Độc lập* (năm 1945) của Việt Nam.

- GV yêu cầu HS thực hiện tại nhà, báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước bài 2: Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

BÀI 2: SỰ XÁC LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN (3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau khi học xong bài, HS có thể

- Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.
- Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của CNTB
- Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.
- Nêu được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại; Nêu được tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại.
- Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và những hạn chế của chủ nghĩa tư bản. Vận dụng những hiểu biết về lịch sử chủ nghĩa tư bản để giải thích những vấn đề thời sự của xã hội tư bản hiện nay.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- Năng lực đặc thù

- + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh để trình bày sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ; nêu khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại; nêu tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại.
- + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để trình bày quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của CNTB; trình bày sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.
- + Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và những hạn chế của chủ nghĩa tư bản. Vận dụng những hiểu biết về lịch sử chủ nghĩa tư bản để giải thích những vấn đề thời sự của xã hội tư bản hiện nay.

3. Về phẩm chất

- *Trung thực*: Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.

- *Trách nhiệm:* Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1,2

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi thông qua khai thác đoạn video và thông tin giáo viên cung cấp để dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS quan sát video và cung cấp thông tin về tòa nhà Em – pai – ơ Xơ – tây, sau đó nêu câu hỏi. HS quan sát video, dựa vào thông tin được cung cấp, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV giao nhiệm vụ học tập như sau:



start up with us!

KHỞI ĐỘNG

Theo dõi video kết hợp các thông tin sau hãy chia sẻ những hiểu biết của em về sự xác lập, mở rộng và phát triển của CNTB?

1. Tòa nhà được xây trên nền đất cũ vốn là bất động sản của tầng lớp quý tộc
2. Tòa nhà biểu tượng cho sự phồn vinh của Niu Y- oóc cũng như sự phát triển của CNTB
3. Trong cuộc đại suy thoái nhiều khu vực trong tòa nhà để trống không có khách thuê.



18:14:41

nvtube
Universe Channel

- **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS theo dõi video, kết hợp thông tin GV cung cấp, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ

+ GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời đại diện HS bàn khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

+ GV dẫn dắt vào bài mới: Tòa nhà Em – pai – ơ Xơ – tây là một trong những minh chứng sống động cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ khi được xác lập vào cuối thế kỉ XIX. C. Mác và Ăng – ghen trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã nhận định “Giai cấp tư sản trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỉ đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước cộng lại”. Vậy, chủ nghĩa tư bản được xác lập như thế nào? Sự mở rộng và phát triển được thể hiện ra sao? Cô trò chúng ta cùng tìm hiểu trong nội dung bài học hôm nay

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ

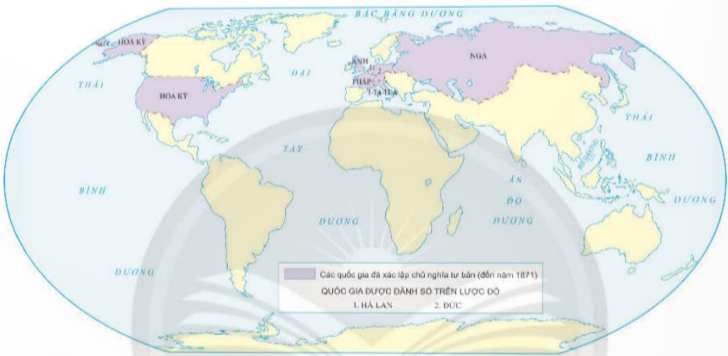
a. Mục tiêu: HS trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi. HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở ghi sự xác lập của CNTB ở châu Âu và Bắc Mỹ

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi sau: <i>1. Dựa vào kiến thức đã học ở bài 1, em hãy cho biết sự kiện nào đánh dấu chủ nghĩa tư bản từng bước được xác lập ở châu Âu? Sự kiện nào đánh dấu sự mở rộng của CNTB từ châu Âu lan sang Bắc Mỹ?</i> <i>2. Trong những năm 50 – 70 của thế kỉ XIX, ở châu Âu và Bắc Mỹ tiếp tục diễn ra những cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu nào? Ý nghĩa chung của các cuộc cách mạng tư sản đó.</i> - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc thông tin mục 1, SGK tr.12 , làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung - Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + GV trình chiếu lược đồ sau, yêu cầu HS lên bảng chỉ trên lược đồ vị trí và tên các quốc gia đã xác lập được chế độ TBCN tính đến năm 1871 (sau cuộc đấu tranh thống nhất nước Đức)	1. Sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ - Ở châu Âu, cách mạng tư sản Anh (thế kỉ XVII) và cách mạng tư sản Pháp (thế kỉ XVIII) đánh dấu CNTB từng bước được xác lập - Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (thế kỉ XVIII) đánh dấu sự mở rộng CNTB từ châu Âu lan sang Bắc Mỹ - Trong những năm 50 – 70 của thế kỉ XIX, các cuộc CMTS tiếp tục diễn ra ở châu Âu và Bắc Mỹ: + Đấu tranh thống nhất Italia (1859 – 1870) + Cải cách nông nô ở Nga (1861) + Nội chiến ở Mĩ (1861 – 1865) + Đấu tranh thống nhất nước Đức (1864 – 1871) → kinh tế TBCN phát triển mạnh mẽ - Nửa sau thế kỉ XIX, giai cấp tư sản giành được thắng lợi, lên cầm quyền ở nhiều nước → CNTB chính thức được xác lập ở châu Âu và Bắc Mỹ



1. HÀ LAN	2. ĐỨC
-----------	--------

Hình 2.3. Lược đồ các quốc gia đã xác lập được chế độ tư bản chủ nghĩa đến năm 1871

+ Sau đó, GV kết luận: Sự xác lập của CNTB ở châu Âu và Bắc Mỹ diễn ra trong khoảng thời gian dài, từ thế kỉ XVI đến cuối XIX. Sự xác lập đó là kết quả của sự thắng lợi của các cuộc CMTS diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau (nội chiến, chiến tranh giải phóng dân tộc, nội chiến kết hợp chiến tranh giải phóng dân tộc, đấu tranh thống nhất đất nước, cải cách...). Ban

đầu, các cuộc CMTS nổ ra ở những nước ven biển: Anh, Bắc Mỹ..., sau đó lan vào lục địa, nổ ra mạnh mẽ ở Pháp, Đức, Italia. Đến cuối XIX, CNTB đã trở thành một hệ thống ở châu Âu và Bắc Mỹ

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu sự phát triển của chủ nghĩa tư bản

a. Mục tiêu: HS trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của CNTB; trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi, phát phiếu học tập, tổ chức trò chơi. HS làm việc cặp đôi/cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập và câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở ghi quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của CNTB; sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM						
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập * Nhiệm vụ 1: Hoạt động cặp đôi GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, hoàn thành phiếu học tập sau theo mô hình 5W1H như sau <table><tr><td> WHEN Các nước TB Âu - Mỹ chuyển sang giai đoạn ĐQCN khi nào? </td><td> WHAT Các nước đế quốc ra đời gắn liền với những hoạt động nào? </td><td> WHERE Dựa vào H.2 hãy cho biết các nước đế quốc đã mạnh xâm lược ở đâu? </td></tr><tr><td> WHO Dựa vào bảng so sánh và cho biết nước nào có hệ thống thuộc địa rộng lớn nhất? </td><td> WHY Tại sao các nước tư bản lại mở rộng xâm lược thuộc địa? </td><td> HOW Quá trình xâm lược thuộc địa của CNTB diễn ra như thế nào? </td></tr></table> * Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân - GV yêu cầu HS đọc SGK mục b, tr16. Thời gian 1'30s - GV mời hai HS ngẫu nhiên lên trả lời câu hỏi. Ai nhanh hơn trả lời. Các bạn khác làm giám khảo và giữ im lặng. 1. Sau khi giành độc lập từ tay các nước Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha các quốc gia ở khu vực nào đi theo con đường TBCN? 2. Ở châu Á, cuối thế kỉ XIX, sau khi tiến hành duy tân đất nước, những quốc gia nào đi theo con đường TBCN? 3. Quốc gia nào ở châu Á đã tiến hành cuộc cách mạng Tân Hợi (1911), lật đổ chế độ phong kiến, đưa đất nước đi theo con đường CNTB? 4. Một trong những biểu hiện sự phát triển của CNTB cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX là sự hình thành các và tiến hành xuất khẩu..... * Nhiệm vụ 3: Hoạt động cá nhân	WHEN Các nước TB Âu - Mỹ chuyển sang giai đoạn ĐQCN khi nào?	WHAT Các nước đế quốc ra đời gắn liền với những hoạt động nào?	WHERE Dựa vào H.2 hãy cho biết các nước đế quốc đã mạnh xâm lược ở đâu?	WHO Dựa vào bảng so sánh và cho biết nước nào có hệ thống thuộc địa rộng lớn nhất?	WHY Tại sao các nước tư bản lại mở rộng xâm lược thuộc địa?	HOW Quá trình xâm lược thuộc địa của CNTB diễn ra như thế nào?	2. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản a. Chủ nghĩa đế quốc và quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa - Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, các nước tư bản Âu – Mỹ chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa gắn liền với các hoạt động xâm lược thuộc địa. - Trong gần 4 thế kỉ (từ đầu XVI đến cuối XIX), thực dân phương Tây đã xâm chiếm và đặt ách cai trị ở hầu hết các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh + Châu Á: Cuối XIX, các nước phương Tây đã hoàn thành việc xâm lược và đặt ách cai trị (trừ Xiêm và Nhật Bản) + Châu Phi: đầu thế kỉ XX, việc phân chia thuộc địa giữa các nước đế quốc cơ bản hoàn thành + Khu vực Mỹ Latinh: Từ thế kỉ XVI, XVII trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Đầu thế kỉ XIX, giành được độc lập nhưng sau đó bị Mỹ bành trướng, can thiệp, biến thành “sân sau” của mình. - Vai trò, tầm quan trọng của thuộc địa: + Nơi cung cấp nguyên liệu, nhân công + Thị trường đầu tư và tiêu thụ hàng hóa, đem lại lợi nhuận khổng lồ + Là cơ sở vững chắc cho các nước đế quốc trong các cuộc tranh chấp, chiến tranh. b. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản * Sự mở rộng của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn cầu
WHEN Các nước TB Âu - Mỹ chuyển sang giai đoạn ĐQCN khi nào?	WHAT Các nước đế quốc ra đời gắn liền với những hoạt động nào?	WHERE Dựa vào H.2 hãy cho biết các nước đế quốc đã mạnh xâm lược ở đâu?					
WHO Dựa vào bảng so sánh và cho biết nước nào có hệ thống thuộc địa rộng lớn nhất?	WHY Tại sao các nước tư bản lại mở rộng xâm lược thuộc địa?	HOW Quá trình xâm lược thuộc địa của CNTB diễn ra như thế nào?					

GV sử dụng kỹ thuật tia chớp, nêu các câu hỏi ngắn. HS đọc SGK. Ai giơ tay nhanh nhất sẽ giành quyền trả lời câu hỏi

1. Trong giai đoạn đầu (từ thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX), chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn.....

Tự do cạnh tranh

2. Từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn.....

Độc quyền

3. Trong giai đoạn đầu, tư bản độc quyền có đặc điểm như thế nào?

Tư bản độc quyền chỉ có trong một số ngành, lĩnh vực kinh tế, sức mạnh chưa lớn

4. Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn độc quyền với biểu hiện rõ nhất là sự thành lập của các.....

Tổ chức độc quyền

5. Tổ chức độc quyền là gì?

Là sự liên minh giữa các nhà tư bản lớn để tập trung phần lớn việc sản xuất hoặc tiêu thụ hàng hóa nhằm thu lợi nhuận cao

6. Các tổ chức độc quyền tiêu biểu của chủ nghĩa tư bản cuối XIX đầu XX là gì?

Các -ten, Xanh – đi – ca, Tờ – rôt

7. Theo Lênin, chủ nghĩa tư bản độc quyền những năm đầu thế kỉ XX có mấy đặc điểm lớn? Gạch chân (nêu) 1 từ khóa của từng đặc điểm

5 đặc điểm lớn:

- Tập trung sản xuất và tư bản

- Hợp nhất tư bản ngân hàng với tư bản tài chính

- Xuất khẩu tư bản

- Liên minh độc quyền quốc tế

- Phân chia đất đai trên thế giới

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin mục 1, SGK tr.14 - 17, làm việc cặp đôi/cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi.

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời đại diện cặp/ HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

+ GV khai thác tranh ảnh, lược đồ làm sâu sắc thêm nội dung kiến thức bài học

*** Nhiệm vụ 1**

- GV trình chiếu hình 2. Lược đồ các nước đế quốc và thuộc địa đầu thế kỉ XX, yêu cầu HS dựa vào màu sắc

- Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, các nước Mĩ Latinh sau khi giành độc lập từ Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đã đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

- Ở châu Á, Nhật Bản và Xiêm sau khi cải cách, duy tân cũng đưa đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa.

- Ở Trung Quốc, năm 1911, cách mạng Tân Hợi thành công, lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho CNTB phát triển ở quốc gia lớn nhất, đông dân nhất châu Á
→ Như vậy, cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, CNTB đã mở rộng phạm vi toàn cầu, trở thành hệ thống thế giới.

*** Biểu hiện sự phát triển của chủ nghĩa tư bản**

- Ứng dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật, nền sản xuất phát triển mạnh.

- Hình thành các tổ chức lũng đoạn và xuất khẩu tư bản ra nước ngoài.

- Nâng cao hiệu quả công cuộc khám phá và chinh phục thiên nhiên.

c. Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền

- Trong giai đoạn đầu (từ thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX), chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tự do cạnh tranh. Từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn độc quyền. Biểu hiện rõ nhất là sự hình thành các tổ chức độc quyền

- Trong giai đoạn đầu, tư bản độc quyền chỉ có trong một số ngành, lĩnh vực của nền kinh tế, sức mạnh kinh tế chưa lớn. Càng về sau, sức mạnh của các tổ chức độc quyền càng tăng lên, từng bước chi phối toàn bộ nền kinh tế

- Tổ chức độc quyền là sự liên minh giữa các nhà tư bản lớn để tập trung vào tay mình phần lớn việc sản xuất hoặc tiêu thụ một số hàng hóa nhằm thu lợi nhuận cao.

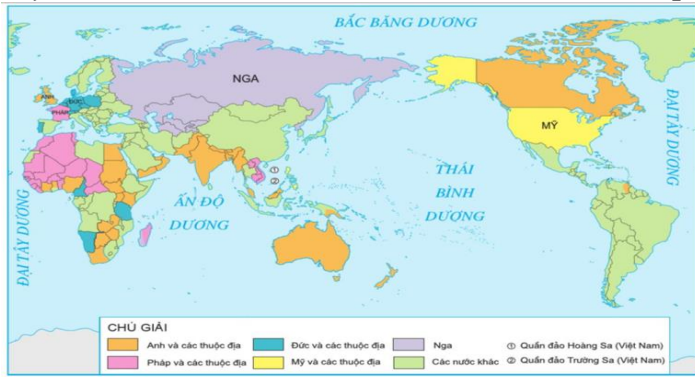
- Các tổ chức độc quyền tiêu biểu: Các - ten, Xanh – đi – ca (Đức và Pháp), Tờ – rôt (Mĩ)

- Theo Lênin, chủ nghĩa tư bản độc quyền những năm đầu thế kỉ XX có 5 đặc điểm lớn

+ Tập trung sản xuất và tư bản

+ Hợp nhất tư bản ngân hàng với tư bản tài chính

hãy chỉ trên lược đồ thuộc địa của các nước đế quốc?



- + Xuất khẩu tư bản
- + Liên minh độc quyền quốc tế
- + Phân chia đất đai trên thế giới

- Sau đó, GV trình chiếu bảng 2. Diện tích, dân số các nước đế quốc và thuộc địa (1914), nêu câu hỏi: Từ lược đồ và bảng số liệu 2, em có nhận xét gì về sự phân chia thuộc địa giữa các nước đế quốc đầu thế kỉ XX?

Bảng 2. Diện tích, dân số các nước đế quốc và thuộc địa (1914)

Đối tượng	Chính quốc		Thuộc địa		Tổng cộng	
	Diện tích (triệu km ²)	Dân số (triệu người)	Diện tích (triệu km ²)	Dân số (triệu người)	Diện tích (triệu km ²)	Dân số (triệu người)
Anh	0,3	46,5	33,5	393,5	33,8	440,0
Nga	5,4	136,2	17,4	33,2	22,8	169,4
Pháp	0,5	39,6	10,6	55,5	11,1	95,1
Đức	0,5	64,9	2,9	12,3	3,4	77,2

(V.I. Lê-nin, *Toán tập*, Tập 27, NXB Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, tr.478)

Gợi ý: Sự phân chia thuộc địa giữa các nước đế quốc không đồng đều. Anh là nước có nhiều thuộc địa nhất. Đến năm 1914, hệ thống thuộc địa của Anh rộng tới 33,5 triệu km² với dân số gần 400 triệu dân, chủ yếu ở châu Á và châu Phi, chiếm tới 1/4 diện tích và 1/4 dân số thế giới, gấp 12 lần thuộc địa của Đức và 3 lần thuộc địa của Pháp. Anh được mệnh danh là “công xưởng của thế giới” và là “đế quốc mà mặt trời không bao giờ lặn”

- GV tiếp tục trình chiếu H.3. Người khổng lồ Rốt – đơ (tranh biếm họa), nêu câu hỏi: Hình ảnh gợi cho em cảm xúc, suy nghĩ gì?



→ từ việc phân tích trên, GV mở rộng: chính sự phân chia thuộc địa không đồng đều đó sau này đã dẫn đến

mâu thuẫn sâu sắc giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa, thị trường. Đó là nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất giữa các nước đế quốc nhằm giành giật, phân chia lại thuộc địa, thị trường của nhau. Cuộc chiến tranh đế quốc phi nghĩa đó đã gây nên những hậu quả nặng nề đối với nhân loại, đặc biệt là nhân dân lao động nghèo khổ.

* **Nhiệm vụ 3:** GV trình chiếu hình 4. Quyền lực của các tổ chức độc quyền ở Mỹ, nêu câu hỏi:

1. *Em nhìn thấy những gì từ bức tranh?*
2. *Em nghĩ điều gì đang xảy ra ở bức tranh?*
3. *Em nghĩ mãng xà biểu trưng cho điều gì?*



Tương tự như vậy, GV yêu cầu HS phân tích bức tranh biếm họa về một công ti độc quyền dầu mỏ ở Mỹ (1904)



→ Từ việc phân tích các bức tranh, GV có thể làm nổi bật quyền lực, vai trò của các tổ chức độc quyền ở Mỹ

TIẾT 3

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về chủ nghĩa tư bản hiện đại

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại; nêu được tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi, tổ chức cho HS tranh biện. HS làm việc cá nhân/nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi và cùng tranh biện.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời và phần tranh biện của HS. HS ghi được vào vở ghi khái niệm, tiềm năng, thách thức của CNTB hiện đại

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập * Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân GV yêu cầu HS đọc SGK mục 3.a, tr.17,18, kết hợp hiểu biết của bản thân, trả lời các câu hỏi sau: 1. CNTB hiện đại là thuật ngữ được dùng để chỉ CNTB trong giai đoạn nào? 2. So với CNDQ đầu thế kỉ XX, CNTB hiện đại có những đặc điểm mới nào? Lấy 1 ví dụ mà em biết để chứng minh cho một trong những đặc điểm mới đó. * Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm GV chia lớp thành 4 nhóm tổ chức cho các nhóm tranh biện theo vấn đề sau + Nhóm 1,2: tranh biện để bảo vệ quan điểm số 1: Chủ nghĩa tư bản chỉ có tiềm năng. + Nhóm 3,4: tranh biện để bảo vệ quan điểm số 2: Chủ nghĩa tư bản chỉ toàn thách thức Các nhóm có thời gian thảo luận 5 phút để ghi ra các ý kiến bảo vệ quan điểm của mình. Sau đó, mỗi nhóm cử ra một đại diện, tạo thành 2 đội (đội 1: gồm 2 đại diện của nhóm 1 và 2; đội 2 gồm 2 đại diện của nhóm 3 và 4). Hai đội cùng đưa ra những lý lẽ để bảo vệ cho quan điểm của mình. - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc thông tin mục 3, SGK tr.17 - 19, làm việc cá nhân/nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV mời 2 – 3 HS/ đại diện các nhóm trả lời câu hỏi trước lớp/ tranh biện để bảo vệ quan điểm trước lớp + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung - Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + GV mở rộng một số thách thức của CNTB hiện đại ● Bất bình đẳng xã hội, khoảng cách giàu – nghèo: “Theo thống kê của cơ quan ngân sách Quốc hội Mỹ, trong những năm đầu thế kỉ XXI, thu nhập của nhóm hộ gia đình có thu nhập cao nhất chiếm tới 53,5 % tổng thu nhập cả nước. Tính riêng 1 nhóm giàu nhất chiếm 16,3 % tổng thu nhập cả nước. Khoảng 60 % hộ gia đình có thu nhập thấp nhất chỉ chiếm 10 % tổng thu nhập toàn quốc”. (Trần Thị Vinh, Chủ nghĩa tư bản: Lịch sử thăng trầm 120 năm (1900 – 2020, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.489)	3. Chủ nghĩa tư bản hiện đại a. Khái niệm - CNTB hiện đại là thuật ngữ được dùng để chỉ CNTB từ sau CTTG II (1945) đến nay. - So với CNDQ đầu thế kỉ XX, CNTB hiện đại có những đặc điểm mới sau: + Độc quyền nhà nước + Sản xuất phát triển cao + Lực lượng lao động có nhiều chuyên biến về cơ cấu, chuyên môn, nghiệp vụ + Không ngừng tự điều chỉnh, thích ứng để tồn tại, phát triển + Là một hệ thống thế giới và ngày càng mang tính toàn cầu b. Tiềm năng và thách thức của CNTB hiện đại * Tiềm năng - Có trình độ sản xuất phát triển cao, luôn đi đầu trong phát triển kinh tế thế giới - Có bề dày kinh nghiệm quản lý, cơ sở pháp chế tương đối hoàn chỉnh - Khả năng tự điều chỉnh và thích nghi để tồn tại, phát triển - Xu hướng toàn cầu hóa kinh tế tạo ra những nguồn lực bên ngoài quan trọng để phát triển * Thách thức - Bất bình đẳng xã hội ngày càng gia tăng, khoảng cách giàu – nghèo ngày càng lớn. - Đối mặt với những vấn đề chính trị, xã hội nan giải: thất nghiệp, xung đột sắc tộc, tôn giáo. Nền dân chủ tư sản thực chất chỉ dành cho một bộ phận thiểu số trong xã hội → nhiều cuộc phản kháng xã hội bùng nổ mạnh mẽ - Tiềm ẩn những cuộc khủng hoảng mang tính toàn cầu: khủng hoảng tài chính, tiền tệ, khủng hoảng môi trường

- Chiếm lấy phố Uôn hay còn gọi là phong trào “99 chống lại 1” là một phong trào xuất hiện ở nước Mỹ vào đầu năm 2011. Tên của phong trào này nói lên rằng 1% dân số Mỹ giàu có sở hữu tài sản quốc gia bằng số tài sản của 99% dân số. Phong trào đã lan sang nhiều nước từ bản chủ nghĩa.
- Những cuộc khủng hoảng mang tính toàn cầu: Từ cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973 đến nay, tuy các nước tư bản phát triển đã coi trọng tìm kiếm các nguồn năng lượng mới, xanh và sạch, song quá trình chuyển đổi diễn ra chậm, sự phụ thuộc của các nước vào dầu mỏ vẫn rất lớn. Khủng hoảng năng lượng tiếp tục gây ra nhiều tác động tiêu cực đến các nước tư bản: lạm phát cao, ô nhiễm môi trường... Những năm gần đây, đại dịch Covid – 19 đã gây ra cuộc khủng hoảng nhiều mặt, cả về y tế, xã hội lẫn chính trị, kinh tế, đặt các quốc gia tư bản trước nhiều thách thức, khó khăn

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi trong phần luyện tập SGK, tr.19

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

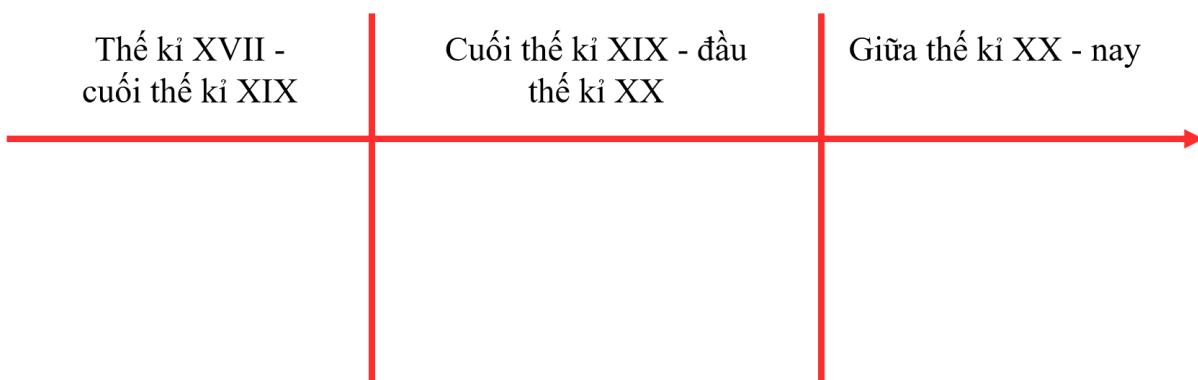
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu nhiệm vụ học tập sau:



LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành sơ đồ sau để thể hiện các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản.



- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS trả lời tốt

+ GV chuẩn đáp án



LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành sơ đồ sau để thể hiện các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Thế kỉ XVII - cuối thế kỉ XIX	Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX	Giữa thế kỉ XX - nay
- Thời kì xác lập của chủ nghĩa tư bản ở Âu – Mĩ và sau đó trên toàn thế giới - CNTB tự do cạnh tranh	Chủ nghĩa tư bản bước sang giai đoạn mới - chủ nghĩa tư bản độc quyền.	Chủ nghĩa tư bản hiện đại

D.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm một số hình ảnh, tư liệu để tự trình bày, tìm hiểu thêm về một vấn đề lịch sử

b. Nội dung: GV nêu nhiệm vụ học tập, HS thực hiện nhiệm vụ (cá nhân), GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu nhiệm vụ học tập sau: *Chọn và phân tích một thành tựu của chủ nghĩa tư bản hiện đại có tác động đến cuộc sống ngày nay.*

- GV yêu cầu HS thực hiện tại nhà, báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm tài liệu và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt (nếu cần thiết)

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 1: CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống hóa những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 1 – Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.
- Vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**

- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- **Năng lực đặc thù:** năng lực tìm hiểu lịch sử; năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập, lập bảng thống kê, trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung bài học; tự đánh giá chéo phần trả lời câu hỏi bài tập của bản thân/bạn bè

3. Về phẩm chất

- *Trung thực:* Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.
- *Trách nhiệm:* Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi liên quan đến các cuộc cách mạng tư sản và sự phát triển của CNTB thông qua trò chơi “Lật mảnh ghép”

b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS quan sát hình ảnh, nêu câu hỏi. HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV nêu thể lệ trò chơi “Lật mảnh ghép” như sau: Lật mở từng hình ảnh và trả lời câu hỏi.

- + Lật 2 ô đầu tiên, trả lời đúng tên nội dung hình ảnh được: 30 điểm
- + Lật 2 ô tiếp theo, trả lời đúng được: 20 điểm
- + Lật ô thứ 5 trở đi, trả lời đúng được: 10 điểm

CÂU 1

Sự kiện gì?

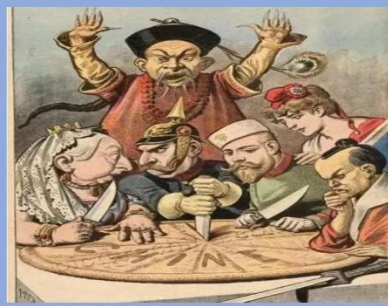
Ở nước nào?



Sác-lơ I, ông vua đầu tiên của Châu Âu phong kiến phải nhận bản án xử tử. Việc xử tử Sác-lơ I là đỉnh cao cách mạng tư sản Anh.

CÂU 2

Nội dung và ý nghĩa của bức tranh?



CÂU 3

Sự kiện gì?

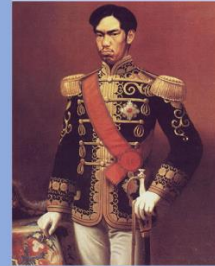
Ở nước nào?



CÂU 4

Ông là ai?

Ở nước nào?



CÂU 5

Sự kiện gì?

Ở nước nào?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát, nhớ lại kiến thức, làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời lần lượt HS trả lời câu hỏi trước lớp
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. Tuyên dương HS đạt nhiều điểm nhất trong phần thi khởi động

- GV dẫn dắt: Những hình ảnh trên gợi nhớ lại cho chúng ta một số cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu và sự phát triển của CNTB sang giai đoạn ĐQ chủ nghĩa gắn liền với quá trình xâm lược thuộc địa. Hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng bước vào tiết thực hành nhằm hệ thống, củng cố lại kiến thức và mở rộng thêm hiểu biết của bản thân về chủ đề bài học trên.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu

a. Mục tiêu: Lập được bảng tóm tắt tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu trên các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng

b. Nội dung: GV cho HS hoạt động theo nhóm, hoàn thành bảng tóm tắt tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu trên giấy A0. HS hoạt động theo nhóm, hoàn thành sản phẩm học tập, cử đại diện thuyết trình trước lớp

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm học tập của HS trên giấy A0. HS ghi được vào vở bảng tóm tắt tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm hoàn thành phiếu học tập trên giấy A0 (thời gian 10 phút) theo mẫu sau

NHỮNG TIỀN ĐỀ CỦA CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN				
Tiền đề	Tiền đề chung	Tiền đề riêng		
Lĩnh vực		CMTS Anh	CTGDŁ Bắc Mĩ	CMTS Pháp
Kinh tế				
Chính trị				
Xã hội				
Tư tưởng				

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập
+ HS dựa vào thông tin mục 1 bài 1 SGK, kiến thức đã học, làm việc theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập
+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
+ Hết thời gian, các nhóm trưng bày sản phẩm học tập trước lớp
+ GV mời đại diện 1 nhóm trình bày trước lớp
+ GV mời đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập
+ GV chuẩn kiến thức.
+ GV đánh giá sản phẩm học tập của các nhóm, tuyên dương nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ
+ Trên cơ sở phân chuẩn kiến thức của GV, HS hoàn thành vào vở ghi bảng tóm tắt tiền đề của các cuộc CMTS tiêu biểu

1. Tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản

NHỮNG TIỀN ĐỀ CỦA CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN				
Tiền đề	Tiền đề chung	Tiền đề riêng		
Lĩnh vực		CMTS Anh	CTGDŁ Bắc Mĩ	CMTS Pháp
Kinh tế	Xuất hiện những yếu tố kinh tế TBCN	Nông nghiệp, công-thương nghiệp TBCN phát triển	Nhiều trung tâm công nghiệp hình thành ở miền Bắc, Trung	Công thương nghiệp TBCN phát triển mạnh
Chính trị	CD phong kiến kìm hãm sự phát triển kinh tế TBCN	Nhà vua nắm mọi quyền lực, cai trị độc đoán...	Chính sách cai trị khắt khe của TD Anh	CQ vua Lu-i XVI chuyên quyền khủng bố nhân dân
Xã hội	Xuất hiện giai cấp mới, mâu thuẫn sâu sắc với phong kiến	Nhân dân Anh (tư sản, quý tộc mới) >< phong kiến Anh	Nhân dân Bắc Mĩ >< thực dân Anh	Đảng cấp thứ 3 >< Tăng lữ, Quý tộc
Tư tưởng	Dọn đường cho cách mạng tư sản	Thanh giáo	Khẩu hiệu "Tự do và tư hữu"	Trào lưu "Triết học Ánh sáng"

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản

- a. Mục tiêu:** Thiết kế được trên trục thời gian thể hiện các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản
- b. Nội dung:** GV cho HS hoạt động cá nhân/nhóm, thiết kế trục thời gian và tham gia trả lời các câu hỏi trong phần thi "Ai nhanh hơn"
- c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm học tập và câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản theo trục thời gian
- d. Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH

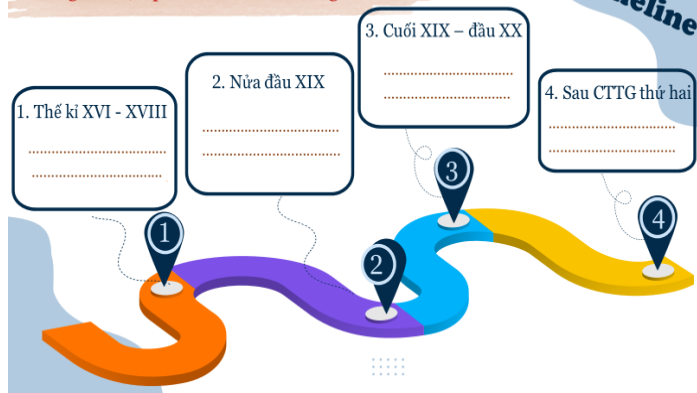
* Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập sau: *Thiết kế trục thời gian thể hiện các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản và trình bày trước lớp.*

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

2. Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản

Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản



- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS dựa vào nội dung kiến thức bài 2 SGK, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời 1 – 2 HS trình bày trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

* **Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm**

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành 2 đội: đội tư sản và đội nhà vua, cùng tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn”. Thẻ lệ trò chơi như sau:

- Đội 1 bấm vào câu hỏi số 1, giáo viên đọc câu hỏi
- Đội 1 trả lời, giáo viên bấm vào câu hỏi để hiện lên đáp án
- Nhấn nút quay lại đầu trang
- Nếu đội 1 trả lời đúng, bấm vào dấu cộng để được cộng một điểm
- Tương tự với đội 2
- Đội nào nhiều điểm hơn sẽ chiến thắng

Câu hỏi đội tư sản:

Câu 1: Khẩu hiệu nổi tiếng trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền 1789 của nước Pháp là:

Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền

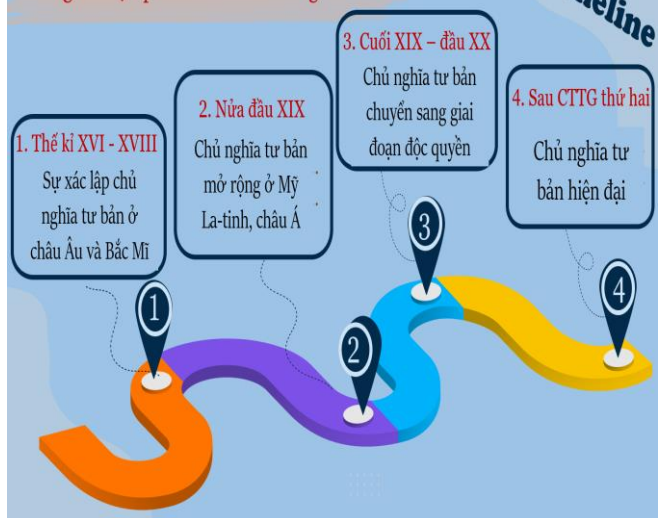
Câu 2: Chủ nghĩa đế quốc thực dân là đặc điểm của đế quốc nào? **Thực dân Anh**

Câu 3: “Cừu ăn thịt người” phản ánh sự xâm nhập của kinh tế tư bản chủ nghĩa vào ngành kinh tế nào ở nước Anh? **Nông nghiệp**

Câu 4: Nguyên nhân nào đã đưa Nhật Bản từ một nước phong kiến lạc hậu trở thành một nước tư bản chủ nghĩa? **Cuộc Duy tân Minh Trị 1868**

Câu 5: Các-ten và Xanh-đi-ca là tên hình thức độc quyền phổ biến ở nước nào? **Nước Đức.**

Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản



Câu hỏi đội nhà vua:

Câu 1: Tên gọi của hai đẳng cấp được hưởng mọi đặc quyền, đặc lợi trong chế độ phong kiến Pháp thế kỉ XVIII là gì? **Tăng lữ và Quý tộc**

Câu 2: Vị vua chuyên chế cuối cùng của phong kiến Pháp là ai? **Vua Lu-i XVI**

Câu 3: Giai cấp có nguồn gốc từ phong kiến chuyển hướng kinh doanh theo tư bản ở Anh là

Quý tộc mới

Câu 4: Cách mạng tư sản Đức diễn ra dưới hình thức gì? **Thông nhất đất nước**

Câu 5: Yếu tố cản trở sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Bắc Mỹ giữa thế kỉ XIX là gì?

Chế độ nô lệ ở miền Nam nước Mỹ**- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS dựa vào kiến thức đã học, làm việc theo nhóm, tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các đội lần lượt trả lời câu hỏi của nhóm mình trong thời gian quy định

+ Nếu đội 1 trả lời sai, đội 2 có thể giành quyền trả lời và ghi điểm

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

+ Gv tổng kết điểm của các đội chơi, tuyên dương, khuyến khích đội chiến thắng

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu trào lưu triết học ánh sáng và ảnh hưởng đối với nhân loại**a. Mục tiêu: Phân tích được ảnh hưởng của trào lưu Triết học ánh sáng đối với nhân loại**

b. Nội dung: GV cho HS hoạt động nhóm, thảo luận chủ đề: “Triết học Ánh sáng và ảnh hưởng đối với nhân loại”. HS thảo luận theo nhóm, cử đại diện thuyết trình trước lớp

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm học tập và bài thuyết trình của HS. HS ghi được vào vở một số ảnh hưởng của trào lưu Triết học ánh sáng đối với nhân loại

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 4 nhóm, cùng thảo luận chủ đề: “<i>Triết học Ánh sáng và ảnh hưởng đối với nhân loại</i>” theo gợi ý sau: 1. Trào lưu Triết học ánh sáng ảnh hưởng đến Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp 2. Trào lưu Triết học ánh sáng ảnh hưởng đến Bản Tuyên ngôn độc lập của Mĩ 3. Trào lưu Triết học ánh sáng ảnh hưởng đến Bản Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS dựa vào kiến thức đã học, hiểu biết của bản thân, thảo luận và hoàn thành sản phẩm học tập trên giấy A0 trong thời gian 10 phút + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Hết thời gian, các nhóm trưng bày sản phẩm học tập trước lớp + GV mời đại diện 1 nhóm trình bày trước lớp + GV mời đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV chuẩn kiến thức. + GV đánh giá sản phẩm học tập của các nhóm, tuyên dương nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ + Trên cơ sở phân chuẩn kiến thức của GV, HS hoàn thành vào vở ghi ảnh hưởng của trào lưu Triết học ánh sáng đối với nhân loại	3. Ảnh hưởng của trào lưu Triết học ánh sáng đối với nhân loại * Nội dung cơ bản của trào lưu Triết học ánh sáng - Tấn công vào hệ tư tưởng lạc hậu, lỗi thời của chế độ phong kiến cùng giáo hội Ki – tô giáo - Đề cao quyền tự do của con người, đề ra mô hình xây dựng nhà nước tư sản tiến bộ hơn + Mông - te - xki- ơ "Tự do về chính trị thể hiện ở chỗ: công dân đó không phải lo sợ, ngược lại luôn cảm thấy an toàn" + Vôn- te: "Hãy đập tan tòa nhà của sự dối trá", "Xé nát bọn dê tiện" + Rút – xô: "Tự do là quyền tự nhiên của con người" * Ảnh hưởng của trào lưu Triết học ánh sáng đến cách mạng tư sản Pháp và Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp - Tư tưởng tiến bộ của trào lưu Triết học ánh sáng đã dọn đường cho cách mạng bùng nổ và thắng lợi, dẫn đến sự ra đời của bản tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền - Tuyên ngôn nêu lên quyền tự do bình đẳng của con người, khẳng định chủ quyền thuộc về nhân dân, khẳng định quyền sở hữu tài sản cá nhân - Tuyên ngôn thấm nhuần tư tưởng của các nhà Triết học ánh sáng Pháp, kết tinh lại trong khẩu hiệu nổi tiếng: “Tự do – bình đẳng – bác ái”. Lần đầu tiên trong lịch sử nước Pháp, chủ quyền tối cao được tuyên bố thuộc về nhân dân cùng với những quyền tự do dân chủ khác. Quyền lực của nhà vua cùng chế độ đẳng cấp bị bãi bỏ - Trong thời kì mà nền quân chủ phong kiến chuyên chế đang thống trị ở châu Âu, những quyền lợi cơ bản của con người bị tước đoạt một cách tàn tệ thì bản tuyên ngôn chính là 1 văn kiện lịch sử tiến bộ, là lời kêu gọi nhân dân bị áp bức đứng dậy đấu tranh * Ảnh hưởng của trào lưu Triết học ánh sáng đến Tuyên ngôn độc lập của nước Mĩ - Nội dung cơ bản của Tuyên ngôn là lời tuyên bố các quyền tự do dân chủ tư sản và khẳng định nền độc lập của các bang ở Bắc Mĩ - Tuyên ngôn khẳng định chỉ có nhân dân mới có quyền thiết lập chính quyền và hủy bỏ chính quyền khi nó đi ngược quyền lợi của quần chúng - Bản tuyên ngôn nổi bật hai giá trị lịch sử lớn: + Khẳng định quyền con người (quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc) + Khẳng định quyền bình đẳng giữa các dân tộc

	- Tuyên ngôn là một văn kiện có tính chất dân chủ, tự do. Những tư tưởng tiên bộ của bản Tuyên ngôn là sự tiếp thu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tiên bộ của thời đại, điển hình là từ các nhà khai sáng Pháp. * Bản Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dùng hai câu nói nổi tiếng trong Bản tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp và Bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ làm đề dẫn trong Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam. Người đã tiếp thu, kế thừa và hơn nữa phát triển các giá trị ấy ở hai nội dung cơ bản là quyền con người, quyền dân tộc và nguyên tắc chủ quyền nhân dân
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi liên quan đến chủ đề bài học thông qua trò chơi “Ô chữ bí mật”

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu: Học sinh trả lời 10 câu hỏi theo hàng ngang để tìm ra từ chìa khóa theo hàng dọc. Trả lời đúng 1 câu hàng ngang được 10 điểm, trả lời câu hàng dọc được 40 điểm

Câu 1. Tên gọi của cuộc cách mạng tư sản lần thứ hai ở Mỹ là gì

Câu 2. Ai là người có cuộc phát kiến năm 1492, đến những đảo vùng Caribê nhưng lại tưởng đó là miền Đông Ấn Độ?

Câu 3. Giai cấp nào nắm quyền lực ở miền Nam nước Mỹ trước nội chiến?

Câu 4. Tầng lớp quý tộc tư sản hóa ở Đức còn được gọi là gì?

Câu 5. Những máy kéo sợi của Ác-rai-tơ và Crôm-tơn đều hoạt động dựa trên nguyên lí nào?

Câu 6. Tên gọi của quốc gia độc lập hình thành từ 13 thuộc địa của Anh ở Bắc Mỹ là gì ?

Câu 7. Thể chế chính trị thiết lập ở Anh năm 1688 là gì?

Câu 8. Những ông chủ ngân hàng không chỉ cho vay mà còn tham gia vào các hoạt động sản xuất được gọi là tầng lớp gì?

Câu 9. Những phát minh kĩ thuật đầu tiên xuất hiện trong ngành công nghiệp gì?

Câu 10. Những tầng lớp tư sản, nông dân, bình dân thành thị Pháp cuối thế kỉ XVIII được gọi chung là gì?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS trả lời tốt nhất (có thể thưởng điểm cộng, điểm khuyến khích)

+ GV chuẩn đáp án

Ô CHỮ BÍ MẬT

1								N	Ộ	I	C	H	I	Ế	N					1
2										C	Ô	L	Ô	M	B	Ô				2
3								C	H	Ủ	N	Ô								3
4											G	I	O	O	N	G	K	E		4
5								S	Ứ	C	N	Ư	Ớ	C						5
6				H	Ợ	P	C	H	Ú	N	G	Q	U	Ố	C	M	Ĩ			6
7	Q	U	Â	N	C	H	Ủ	L	Ậ	P	H	I	Ế	N						7
8				T	Ư	S	Ả	N	T	À	I	C	H	Í	N	H				8
9										D	Ệ	T								9
10						Đ	Ả	N	G	C	Ấ	P	T	H	Ứ	B	A			10

Ô chữ hàng dọc: **CÔNG NGHIỆP**. Công nghiệp là nền tảng kinh tế của CNTB. Một trong những đặc điểm nổi bật của CNTB thời kì xác lập và phát triển là chuyển từ nền kinh tế nông nghiệp phong kiến sang nền kinh tế công nghiệp TBCN hiện đại với sự phát triển mạnh mẽ của LLSX. Đây chính là yếu tố chìa khóa dẫn đến quá trình mở rộng thuộc địa và chuyển CNTB từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm tài liệu để tìm hiểu thêm về một vấn đề lịch sử
b. Nội dung: GV nêu nhiệm vụ học tập, HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ tại nhà, GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Phần tìm hiểu của HS trong vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm tài liệu và hoàn thành nhiệm vụ tại nhà
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời 1 – 2 HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, có thể thưởng điểm, tuyên dương những HS có bài làm tốt

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Chuẩn bị nội dung bài 3: *Sự hình thành Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết*

CHỦ ĐỀ 2: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY (6 TIẾT)

BÀI 3: SỰ HÌNH THÀNH LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau khi học xong bài, HS có thể

- Trình bày được quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.
- Phân tích được ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- Năng lực đặc thù

- + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh để trình bày quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.
- + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để phân tích ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.
- + Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: Vận dụng những hiểu biết về lịch sử để lý giải một vấn đề lịch sử: Liên Bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết ra đời có phải là một tất yếu hay không?

3. Về phẩm chất

- *Trung thực*: Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.
- *Trách nhiệm*: Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi thông qua khai thác hình ảnh và thông tin giáo viên cung cấp để dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS quan sát hình ảnh và cung cấp thông tin về sự ra đời của Liên bang Xô viết, sau đó nêu câu hỏi. HS quan sát hình ảnh, dựa vào thông tin được cung cấp, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV giao nhiệm vụ học tập như sau:



KHỞ ĐỘNG

Đọc đoạn tư liệu sau kết hợp quan sát Hình 1 và trả lời câu hỏi.

“Sự ra đời của Liên bang Xô viết là một sự kiện quan trọng. Sức mạnh của Nhà nước Xô viết được củng cố và tăng cường. Đồng thời, đó là thắng lợi của chính sách dân tộc theo chủ nghĩa Lê-nin, của tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc trong quốc gia công nông đầu tiên trên thế giới. Lần đầu tiên trong lịch sử, loài người tiến bộ đã được thấy một con đường giải phóng đúng đắn vấn đề dân tộc, đó là thủ tiêu mọi bất bình đẳng dân tộc và xây dựng một cộng đồng anh em giữa các dân tộc”.

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.46 – 47)

1. Cho biết đoạn tư liệu và H.1 đề cập đến sự kiện lịch sử nào?

2. Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về nhà nước Liên Xô?



- Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS theo dõi hình ảnh, kết hợp thông tin GV cung cấp, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ
- + GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp
- + GV mời đại diện HS bàn khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- + GV dẫn dắt vào bài mới: Trong Lời mở đầu của tác phẩm Mười ngày rung chuyển thế giới, nhà báo Giôn Rít (Mĩ) đã đánh giá Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 là “một trong những sự kiện vĩ đại nhất của lịch sử”, mở đường cho sự ra đời Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. Tác phẩm được xuất bản ở nhiều nước trên thế giới. Vậy, Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết được hình thành và phát triển như thế nào? Sự thành lập đó có ý nghĩa ra sao? Bài học hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng làm sáng tỏ những vấn đề trên.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

- Mục tiêu:** HS trình bày được quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.
- Nội dung:** GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi. HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở ghi sự xác lập của CNTB ở châu Âu và Bắc Mĩ
- Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM												
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, hoàn thành phiếu học tập. Cụ thể như sau: + Cặp đôi (bàn lẻ): Khai thác tư liệu tr 20-21, hoàn thành bảng sự ra đời của Chính quyền Xô viết theo mẫu sau:	1. Quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết a. Sự ra đời của Chính quyền Xô viết - Thời gian: 10/1917 - Nguyên nhân: + Đầu năm 1917, nước Nga ẩn chứa nhiều mâu thuẫn, nổi bật là mâu thuẫn giữa nhân dân Nga với chế độ Nga hoàng + Tháng 2/1917, cách mạng tháng Hai bùng nổ, lật đổ chế độ Nga hoàng. Tuy nhiên, một tình thế phức tạp diễn ra: nước Nga tồn tại cục diện hai chính quyền song song tồn tại: chính quyền Xô viết (công – nông – binh) và chính phủ tư sản lâm thời. + Hai chính quyền đại diện cho lợi ích của các giai cấp khác nhau, vấn đề hòa bình và ruộng đất chưa được giải quyết → cần thành lập chính quyền Xô viết trên cả nước - Lãnh đạo: Lê – nin và Đảng Bôn – sê – vích Nga - Quá trình ra đời: + Tháng 10/1917, cách mạng tháng Mười Nga bùng nổ + Đêm 25/10, Đại hội Xô viết toàn Nga họp, tuyên bố thành lập chính quyền Xô viết do Lê – nin đứng đầu, ban hành Sắc lệnh hòa bình, Sắc lệnh ruộng đất. - Đặc điểm chính quyền: chính quyền công – nông đầu tiên, đại diện cho đông đảo quần chúng nhân dân lao động; Nhà nước XHCN đầu tiên trên thế giới. b. Sự thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết - Thời gian: 12/1922 - Nguyên nhân thành lập: + Trong cuộc chiến đấu chống thù trong giặc ngoài (1918 – 1920), nước Nga Xô viết và các nước cộng hòa XÔ viết đồng minh đã liên minh với nhau, đánh bại kẻ thù chung, bảo vệ chính quyền cách mạng. Đó là cơ sở để họ dễ dàng gia nhập liên bang + Chiến tranh kết thúc, nhiệm vụ khôi phục kinh tế, xây dựng CNXH và bảo vệ đất nước đòi hỏi sự liên minh chặt chẽ hơn nữa giữa các nước CHXHCN trên đất nước Xô viết												
<table border="1"> <tr> <td data-bbox="115 331 370 405">  </td><td data-bbox="370 331 889 405">Sự ra đời của Chính quyền Xô viết</td></tr> <tr> <td data-bbox="115 405 370 453">Thời gian</td><td data-bbox="370 405 889 453"></td></tr> <tr> <td data-bbox="115 453 370 504">Nguyên nhân</td><td data-bbox="370 453 889 504"></td></tr> <tr> <td data-bbox="115 504 370 552">Lãnh đạo</td><td data-bbox="370 504 889 552"></td></tr> <tr> <td data-bbox="115 552 370 602">Quá trình ra đời</td><td data-bbox="370 552 889 602"></td></tr> <tr> <td data-bbox="115 602 370 743">Đặc điểm chính quyền</td><td data-bbox="370 602 889 743"></td></tr> </table>		Sự ra đời của Chính quyền Xô viết	Thời gian		Nguyên nhân		Lãnh đạo		Quá trình ra đời		Đặc điểm chính quyền		
	Sự ra đời của Chính quyền Xô viết												
Thời gian													
Nguyên nhân													
Lãnh đạo													
Quá trình ra đời													
Đặc điểm chính quyền													
+ Cặp đôi (bàn chẵn): Khai thác tư liệu tr. 21, hoàn thành bảng sự thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết theo mẫu sau:													
<table border="1"> <tr> <td data-bbox="115 877 370 951">b)</td><td data-bbox="370 877 889 951">Sự thành lập Liên bang CHXHCN Xô viết</td></tr> <tr> <td data-bbox="115 951 370 1001">Thời gian</td><td data-bbox="370 951 889 1001"></td></tr> <tr> <td data-bbox="115 1001 370 1106">Nguyên nhân thành lập</td><td data-bbox="370 1001 889 1106"></td></tr> <tr> <td data-bbox="115 1106 370 1201">Quá trình thành lập</td><td data-bbox="370 1106 889 1201"></td></tr> <tr> <td data-bbox="115 1201 370 1295">Những nước đầu tiên gia nhập</td><td data-bbox="370 1201 889 1295"></td></tr> <tr> <td data-bbox="115 1295 370 1381">Nguyên tắc gia nhập</td><td data-bbox="370 1295 889 1381"></td></tr> </table>	b)	Sự thành lập Liên bang CHXHCN Xô viết	Thời gian		Nguyên nhân thành lập		Quá trình thành lập		Những nước đầu tiên gia nhập		Nguyên tắc gia nhập		
b)	Sự thành lập Liên bang CHXHCN Xô viết												
Thời gian													
Nguyên nhân thành lập													
Quá trình thành lập													
Những nước đầu tiên gia nhập													
Nguyên tắc gia nhập													
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc thông tin mục 1, SGK tr. 12, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi. + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung - Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + GV mở rộng một số vấn đề sau: * Cặp đôi bàn lẻ: Sự ra đời của Chính quyền Xô viết - GV nhấn mạnh sự kiện ngày 25/10: quần chúng nhân dân tấn công đánh chiếm Cung điện Mùa Đông													

– trụ sở làm việc, nơi ẩn náu của chính phủ tư sản lâm thời. Dưới sự yểm trợ của đại bác, hàng nghìn người với súng ống trên tay đã ồ ạt tràn vào cung điện. Những tiếng hò hét, tiếng giậm chân, tiếng báng súng lách cách đã phá tan sự yên tĩnh vốn có trong các gian phòng của Nga hoàng. Cung điện Mùa Đông, 1 pháo đài bất khả xâm phạm trong 150 năm nay, giờ đây đã bị quân chúng cách mạng chiếm đóng. Toàn bộ chính phủ tư sản lâm thời, trừ Thủ tướng Ke – ren – xki đã bị bắt. Ngày này đã được lấy là ngày kỉ niệm cách mạng tháng Mười Nga thành công. Thắng lợi của cuộc cách mạng này đã dẫn đến sự thành lập chính quyền Xô viết - Nhà nước XHCN đầu tiên trên thế giới. Như vậy, Lênin là người đã có công biến Nhà nước XHCN trên lý thuyết của Các Mác và En – ghen thành hiện thực ở chính nước Nga – 1 nước có diện tích bằng 1/6 diện tích thế giới. (GV trình chiếu hình ảnh cuộc tấn công và cung điện Mùa Đông và hình ảnh lãnh tụ Lê – nin).

- Nhấn mạnh về ý nghĩa của cuộc cách mạng này, chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: ““Giống như mặt trời chói lọi, Cách mạng tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu, hàng triệu người bị áp bức bóc lột trên trái đất đứng lên tự giải phóng... Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế”. (Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 12, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 461)

* Cặp đôi bàn chân: Sự thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

GV trình chiếu Hình 2 (SGK, tr.21), yêu cầu HS chỉ trên lược đồ những quốc gia đầu tiên gia nhập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết và 11 quốc gia đã gia nhập sau đó



Hình 2. Lược đồ Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

+ Sự phát triển không đồng đều về kinh tế, văn hóa, chính trị giữa nước Nga Xô viết và các nước cộng hòa Xô viết đồng minh (Nga tương đối phát triển, trong khi các nước khác lạc hậu) → đặt ra yêu cầu phải hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển.

- Quá trình thành lập:

+ 1922, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang họp ở Mát – x – cơ – va đã thông qua bản tuyên bố thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô)

+ 1924, bản hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua, hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước LBCH XHCN Xô viết

- Những nước đầu tiên gia nhập: 4 nước: Nga, U – crai – na, Bê – lô – rút – xi – a, Ngoại Cáp – ca – dơ. Đến năm 1940, phát triển thành 15 nước

- Nguyên tắc gia nhập: tự nguyện, bình đẳng.

- Tiếp đó, GV trình chiếu hình ảnh quốc huy đầu tiên của Liên Xô (1923), nêu câu hỏi:

1. Em nhìn thấy những hình ảnh nào từ Quốc huy đầu tiên của nước Liên Xô?
2. Theo em, những hình ảnh đó có ý nghĩa như thế nào? Nó phản ánh bản chất gì của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới?



TIẾT 2

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

- Mục tiêu:** HS phân tích được ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.
- Nội dung:** GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi. HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở ghi sự xác lập của CNTB ở châu Âu và Bắc Mỹ
- Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH			DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm như sau (hoàn thành sản phẩm học tập trên giấy A0): <i>Hoàn thành bảng phân tích sau về ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết</i>			2. Ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết - Đối với Liên Xô: + Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của đế quốc Nga và Chính phủ tư sản lâm thời, xác lập chế độ XHCN trên toàn lãnh thổ Liên Xô + Thể hiện quyền dân tộc tự quyết, sự liên minh đoàn kết của các nước cộng hòa Xô viết đồng minh, làm thất bại ý đồ và hành động chia rẽ của các thế lực thù địch. + Tạo sức mạnh tổng hợp để Liên Xô tập trung vào xây dựng CNXH và bảo vệ đất nước, chiến thắng ngoại xâm (ví dụ: Khi LB CHXHCN Xô viết được thành lập, bước vào thời kì xây dựng CHXH (1925 – 1941) đã đưa Liên Xô từ 1 nước nông nghiệp lạc hậu trở thành 1 cường quốc công nghiệp XHCN. Những thành tựu trên đã tạo sức mạnh tổng hợp để LX đánh thắng sự xâm lược của phát xít Đức, bảo vệ độc lập, toàn vẹn lãnh thổ; đồng
Nội dung	Ý nghĩa	Lấy ít nhất 1 – 2 ví dụ dẫn chứng	
Đối với Liên Xô			
Đối với Liên Xô			
Liên hệ với Việt Nam			
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập			

+ HS đọc thông tin mục 2, SGK tr.22, làm việc theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập, hoàn thành sản phẩm học tập trên giấy A0

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời các nhóm trưng bày sản phẩm trước lớp

+ GV mời đại diện 1 nhóm trình bày sản phẩm.

+ GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

+ GV dựa vào bảng chuẩn kiến thức đánh giá sản phẩm của từng nhóm (nội dung: 8 điểm, hình thức trình bày: 2 điểm). Tuyên dương nhóm trình bày tốt nhất. Có thể thưởng điểm cho HS thuyết trình tốt.

+ GV mở rộng nội dung bài học thông qua câu hỏi sau:
Theo kết quả cuộc khảo sát (2021) của Trung tâm Nghiên cứu Dư luận xã hội toàn Nga, khi đặt câu hỏi có muốn khôi phục lại Liên Xô hay không, khoảng 67% người được hỏi có mong muốn duy trì Liên Xô. Nếu em là người dân Nga được tiến hành khảo sát, em sẽ đưa ra lựa chọn nào? Nêu ít nhất 2 lý do dẫn đến sự lựa chọn của mình (GV mời 1 số HS trả lời cá nhân, đưa ra quan điểm của mình).

thời thực hiện sứ mệnh quốc tế, tiêu diệt chủ nghĩa phát xít trên phạm vi thế giới, cứu loài người khỏi ách nô lệ của chủ nghĩa phát xít, giải phóng 1 loạt các nước Đông Âu...)

- Đối với thế giới:

+ Chứng minh học thuyết Mác – Lênin à đúng đắn, khoa học.

+ Xác lập và xây dựng mô hình Nhà nước mới đối lập với mô hình nhà nước tư bản chủ nghĩa, tác động lớn đến chính trị và quan hệ quốc tế (sự ra đời của Nhà nước XHCN đầu tiên khiến cho CNTB không còn là hệ thống duy nhất trên thế giới nữa, tạo tiền đề cho sự ra đời của hệ thống XHCN sau này)

+ Cổ vũ và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho phong trào cách mạng thế giới.

- Liên hệ đến Việt Nam:

+ CMT10 Nga thành công và sự thành lập Nhà nước XHCN đầu tiên trên thế giới, đưa nhân dân lao động lên làm chủ là nguồn cổ vũ, động viên tinh thần cho nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống TD Pháp, giành độc lập dân tộc

+ Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đã biến chủ nghĩa Mác – Lê nin thành hiện thực và truyền bá khắp nơi dẫn đến việc NAQ bắt gặp chủ nghĩa Mác – Lê nin và tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam – con đường CMVS, đi theo CMT10 Nga. Từ đó, Người tích cực chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam – ĐCS Việt Nam – nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng về sau

+ Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho nhân dân Việt Nam tiếp thu và sáng tạo phù hợp với hoàn cảnh đất nước: bài học về sự lựa chọn con đường giải phóng dân tộc, xây dựng mô hình Nhà nước (VN đã xây Nhà nước XHCN theo mô hình của Liên Xô)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi trong phần luyện tập SGK, tr.22

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu nhiệm vụ học tập sau:



LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành sơ đồ về quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

2 - 1917	10 - 1917	1918 - 1920	12 - 1922

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi
- + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- + GV mời HS trả lời câu hỏi trước lớp
- + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS trả lời tốt
- + GV chuẩn đáp án



LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành sơ đồ về quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

2 - 1917	10 - 1917	1918 - 1920	12 - 1922
Sau Cách mạng tháng Hai, xuất hiện cục diện hai chính quyền song song tồn tại các vấn đề hòa bình và ruộng đất chưa được giải quyết.	Cách mạng tháng Mười thành công, Đại hội Xô viết toàn Nga họp, ra tuyên bố: thành lập chính quyền Xô viết; ban hành “Sắc lệnh hòa bình” và “Sắc lệnh ruộng đất”...	14 nước đế quốc tấn công thúc đẩy nước Nga Xô viết và các nước Cộng hòa Xô viết đồng minh thực hiện liên minh với nhau để chống kẻ thù chung	Đại hội các Xô viết toàn Liên bang đã thông qua bản Tuyên ngôn thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết và bản Hiệp ước Liên bang.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để lý giải về một vấn đề lịch sử

b. Nội dung: GV nêu nhiệm vụ học tập, HS làm việc cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ, GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu nhiệm vụ học tập sau: *Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết ra đời có phải là một tất yếu lịch sử không? Vì sao?*

- GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm tài liệu và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 cặp đôi trả lời câu hỏi

- GV mời 1 – 2 cặp đôi khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức



VẬN DỤNG

2. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết ra đời có phải là một tất yếu lịch sử không? Vì sao?

- Do sự phát triển không đều về kinh tế, văn hóa, chính trị giữa các nước cộng hòa Xô viết

- Do cuộc tấn công của liên minh 14 nước đế quốc và sự nổi dậy chống phá của các thế lực phản động.

- Nhiệm vụ khôi phục kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước

- Xuất phát những yêu cầu của lịch sử: Liên bang CHXHCN Xô viết ra đời là một tất yếu của lịch sử.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Chuẩn bị nội dung bài 4: *Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay*

Tuần

Tiết

BÀI 4: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY

(3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau khi học xong bài, HS có thể

- Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Nêu được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở khu vực châu Á, khu vực Mỹ La-tinh.
- Giải thích được nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.
- Nêu được nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.
- Nêu được những thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- Năng lực đặc thù

- + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh để trình bày sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai; nêu sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở khu vực châu Á, khu vực Mỹ La-tinh; nêu nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay; nêu những thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc.
- + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để giải thích được nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.
- + Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: Vận dụng những hiểu biết về lịch sử để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng CNXH hiện nay.

3. Về phẩm chất

- *Trung thực*: Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.
- *Trách nhiệm*: Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức.
- *Yêu nước*: Tự hào về những thành tựu đạt được trong công cuộc xây dựng chế độ mới của đất nước, có ý chí quyết tâm xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Trong bài học này, phân bổ các tiết có thể như sau:

- Tiết 1: mục 1.a, 1.b
- Tiết 2: mục 1.c, mục 2.a
- Tiết 3: mục 2.b

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi thông qua hiểu biết của cá nhân và khai thác lược đồ để GV dẫn dắt vào bài mới.

b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS quan sát hình ảnh và cung cấp thông tin về sự ra đời của Liên bang Xô viết, sau đó nêu câu hỏi. HS quan sát hình ảnh, dựa vào thông tin được cung cấp, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ học tập như sau:



KHỞ ĐỘNG

THỬ TÀI HIỂU BIẾT



Em hãy chỉ trên lược đồ thế giới những quốc gia mà em biết hiện nay đi theo con đường Chủ nghĩa xã hội?



- Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS theo dõi lược đồ, kết hợp hiểu biết bản thân, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ

+ GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. Việt Nam, Lào, Trung Quốc, CHDCND Triều Tiên, Cuba

+ GV dẫn dắt vào bài mới: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội được mở rộng ở Đông Âu, một số nước châu Á và khu vực Mỹ Latinh, trở thành một hệ thống thế giới. Trong quá trình phát triển, chủ nghĩa xã hội đã vượt qua những khó khăn, thách thức, tiến hành cải cách, đổi mới và tiếp tục khẳng định vị trí quan trọng của mình trong tiến trình lịch sử thế giới. Bài học hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng thảo luận và chia sẻ những hiểu biết, đánh giá của bản thân về sự phát triển và thành tựu của CNXH từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai

a. Mục tiêu:

- Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Nêu được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở khu vực châu Á, khu vực Mỹ La-tinh.

- Giải thích được nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi. HS làm việc cá nhân/ cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở ghi sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

* **Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, tìm hiểu mục a**
GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Hoàn thành bảng B với các từ khóa phù hợp cho ở cột A để thấy sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu. Sau đó đứng lên đọc trước cả lớp về thông tin đã hoàn thiện ở bảng B.

A	B
1. Cộng hòa Dân chủ Đức	- 1944-1945: Lật đổ chế độ tư bản và địa chủ ở....., loại bỏ chế độ quân chủ chuyên chế ở.....
2. Ba Lan, Tiệp Khắc và Hung-ga-ri	- 1945-1949: Hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở Đông Âu, thành lập.....
3. Đông Âu	- 1950- đầu những năm 1970: Các nước bắt đầu xây dựng CNXH và đạt được nhiều thành tựu.
4. Bun-ga-ri, Ru-ma-ni và An-ba-ni.	--> Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội phát triển thành hệ thống thế giới, trở thành chỗ dựa cho phong trào cách mạng và giải phóng dân tộc.

2. Chỉ trên lược đồ các nước DCND ở Đông Âu được hình thành sau CTTG II



→ sau khi HS chỉ trên lược đồ, GV kết luận: Như vậy, với thắng lợi của CM DCND ở các nước Đông Âu, CNXH từ phạm vi 1 nước đã chính thức trở thành 1 hệ thống trên toàn TG, đối trọng với hệ thống TBCN.

* **Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân/ cặp đôi, tìm hiểu mục b**

1. Hoạt động cá nhân: HS tham gia trò chơi: **THỦ TÀI ĐỊA LÝ**

LUẬT CHƠI

- Khi lược đồ các nước xuất hiện, cô giáo chỉ định một HS bất kỳ đọc tên quốc gia đó.
- Các bạn còn lại giữ trật tự (vi phạm trừ điểm)

THỦ TÀI ĐỊA LÝ



DỰ KIẾN SẢN PHẨM

1. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai

a. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu

- Trước năm 1945, Liên Xô là nước duy nhất trên thế giới đi theo con đường XHCN

- Sau năm 1945, CNXH dần dần mở rộng và phát triển sang các nước Đông Âu

+ 1944 – 1945: Trước sự thất bại của các nước phát xít, sự giúp đỡ của Hồng quân Liên Xô, các nước Ba Lan, Tiệp Khắc, Bungari lật đổ chế độ tư sản – địa chủ; các nước Bun – ga – ri, Ru – ma – ni, An – ba – ni xóa bỏ chế độ quân chủ chuyên chế, thành lập chính quyền DCND

+ 1945 – 1949: Các nước Đông Âu hoàn thành cách mạng DCND: cải cách ruộng đất, ban hành các quyền tự do dân chủ... Năm 1949, nước CHDC Đức được thành lập

+ 1950 – đầu những năm 70: bắt đầu xây dựng CNXH, đạt nhiều thành tựu

- Như vậy, sau CTTG II, CNXH đã phát triển trở thành hệ thống thế giới, đối trọng với hệ thống CNTB, trở thành thành trì, chỗ dựa của PTCM TG.

b. Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ Latinh

Thời gian	Nội dung
1940	Mông Cổ phát triển đất nước theo con đường XHCN
1948	Nước CHDCND Triều Tiên được thành lập, đi lên xây dựng CNXH
10/1949	Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập
Năm 1954	Miền Bắc VN được giải phóng và bước đầu xây dựng CNXH
Năm 1961	Cu-ba bước vào thời kì xây dựng CNXH
12/1975	Kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, nước CH DCND Lào được thành



2. Hoạt động cặp đôi: Hoàn thành bảng theo mẫu sau vào vở để thể hiện sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh.

Quá trình mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh

Thời gian	Nội dung
1. 9/1948	
2. 10/1949	
3. Năm 1954	
4. Năm 1961	
5. 12/1975	
6. Năm 1976	

* **Nhiệm vụ 3: Hoạt động theo bàn, tìm hiểu mục c**
GV yêu cầu HS làm việc theo bàn, đọc SGK tr.25, thực hiện các nhiệm vụ học tập sau:

1. Nối cụm từ khóa (cột A) với nội dung lịch sử (cột B).
Sau đó thuyết trình về nguyên nhân sụp đổ của CNXH ở các nước Đông Âu và Liên Xô

1 Nguyên nhân chủ quan	A. Sự chống phá của các thế lực thù địch
	B. Những sai lầm trong thực hiện cải tổ, cải cách
	C. Tình trạng quan liêu, vi phạm các quyền dân chủ
2 Nguyên nhân khách quan	D. Chưa khai thác tốt các thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật
	E. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ngày càng tụt hậu

(Lưu ý: trong phần nối thiếu 1 nguyên nhân)

2. Trong số các nguyên nhân trên, theo em đâu là nguyên nhân sâu xa và cốt lõi nhất?

3. Chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ. Vậy, học thuyết Mác – Lê nin về xây dựng chế độ CNXH là đúng hay sai? Em hãy đưa ra ít nhất 1 lý do để chứng minh cho sự lựa chọn của mình

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

lập và đi lên xây dựng CNXH

Năm 1976
Cả nước Việt Nam đi lên xây dựng CNXH

c. Nguyên nhân sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô

* **Chủ quan:**

- Những sai lầm trong quá trình cải tổ
- Những hạn chế của mô hình kinh tế - xã hội không được nhận thức đầy đủ và sửa chữa tích cực

- Chưa khai thác tốt thành tựu của KHKT.
Trình độ phát triển của LLSX ngày càng tụt hậu

- Tình trạng quan liêu, vi phạm dân chủ, dân chủ hình thức làm suy giảm niềm tin của quần chúng nhân dân

* **Khách quan:** Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước

+ HS đọc thông tin mục 1, SGK tr.24, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi.

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

+ Mở rộng, khắc sâu vấn đề

*** Nhiệm vụ 1:** GV yêu cầu HS đọc 1 số thành tựu của các nước Đông Âu trong những năm 1950 – 1975 trong mục: Em có biết. Sau đó, GV mở rộng 1 số thành tựu thông qua các số liệu cụ thể: Trước chiến tranh, Anbani là 1 nước nghèo. Năm 1970, Anbani đã hoàn thành điện khí hóa cả nước, sản phẩm nông nghiệp tăng gấp 2 lần những năm 60. Ở Bungari, sản lượng công nghiệp năm 1975 tăng 55 lần so với năm 1939, nông thôn đã hoàn thành điện khí hóa. Tiệp Khắc được xếp vào hàng các nước công nghiệp trên thế giới. Năm 1970, sản lượng công nghiệp chiếm 1,75% sản lượng công nghiệp toàn thế giới. Ở CHDC Đức, sau 30 năm xây dựng, sản xuất công nghiệp đã đạt mức bằng cả nước Đức cũ năm 1939 (là thời kì phát triển nhất của Đức trước kia). Đời sống vật chất và tinh thần của các nước Đông Âu được cải thiện và nâng cao. Hệ thống XHCN thực sự đã trở thành 1 lực lượng hùng hậu, là thành trì của PTCM TG.

*** Nhiệm vụ 2:** Về sự mở rộng, phát triển của hệ thống XHCN, GV cung cấp

+ **Thông tin:** Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô là nước xã hội chủ nghĩa duy nhất trên thế giới, chiếm khoảng 17% diện tích, 9% dân số và 7% sản lượng công nghiệp của thế giới. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống xã hội chủ nghĩa chiếm khoảng 1/4 diện tích, 35% dân số và 30% giá trị tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

+ **Hình ảnh Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập nước CHND Trung Hoa, chủ tịch HCM đọc Tuyên ngôn độc lập, Phi đen Cát – xơ -rô....**

+ **Lược đồ các nước XHCN trên phạm vi thế giới, biểu đồ sản lượng CN của các nước XHCN so với TG...**

*** Nhiệm vụ 3:**

2. Trong số các nguyên nhân trên, theo em đâu là nguyên nhân sâu xa và cốt lõi nhất?

Gợi ý: Nguyên nhân sâu xa và cốt lõi nhất chính là hạn chế của mô hình kinh tế - xã hội đã không được nhận thức đầy đủ và sửa chữa tích cực. Đó là mô hình kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp. Mô hình này tuy có phù

hợp nhất định trong thời kì đặc biệt trước đây, nhưng ngày càng bộc lộ sự thiếu tôn trọng đầy đủ các quy luật phát triển khách quan về kinh tế - xã hội, làm thiếu đi tính năng động và mềm dẻo. Cơ chế kinh tế đó kéo theo những hạn chế về mặt xã hội: tình trạng thụ động, thiếu dân chủ, công bằng. Những khuyết tật, thiếu sót của mô hình đó duy trì quá lâu càng làm cho các nước XHCN rời xa những tiên bộ, văn minh của thế giới, nhất là sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học – kĩ thuật, đưa tới tình trạng trượt dài từ trì trệ đến khủng hoảng nặng nề về kinh tế - xã hội. Đó là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự sụp đổ của chế độ

3. *Chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ. Vậy, học thuyết Mác – Lê nin về xây dựng chế độ CNXH là đúng hay sai? Em hãy đưa ra ít nhất 1 lý do để chứng minh cho sự lựa chọn của mình*

Gợi ý: Sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu chỉ là sự sụp đổ của 1 mô hình CNXH chưa đúng đắn, phù hợp, nhân văn chứ không phải là sự sụp đổ của chế độ XHCN nói chung. Hiện nay, nhiều nước vẫn tiếp tục xây dựng chế độ XHCN, xây dựng mô hình CNXH phù hợp với thực tiễn quốc gia mình, tiến hành cải cách, đổi mới đất nước và đạt được rất nhiều thành tựu to lớn, điển hình như Trung Quốc (cường quốc XHCN có nền kinh tế đứng thứ 2 TG), Việt Nam....

Điều đó chứng tỏ, học thuyết Mác – Lênin về xây dựng CNXH vẫn còn nguyên giá trị. Lý tưởng về một chế độ xã hội giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh vẫn là đích hướng tới của tất cả các quốc gia trên thế giới. Trên con đường xây dựng CNXH của nhiều quốc gia hiện nay, chủ nghĩa Mác – Lênin vẫn là kim chỉ nam soi đường chỉ lối. Ví dụ, Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng hiện nay; TQ lấy chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình làm kim chỉ nam định hướng sự phát triển....

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

a. Mục tiêu:

- Nêu được nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.
- Nêu được những thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi. HS làm việc cá nhân/ cặp đôi/ bàn, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở ghi tình hình chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM										
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập * Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, tìm hiểu mục a - GV dẫn dắt: Từ năm 1991, sau sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu, CNXH không còn là hệ thống thế giới. Đó là tổn thất to lớn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Tuy vậy, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số nước vẫn tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh như Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cuba - GV nêu câu hỏi: 1. Em hãy khái quát tình hình nổi bật của một số nước XHCN từ năm 1991 đến nay. Điểm chung của các nước quốc gia này là gì? 2. Dựa vào tư liệu sgk tr. 26-27 và các hình ảnh bên, em hãy tìm các dẫn chứng cho thấy sức sống của chủ nghĩa xã hội trong một thế giới có nhiều biến động? 3. Những thành tựu đạt được trong công cuộc xây dựng CNXH ở một số quốc gia từ năm 1991 đến nay có ý nghĩa như thế nào? * Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, tìm hiểu mục b 1. GV yêu cầu HS đọc SGK tr.27 – 29, thực hiện nhiệm vụ học tập sau:	2. Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay a. Khái quát về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay - Từ năm 1991, sau sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu, CNXH không còn là hệ thống thế giới. Tuy vậy, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số nước vẫn tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh như Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cuba - Tình hình nổi bật một số nước XHCN hiện nay										
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Quốc gia</th><th>Nét nổi bật từ năm 1991 đến nay</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung Quốc</td><td>Tiếp tục triển khai đường lối cải cách – mở cửa, lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, với mục tiêu hiện đại hóa và xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc</td></tr> <tr> <td>Việt Nam</td><td> - Qua hơn 3 thập kỉ tiến hành đổi mới (1986 đến nay), đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình - Công cuộc CNH, HĐH và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh - Uy tín, vị thế trên trường quốc tế được nâng cao </td></tr> <tr> <td>Lào</td><td> - Sau hơn 30 năm đổi mới, đất nước vượt qua nhiều khó khăn - Kinh tế tăng trưởng cao trong nhiều năm - Đời sống vật chất, tinh thần không ngừng được cải thiện </td></tr> <tr> <td>Cu - ba</td><td> - Không có nhiều thành tựu đột phá, mặc dù có những dấu hiệu cải cách nhất định về kinh tế - xã hội - Đang trong tình trạng bị cấm vận từ bên ngoài </td></tr> </tbody> </table>	Quốc gia	Nét nổi bật từ năm 1991 đến nay	Trung Quốc	Tiếp tục triển khai đường lối cải cách – mở cửa, lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, với mục tiêu hiện đại hóa và xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc	Việt Nam	- Qua hơn 3 thập kỉ tiến hành đổi mới (1986 đến nay), đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình - Công cuộc CNH, HĐH và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh - Uy tín, vị thế trên trường quốc tế được nâng cao	Lào	- Sau hơn 30 năm đổi mới, đất nước vượt qua nhiều khó khăn - Kinh tế tăng trưởng cao trong nhiều năm - Đời sống vật chất, tinh thần không ngừng được cải thiện	Cu - ba	- Không có nhiều thành tựu đột phá, mặc dù có những dấu hiệu cải cách nhất định về kinh tế - xã hội - Đang trong tình trạng bị cấm vận từ bên ngoài
Quốc gia	Nét nổi bật từ năm 1991 đến nay										
Trung Quốc	Tiếp tục triển khai đường lối cải cách – mở cửa, lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, với mục tiêu hiện đại hóa và xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc										
Việt Nam	- Qua hơn 3 thập kỉ tiến hành đổi mới (1986 đến nay), đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình - Công cuộc CNH, HĐH và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh - Uy tín, vị thế trên trường quốc tế được nâng cao										
Lào	- Sau hơn 30 năm đổi mới, đất nước vượt qua nhiều khó khăn - Kinh tế tăng trưởng cao trong nhiều năm - Đời sống vật chất, tinh thần không ngừng được cải thiện										
Cu - ba	- Không có nhiều thành tựu đột phá, mặc dù có những dấu hiệu cải cách nhất định về kinh tế - xã hội - Đang trong tình trạng bị cấm vận từ bên ngoài										
2. HS hoàn thành vào vở ghi thành tựu của công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc theo mẫu dàn ý sau: * Thời gian:..... * Nội dung đường lối cải cách: * Thành tựu: - Chính trị: - Kinh tế:..... - Khoa học – kĩ thuật:..... - Văn hóa – giáo dục:..... - Quốc phòng: * Chính sách đối ngoại..... 3. HS quan sát video, kết hợp SGK trả lời câu hỏi: - Nêu cảm nhận, suy nghĩ của em về những thành tựu Trung Quốc đạt được trong công cuộc cải cách – mở cửa từ năm 1978 đến nay.	- Ý nghĩa:										

- Những thành tựu trong công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc có ý nghĩa như thế nào?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin mục 1, SGK tr.26 - 29 , làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi.

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

+ Mở rộng, khắc sâu vấn đề

*** Nhiệm vụ 1:**

1. Em hãy khái quát tình hình nổi bật của một số nước XHCN từ năm 1991 đến nay. Điểm chung của các nước quốc gia này là gì?

Gợi ý: Đặc điểm chung của các quốc gia trên: đều tiến hành cải cách – mở cửa/ đổi mới để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng trước những biến động của thế giới, xây dựng CNXH phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước. Công cuộc đổi mới, cải cách đều đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, chứng tỏ sức sống của CNXH hiện nay

2. Dựa vào tư liệu sgk tr. 26-27 và các hình ảnh bên, em hãy tìm các dẫn chứng cho thấy sức sống của chủ nghĩa xã hội trong một thế giới có nhiều biến động?

- HS phân tích các dẫn chứng thông qua hình ảnh GV cung cấp (sự hiện đại, sầm uất với những tòa nhà chọc trời ở TP Hồ Chí Minh – Việt Nam, thành phố được mệnh danh là không có ban đêm; thành công về mặt chính trị của Lào, thể hiện ở sự thống nhất trong chủ trương, đường lối lãnh đạo đất nước trong giai đoạn mới; thành tựu về giáo dục của Cu – ba – đất nước đứng số 1 thế giới về đầu tư cho giáo dục; ga tàu cao tốc của TQ – chứng tỏ sự hiện đại về kinh tế và KHKT của quốc gia XHCN lớn nhất thế giới này...)

- GV đi sâu vào phân tích một số hình ảnh

+ Hình ảnh một lớp học ở Cu – ba: Mỗi trẻ em sinh ra ở Cu – ba, khi lên 5 tuổi, đều có quyền bắt đầu những năm tháng đi học hoàn toàn miễn phí. Học xong mẫu giáo, các em sẽ được chuyển sang học tại một trường tiểu học. Phổ cập giáo dục áp dụng với mọi trẻ em từ 6 tuổi tới hết cấp 2 cơ bản (thường là 15 tuổi). Giáo dục, gồm cả giáo dục đại học đều miễn phí với mọi công dân Cu – ba, không phân biệt giàu nghèo hay thành phần xã hội. Ngày nay, chế độ giáo dục bắt buộc ở Cu – ba là từ mẫu giáo đến lớp 9. Sau đó, HS có thể chọn trường để học tiếp hoặc đi làm. Những HS tốt nghiệp các trường dự bị đại học sẽ được theo học đại

+ Được cộng đồng quốc tế đánh giá cao

+ Chứng minh sức sống của CHXH trong một thế giới có nhiều biến động

+ Khẳng định con đường đi lên CNXH là phù hợp với thực tiễn và xu thế của thời đại.

b. Thành tựu của công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc

*** Thời gian: 12/1978**

*** Nội dung đường lối cải cách:**

+ Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm

+ Chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường XHCN linh hoạt hơn

+ Xây dựng CNXH đặc sắc TQ

+ Mục tiêu: biến TQ thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh

***Thành tựu:**

- Chính trị: Đề ra và xây dựng được hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc

- Kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao liên tục nhiều năm, đạt 9,6%/năm (1978 - 2012), 7,2% (2013 – 2016)

+ Từ năm 2010, GDP của Trung Quốc vượt Nhật Bản, đứng hàng thứ 2 thế giới (sau Mỹ).

+ Đời sống nhân dân được cải thiện, nâng cao. Thu nhập bình quân trên đầu người hơn 12500 US\$ (2021)

+ Dự trữ ngoại tệ đứng hàng đầu thế giới

- Khoa học – kỹ thuật:

+ Năm 1992, thực hiện chương trình thám hiểm không gian

+ Năm 2003, phóng con tàu “Thần Châu 5” đưa nhà du hành Dương Lợi Vĩ bay vào vũ trụ. Sự kiện này đã đưa TQ trở thành quốc gia thứ 3 thế giới có tàu và người bay vào vũ trụ

+ Hệ thống tàu cao tốc không ngừng phát triển

+ Nâng cao năng lực tự chủ về khoa học – công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), năng lượng sinh học, công nghệ sinh học...

- Văn hóa – giáo dục:

+ Giáo dục quốc dân phát triển mạnh trên quy mô lớn và có nhiều tiến bộ

học miễn phí... Cu – ba đứng số 1 thế giới về tỉ lệ đầu tư ngân sách cho giáo dục, chiếm tới 13% GDP. Với số lượng đi kèm chất lượng đào tạo hiện nay, UNESCO xếp Cu – ba là nước có hệ thống giáo dục tốt nhất khu vực Mỹ Latinh, bất chấp việc Vu – ba là một trong những quốc gia kém phát triển nhất khu vực.



Cu-ba miễn phí giáo dục từ phổ thông tới bậc đại học (hình minh họa một lớp học ở Cu-ba)

+ Hình ảnh ga tàu cao tốc ở Trung Quốc: Năm 2020, 75% thành phố của Trung Quốc với dân số 500 nghìn người trở lên có đường sắt cao tốc. Trong khi đó, ở Tây Ban Nha, quốc gia có mạng lưới đường sắt tốc độ cao lớn nhất châu Âu và đứng thứ 2 toàn cầu chỉ có hơn 3 nghìn km đường sắt chuyên dụng đáp ứng tàu tốc độ 250km/h. Ở Vương quốc Anh chỉ có 107km, trong khi ở Mỹ chỉ có 1 tuyến đường sắt gần như đủ tiêu chuẩn cho tàu cao tốc. Đến cuối năm 2021, tổng chiều dài đường sắt của Trung Quốc đã lên đến 150 nghìn km, bao gồm 40 nghìn km đường sắt cao tốc. Đường sắt cao tốc Trung Quốc hiện chiếm 66,3% tổng chiều dài đường sắt cao tốc trên toàn thế giới



Một phần của ga tàu cao tốc tại Trung Quốc

- Ngoài ra HS còn tìm được những dẫn chứng khác chứng tỏ thành tựu trong công cuộc xây dựng CNXH ở một số quốc gia trên thế giới.

* **Nhiệm vụ 2:**

HS quan sát video, kết hợp SGK trả lời câu hỏi:

- *Nêu cảm nhận, suy nghĩ của em về những thành tựu Trung Quốc đạt được trong công cuộc cải cách – mở cửa từ năm 1978 đến nay.*

Gợi ý: Thành tựu đạt được là một kì tích chưa từng có trong lịch sử phát triển của Trung Quốc, đưa TQ từ

+ Xuất hiện nhiều trường đại học chất lượng cao

- Quốc phòng: trở thành cường quốc xuất khẩu vũ khí và trang thiết bị quân sự

* **Chính sách đối ngoại**

- Đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại, vai trò, vị thế quốc tế ngày càng được nâng cao

- Năm 1997, thu hồi chủ quyền với Hồng Kông. Năm 1999, thu hồi chủ quyền với Ma Cao. Hiện nay, đây là hai trung tâm kinh tế - tài chính lớn của Trung Quốc

* **Ý nghĩa**

- Với Trung Quốc:

+ Khẳng định đường lối cải cách, mở cửa của Đảng CS Trung Quốc là đúng đắn

+ Giúp Trung Quốc thoát khỏi khủng hoảng, nền kinh tế phát triển nhanh chóng, chính trị - xã hội ổn định, đời sống nhân dân được nâng cao

+ Nâng cao vị thế của Trung Quốc trên trường quốc tế

- Thế giới:

+ Chứng tỏ sức sống của chủ nghĩa xã hội

+ Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các nước XHCN khác, trong đó có Việt Nam

một nước khủng hoảng yếu kém trở thành cường quốc kinh tế thứ 2 thế giới, là 1 cực trong trật tự thế giới đa cực hiện nay. Mục tiêu của TQ: đến năm 2049 (kỷ niệm đúng 100 năm thành lập nước CHND Trung Hoa), TQ sẽ vượt Mỹ trở thành cường quốc kinh tế số 1 thế giới. Đó là minh chứng cho sức sống của CNXH, góp phần làm phong phú thêm lý luận về mô hình phát triển CNXH trong thực tiễn

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi trong phần luyện tập SGK, tr.29

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

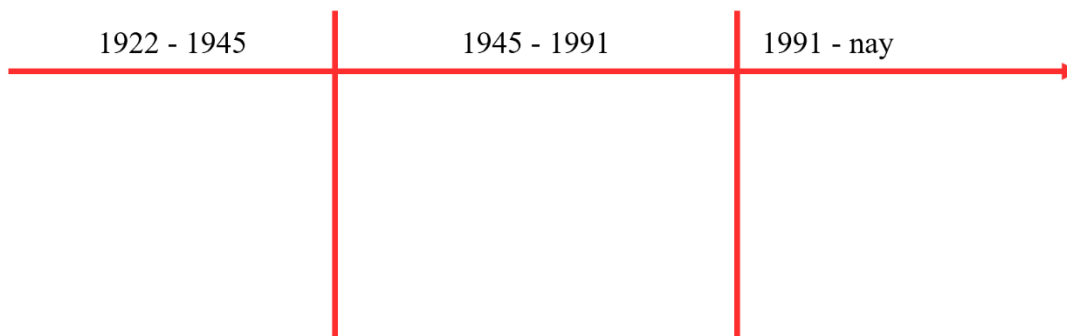
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu nhiệm vụ học tập sau:



LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành sơ đồ theo mẫu sau để thể hiện các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội.



- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS trả lời tốt

+ GV chuẩn đáp án



LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành sơ đồ theo mẫu sau để thể hiện các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội.

1922 - 1945	1945 - 1991	1991 - nay
- Liên Xô là nước duy nhất đi theo con đường XHCN. - Thực hiện các kế hoạch nhà nước 5 năm - 1941 - 1945, trở thành một trong những trụ cột, giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.	- Sự phát triển của CNXH ở Đông Âu - Sự mở rộng của CNXH ở châu Á và khu vực MLT - Sự sụp đổ của CNXH ở Đông Âu và Liên Xô	- CNXH không còn là một hệ thống thế giới. - Công cuộc xây dựng CNXH vẫn được duy trì và đẩy mạnh ở một số nước, như: Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cuba.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để rút ra những bài học lịch sử, liên hệ đến Việt Nam

b. Nội dung: GV nêu nhiệm vụ học tập, HS làm việc cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ, GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu câu hỏi: *Thành tựu trong công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc từ năm 1978 đến đã để lại những bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc xây dựng nay chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?*

- GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm tài liệu và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 cặp đôi trả lời câu hỏi

- GV mời 1 – 2 cặp đôi khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức:

+ Luôn có sự thay đổi để thích ứng với tình hình.

+ Kiên định con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội;

+ Vận dụng linh hoạt, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, kinh nghiệm của các nước khác,... phù hợp với đặc điểm và tình hình thực tiễn của đất nước.

+ Không ngừng củng cố, nâng cao năng lực và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản; coi trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đảng viên có năng lực và trình độ cao.

+ Tiến hành cải cách toàn diện và đồng bộ, trong đó, trọng tâm là cải cách về kinh tế, chú trọng vấn đề mở cửa, hội nhập sâu rộng với thế giới.

+ Kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, độc lập, tự chủ.

+ Luôn chú trọng phát huy và không ngừng củng cố, nâng cao sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Chuẩn bị nội dung cho tiết thực hành chủ đề 2

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 2: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống hóa những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 2 – Chủ nghĩa xã hội từ năm 1917 đến nay
- Vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành

2. Năng lực

- Năng lực chung:

- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- **Năng lực đặc thù:** năng lực tìm hiểu lịch sử; năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập, lập bảng thống kê, trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung bài học; tự đánh giá chéo phần trả lời câu hỏi bài tập của bản thân/bạn bè

3. Về phẩm chất

- *Trung thực:* Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.
- *Trách nhiệm:* Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

2. Gợi ý nội dung, hình thức và phương pháp thực hành

2.1. Gắn tên nước và giới thiệu các nước đi theo con đường chủ nghĩa xã hội giai đoạn 1945 – 1991 trên lược đồ thế giới

Tổ chức thực hiện:

- HS hoạt động theo nhóm: Gắn tên nước và giới thiệu các nước đi theo con đường chủ nghĩa xã hội giai đoạn 1945 – 1991 trên lược đồ thế giới.
- GV chuẩn bị lược đồ thế giới và các mảnh giấy nhỏ ghi tên các nước đi theo con đường chủ nghĩa xã hội giai đoạn 1945 – 1991 và phát các mảnh giấy cho HS.
- HS trao đổi, thảo luận trong nhóm, thực hiện nhiệm vụ.
- Đại diện các nhóm lên gắn các mảnh giấy lên lược đồ.
- GV và các HS khác góp ý, bổ sung và nhận xét.
- GV có thể nhấn mạnh thêm ý nghĩa của việc hệ thống xã hội chủ nghĩa được mở rộng và phát triển trên thế giới.

2.2. Trò chơi ô chữ về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS hoạt động theo nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị một trò chơi ô chữ và tổ chức trò chơi cho thành viên các nhóm bạn.
- HS trao đổi, thảo luận trong nhóm (từ làm việc cá nhân đến nhóm).
- Đại diện HS nhóm lên giải ô chữ.

- GV và các HS khác góp ý, bổ sung và nhận xét.
- GV có thể gợi ý cho HS giải một số các từ khoá để làm rõ tình hình chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay như: “Trung Quốc”, “Việt Nam”, “Lào”, “Cu-ba”, “đổi mới”, “cải cách, mở cửa”, “kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, “sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản”, “sức sống của chủ nghĩa xã hội”...

- Học sinh trả lời các câu hỏi trắc nghiệm để đi tìm những từ khoá:

Câu 1. Từ nửa đầu thế kỉ XIX, phong trào đấu tranh của công nhân nhằm thực hiện mục tiêu gì?

- A. Đòi tăng lương, giảm giờ làm.
- B. Đòi nghỉ Chủ nhật có lương.
- C. Chống giai cấp tư sản với hình thức đấu tranh phong phú.
- D. Đòi các quyền lợi về kinh tế và chính trị cho giai cấp công nhân.

Câu 2. Năm 1831, công nhân ở thành phố Li-ông (Pháp) khởi nghĩa vì mục tiêu gì?

- A. Mục tiêu chính trị.
- B. Mục tiêu kinh tế.
- C. Mục tiêu tăng lương, tin.
- D. Mục tiêu giảm giờ làm.

Câu 3. Phong trào đấu tranh nào của công nhân vừa có tính chất quần chúng vừa có tính chất chính trị?

- A. Phong trào của công nhân ở thành phố Li-ông (Pháp).
- B. Phong trào Hiến chương.
- C. Phong trào của công nhân dệt ở vùng Xi-lê-di (Đức).
- D. Tất cả các phong trào trên.

Câu 4. Nguyên nhân thất bại của các cuộc khởi nghĩa của công nhân ở Pháp, Anh Đức,... thế kỉ XIX là gì?

- A. Chưa có đường lối đấu tranh khoa học.
- B. Chưa có tổ chức lãnh đạo sáng suốt.
- C. Chưa được trang bị chủ nghĩa Mác.
- D. Câu A và B đúng.

Câu 5. Một trong các cơ sở ra đời của chủ nghĩa xã hội không tưởng là gì?

- A. Giai cấp tư sản ra đời và ngày càng giàu có.
- B. Giai cấp tư sản ngày càng bộc lộ bản chất áp bức, bóc lột người lao động.
- C. Giai cấp tư sản không thực hiện các quyền tự do, dân chủ.
- D. Giai cấp tư sản bộc lộ những yếu điểm của nó.

Câu 6. Chủ trương thực hiện bình đẳng xã hội thông qua con đường hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau. Đó là tư tưởng của ai?

- A. Sác-lơ Phu-ri-e.
- B. Rô-bớt Ô-oen.
- C. Xanh Xi-mông.
- D. C Mác.

Câu 7. Một trong các điểm tích cực của học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng là gì?

- A. Mong muốn xây dựng ngay một chế độ xã hội chủ nghĩa.
- B. Nhận thức được những mặt hạn chế của xã hội tư bản.
- C. Phê phán sâu sắc xã hội phong kiến.
- D. Có ý thức bảo vệ cho quyền lợi cho giai cấp nông dân.

Câu 8. Một trong những điểm hạn chế của học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng là gì?

- A. Không nhìn thấy được khả năng cách mạng của công – nông.
- B. Chưa vạch ra kế hoạch để xây dựng xã hội mới.
- C. Không phát hiện được những quy luật phát triển của chế độ tư bản.
- D. Không nhìn thấy lực lượng có khả năng xây dựng xã hội mới là giai cấp nông dân.

Câu 9. Giai cấp vô sản thế giới xuất thân chủ yếu từ đâu?

- A. Nông dân mất ruộng đất đi làm thuê, thợ thủ công bị phá sản.
- B. Thợ thủ công bị mất việc làm.
- C. Nô lệ bị bắt trong chiến tranh hoặc buôn bán.
- D. Tầng lớp tư sản trong quá trình cạnh tranh bị phá sản.

Câu 10. Giai cấp vô sản thế giới ra đời vào thời gian nào và sớm nhất ở đâu?

- A. Khoảng nửa cuối thế kỉ XVIII, sớm nhất ở Pháp
- B. Khoảng nửa cuối thế kỉ XVIII, sớm nhất ở Anh.
- C. Khoảng nửa cuối thế kỉ XIX, sớm nhất ở Mỹ.
- D. Khoảng nửa cuối thế kỉ XIX, sớm nhất ở Đức. 1 ninhit

Câu 11. Ba nhà đại diện lớn cho chủ nghĩa xã hội không tưởng là:

- A. Xanh Xi-mông, Sác-lơ Phu-ri-ê, Mông-te-xki-ơ.
- B. Xanh Xi-mông, Vôn-te, Rút-xô.
- C. Xanh Xi-mông, Sác-lơ Phu-ri-ê và Rô-bốt Ô-oen.
- D. Mông-te-xki-ơ, Phu-ri-ê và Ô-oen.

Câu 12. Nội dung nào dưới đây được coi là mặt tích cực của chủ nghĩa xã hội không tưởng?

- A. Thấy được sức mạnh của quần chúng lao động.
- B. Thấy được vai trò và sức mạnh của giai cấp công nhân.
- C. Nhận thức được mặt trái của chế độ tư sản là bóc lột người lao động.
- D. Vạch ra được lối thoát và giải thích được bản chất của chế độ tư bản chủ nghĩa.

Câu 13. Nội dung nào dưới đây không nằm trong nội dung của học thuyết chủ nghĩa xã hội không tưởng?

- A. Phê phán xã hội tư bản.
- B. Dự đoán xã hội tương lai.
- C. Xây dựng xã hội tốt đẹp không có áp bức, bóc lột.
- D. Khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản.

Câu 14. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự xuất hiện chủ nghĩa xã hội không tưởng là gì ?

- A. Do giai cấp tư sản lúc này đã thống trị trên toàn thế giới.
- B. Do mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân ngày càng gay gắt.
- C. Do giai cấp công nhân đã bước lên vũ đài chính trị như một lực lượng chính trị độc lập.
- D. Do chủ nghĩa tư bản đã bộc lộ những hạn chế của nó.

Câu 15. Chủ nghĩa Mác ra đời từ cơ sở của lí luận nào?

- A. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân.
- B. Học thuyết chủ nghĩa xã hội không tưởng.
- C. Mâu thuẫn trong xã hội tư bản.
- D. Chủ nghĩa tư bản chuyển lên chủ nghĩa đế quốc.

2.3. Thiết kế trực thời gian thể hiện các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

Tổ chức thực hiện:

- HS cả lớp hoạt động cá nhân: Thiết kế trực thời gian thể hiện các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.
- HS trình bày sản phẩm dưới hình thức một trục thời gian (trên giấy hoặc trên máy tính).
- Một số HS trình bày trước lớp, GV và các HS khác nhận xét và đánh giá kết quả hoạt động.



2.4. Câu lạc bộ “Em yêu lịch sử” tổ chức tọa đàm về chủ đề: “Lê-nin và ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết”

Tổ chức thực hiện:

- Câu lạc bộ “Em yêu lịch sử” lên kế hoạch, chuẩn bị chương trình cho buổi tọa đàm, phân công người dẫn chương trình và nhiệm vụ của các thành viên như chuẩn bị tham luận, chuẩn bị đồ dùng, thiết bị,...
- Nội dung tọa đàm tập trung một số vấn đề:
 - + Tiểu sử, sự nghiệp của Lê-nin.
- + Sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (1922) và ý nghĩa của nó.
- + Đánh giá sự tác động của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết đối với thế giới và Việt Nam.
- GV hướng dẫn HS tổ chức buổi tọa đàm, nhận xét đánh giá theo kĩ thuật 3-2-1.

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

CHỦ ĐỀ 3: QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐNA (4 TIẾT)

BÀI 5: QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CAI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐÔNG NAM Á (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau khi học xong bài, HS có thể

- Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á.
- Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm; giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây

2. Năng lực

- Năng lực chung:

- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- Năng lực đặc thù

- + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh để trình bày quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á; trình bày công cuộc cải cách ở Xiêm
- + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để giải thích vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây
- + Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: Vận dụng những hiểu biết của bản thân, sưu tầm tư liệu để tự tìm hiểu về một vấn đề lịch sử

3. Về phẩm chất

- *Trung thực*: Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.
- *Trách nhiệm*: Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức.
- *Nhân ái*:
 - + Cảm thông với nhân dân các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân đô hộ
 - + Có thái độ phê phán, lên án chủ nghĩa thực dân
 - + Đồng tình và khâm phục các cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á chống chủ nghĩa thực dân

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** HS trả lời được câu hỏi để GV dẫn dắt vào bài mới.

b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS quan sát hệ thống chữ cái, yêu cầu HS tìm từ khóa giải thích nguyên nhân Đông Nam Á bị xâm lược. HS làm việc cặp đôi, tìm từ khóa, trên cơ sở đó thuyết trình về nguyên nhân Đông Nam Á bị xâm lược

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ học tập như sau:

- GV cung cấp hệ thống các chữ cái sau

Y	B	D	N	P	R	M	V	G	H	R	V	L	H	M	I	E	Y	I	M
N	O	G	T	V	T	P	A	A	C	T	K	I	P	N	R	S	D	T	X
V	K	S	P	A	O	H	T	T	B	G	M	K	D	I	M	A	K	K	T
T	H	B	H	M	I	O	X	U	L	A	C	H	A	U	O	K	L	H	M
S	O	A	I	E	T	N	K	V	O	I	N	E	N	H	Y	I	O	U	B
E	A	K	R	B	B	G	G	X	T	L	P	V	C	T	I	N	V	N	V
H	N	C	A	G	Y	K	L	U	L	N	O	M	U	B	C	V	K	G	I
L	G	O	B	T	M	I	A	I	Y	D	S	T	Đ	D	A	X	A	H	N
C	S	A	M	X	L	E	O	K	X	E	X	U	O	I	M	T	M	O	U
M	A	N	B	O	H	N	T	X	C	X	N	X	N	G	N	L	R	A	B
I	N	K	N	I	E	H	M	L	M	V	O	I	G	P	H	B	V	N	K
K	T	O	V	I	T	R	I	C	H	I	E	N	L	U	O	C	O	G	N
V	H	H	I	P	I	C	L	M	O	O	U	H	I	T	Y	H	T	E	T
B	L	X	Y	S	V	D	E	I	V	T	K	M	V	K	X	R	O	H	M

- GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ sau:

1. Hãy tìm những từ khóa giải thích vì sao các nước Đông Nam Á sớm trở thành đối tượng xâm lược của thực dân phương Tây.

2. Từ hệ thống các từ khóa đó, giải thích ngắn gọn nguyên nhân các nước Đông Nam Á bị thực dân phương Tây xâm lược

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát, vận dụng hiểu biết của bản thân, làm việc cặp đôi, trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 cặp đôi trả lời câu hỏi trước lớp

- GV mời đại diện cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

Y	B	D	N	P	R	M	V	G	H	R	V	L	H	M	I	E	Y	I	M
N	O	G	T	V	T	P	A	A	C	T	K	I	P	N	R	S	D	T	X
V	K	S	P	A	O	H	T	T	B	G	M	K	D	I	M	A	K	K	T
T	H	B	H	M	I	O	X	U	L	A	C	H	A	U	O	K	L	H	M
S	O	A	I	E	T	N	K	V	O	I	N	E	N	H	Y	I	O	U	B
E	A	K	R	B	B	G	G	X	T	L	P	V	C	T	I	N	V	N	V
H	N	C	A	G	Y	K	L	U	L	N	O	M	U	B	C	V	K	G	I
L	G	O	B	T	M	I	A	I	Y	D	S	T	Đ	D	A	X	A	H	N
C	S	A	M	X	L	E	O	K	X	E	X	U	O	I	M	T	M	O	U
M	A	N	B	O	H	N	T	X	C	X	N	X	N	G	N	L	R	A	B
I	N	K	N	I	E	H	M	L	M	V	O	I	G	P	H	B	V	N	K
K	T	O	V	I	T	R	I	C	H	I	E	N	L	U	O	C	O	G	N
V	H	H	I	P	I	C	L	M	O	O	U	H	I	T	Y	H	T	E	T
B	L	X	Y	S	V	D	E	I	V	T	K	M	V	K	X	R	O	H	M

→ Hệ thống các từ khóa: Khoáng sản, tài nguyên, vị trí chiến lược, dân cư đông, phong kiến, lạc hậu, khủng hoảng

- GV dẫn dắt vào bài mới: Từ sau các cuộc phát kiến địa lý, các nước tư bản phương Tây tăng cường tìm kiếm thị trường và thuộc địa. Trong khi đó, Đông Nam Á là nơi có vị trí chiến lược quan trọng, tài nguyên thiên nhiên phong phú, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản, dân cư đông đúc, nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn; chế độ phong kiến lại đang trong tình trạng khủng hoảng, lạc hậu. Với các đặc điểm trên, Đông Nam Á nhanh chóng trở thành đối tượng xâm lược của thực dân phương Tây

Vậy, quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á diễn ra như thế nào? Công cuộc cải cách ở Xiêm được tiến hành ra sao và vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á giữ được độc lập. Những nội dung đó sẽ được cô trò chúng ta làm sáng tỏ trong bài học hôm nay

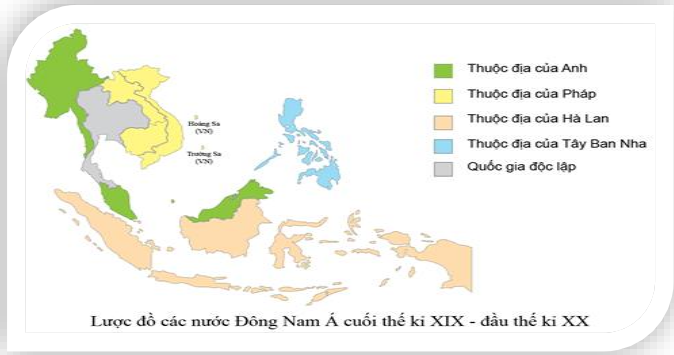
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu quá trình xâm lược và cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.

- a. Mục tiêu:** Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á.
- b. Nội dung:** GV cho HS hoạt động theo bàn/ cá nhân, thực hiện các nhiệm vụ học tập
- c. Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập và câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở quá trình xâm lược và cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.
- d. Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH			DỰ KIẾN SẢN PHẨM		
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc theo bàn, thực hiện nhiệm vụ học tập sau + Các bàn chẵn: vào tư liệu sgk tr. 30,31, <i>hoàn thành phiếu học tập sau về quá trình xâm lược và cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á hải đảo?</i>			1. Quá trình xâm lược và cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á. a. Đông Nam Á hải đảo		
	Quá trình xâm lược	Thiết lập nền cai trị		Quá trình xâm lược	Thiết lập nền cai trị
Ma – lai – xi – a			Ma – lai – xi – a	1511, Bồ Đào Nha đánh chiếm Ma-lắc-ca	- Anh cai trị gián tiếp qua các công sứ - Đẩy mạnh khai thác thiếc và đồn điền cao su
Phi – lip - pin				Cuối XVIII-đầu XIX, Anh xâm lược các tiểu quốc Hồi giáo → Mã Lai thuộc Anh	- Đưa nhiều lao động từ Trung Quốc và Ấn Độ đến làm việc
In – đô – nê – xi - a					
Xin – ga - po					
+ Các bàn lẻ: vào tư liệu sgk tr. 31, 32, hoàn thành phiếu học tập sau về quá trình xâm lược và cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á lục địa?					
	Quá trình xâm lược	Thiết lập nền cai trị			
Mi – an - ma			Phi – lip - pin	- Thế kỉ XVI, Tây Ban Nha xâm lược và cai trị	- Tây Ban Nha áp đặt hệ thống hành chính mới với trung tâm là Ma – ni – la
Việt Nam				- 1898, Mỹ thay thế, đàn áp đẫm máu các cuộc khởi nghĩa	- Mở rộng Thiên Chúa giáo - Giáo dục, văn hóa chịu ảnh
Lào					
Cam – pu - chia					
+ Sau khi HS hoàn thành phiếu học tập và lên trình bày trước lớp, GV nhận xét, đưa ra kết luận: Như vậy, quá trình xâm nhập của thực dân phương Tây vào các nước Đông Nam Á diễn ra từ rất sớm, ngay sau những cuộc					

phát kiến địa lý cuối thế kỉ XV. Đến cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, thực dân phương Tây đã xâm chiếm hầu hết các nước Đông Nam Á và thiết lập bộ máy cai trị. GV cung cấp lược đồ các nước Đông Nam Á cuối XIX – đầu XX, yêu cầu HS xác định trên lược đồ tên các quốc gia Đông Nam Á và cho biết các quốc gia đó là thuộc địa của nước thực dân phương Tây nào.



- **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**
 - + HS đọc thông tin mục 1 SGK tr.30- 32, làm việc theo bàn/cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập
 - + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết
- **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**
 - + GV mời đại diện bàn thảo/ bàn lễ trình bày trước lớp
 - + GV mời đại diện bàn khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**
 - + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
 - + GV cung cấp 1 số hình ảnh minh chứng về quá trình thực dân phương Tây xâm chiếm và đặt ách cai trị ở Đông Nam Á (bản PP)
 - + GV nhấn mạnh: Sau khi hoàn thành quá trình xâm lược, thực dân phương Tây thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á dưới những hình thức khác nhau, nhưng có điểm chung là
 - Duy trì các thể lực phong kiến địa phương như một công cụ để thi hành chính sách cai trị thuộc địa, thực hiện chính sách “chia để trị”
 - Thực hiện chính sách khai thác, bóc lột thuộc địa bằng chế độ thuế khóa vô nhân đạo đánh vào các tầng lớp nhân dân lao động, cướp đất lập đồn điền, vơ vét tài nguyên, bóc lột sức lao động
 - Khai thác triệt để sản phẩm nông nghiệp. Cao su, cà phê, lúa gạo là những sản vật đặc trưng của Đông Nam Á được thực dân phương Tây chú ý khai thác từ sớm
 - Biến các nước trong khu vực thành nơi cung cấp nguyên liệu, thị trường tiêu thụ hàng hóa

		hưởng của Tây Ban Nha
In – đô – nê – xi – a	- Thế kỉ XVII, Hà Lan xâm lược - Đầu thế kỉ XIX, hoàn tất việc xâm lược và bắt đầu đặt ách cai trị	- Hà Lan cai trị trực tiếp In – đô – nê – xi – a với trung tâm chính trị đặt tại Ba – ta – vi – a - Khai thác thuộc địa quy mô lớn - Chế độ thuế khóa, áp bức nặng nề
Xin – ga – po	- 1819, Anh kí với các thủ lĩnh Hồi giáo địa phương để thiết lập cảng Xin – ga – po - 1824, biến Xin – ga – po thành thuộc địa	- Xác lập chế độ cai trị trực tiếp - Biến Xin – ga – po thành hải cảng giao thương giữa châu Âu và châu Á

b. Đông Nam Á lục địa

	Quá trình xâm lược	Thiết lập nền cai trị
Mi – an – ma	TD Anh tiến hành 3 cuộc xâm lược vào các năm: 1824-1826, 1852, 1885, biến Mi – an – ma thành thuộc địa	- Anh cai trị trực tiếp - Tước đoạt các vùng lúa gạo, rừng gỗ tếch và các mỏ đá quý
Việt Nam	- Năm 1858, liên quân Pháp – TBN tấn công Đà Nẵng, mở đầu quá trình xâm lược - Năm 1862, chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ - Năm 1867, hoàn thành việc chiếm Nam Bộ - Năm 1884, triều Nguyễn kí Hiệp ước Pa – tơ – nôt, Pháp hoàn tất quá trình xâm lược	- Lập ra Liên bang Đông Dương, đặt phủ Toàn quyền ở Hà Nội - Xây dựng bộ máy cai trị chặt chẽ, bao gồm cả trực tiếp và gián tiếp, sử dụng quan lại bản xứ làm tay sai

Về văn hóa, xã hội: sự xâm nhập của CNTD đã phá vỡ trật tự xã hội, làm xói mòn giá trị truyền thống của các quốc gia Đông Nam Á.	Lào	- Năm 1893, Pháp buộc Xiêm kí Hiệp ước thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp ở Lào	- Tiến hành khai thác thuộc địa quy mô lớn toàn Đông Dương.
	Cam – pu – chia	- Năm 1863, Pháp ép Cam – pu – chia kí Hiệp ước công nhận sự bảo hộ của Pháp, biến Campuchia thành thuộc địa - Năm 1884, ép Campuchia kí thêm hiệp ước với nhiều điều khoản có lợi cho Pháp	

TIẾT 2

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu công cuộc cải cách ở Xiêm

a. Mục tiêu: Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm; giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây

b. Nội dung: GV cho HS hoạt động cặp đôi/ cá nhân, thực hiện các nhiệm vụ học tập

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở nguyên nhân Đông Nam Á bị xâm lược và bảng tóm tắt quá trình thực dân phương Tây xâm nhập Đông Nam Á

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập * Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân GV yêu cầu HS đọc SGK và tư liệu tr. 32-33, trả lời câu hỏi: <i>Em hãy nêu bối cảnh diễn ra cuộc cải cách ở Xiêm?</i> * Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân/ cặp đôi 1. GV tổ chức trò chơi “THỬ TÀI TRÍ NHỚ”. (Hoạt động cá nhân) - Học sinh cùng đọc SGK, bảng 1, tr.33: <i>Nội dung cải cách ở Xiêm</i> trong 3 phút (cá nhân), sau đó HS gấp SGK. - GV trình chiếu bảng tổng nội dung cải cách ở Xiêm trên các lĩnh vực: Chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, ngoại giao - HS thử tài trí nhớ của mình. Mỗi HS sẽ nêu một nội dung cải cách trên một lĩnh vực bất kì nào đó mà các em nhớ được. HS sau trả lời nội dung không được trùng với nội dung trước. GV có thể tuyên dương, thưởng điểm cho HS giơ tay trả lời đúng được nhiều nội dung cải cách nhất 2. HS làm việc cặp đôi, <i>rút ra nhận xét về cuộc cải cách ở Xiêm?</i> (cải cách có toàn diện không? Cải cách	2. Công cuộc cải cách ở Xiêm a. Bối cảnh, nội dung của cuộc cải cách ở Xiêm * Bối cảnh - Từ TK XIX, Xiêm trở thành đối tượng bị phương Tây nhòm ngó, trở thành “vùng đệm” giữa Anh và Pháp. - Xiêm tiến hành cải cách nhằm bảo vệ độc lập và phát triển đất nước. - Công cuộc cải cách chủ yếu được tiến hành dưới thời vua Ra – ma IV và Ra – ma V * Nội dung <table> <tr> <th>Lĩnh vực</th><th>Nội dung cải cách</th></tr> <tr> <td>Chính trị, quân sự</td><td> - Xây dựng mô hình nhà nước thống nhất, tập trung, hiện đại - Tổ chức lại chính quyền từ Trung ương đến địa phương, xóa bỏ quyền lực của quý tộc địa phương </td></tr> </table>	Lĩnh vực	Nội dung cải cách	Chính trị, quân sự	- Xây dựng mô hình nhà nước thống nhất, tập trung, hiện đại - Tổ chức lại chính quyền từ Trung ương đến địa phương, xóa bỏ quyền lực của quý tộc địa phương
Lĩnh vực	Nội dung cải cách				
Chính trị, quân sự	- Xây dựng mô hình nhà nước thống nhất, tập trung, hiện đại - Tổ chức lại chính quyền từ Trung ương đến địa phương, xóa bỏ quyền lực của quý tộc địa phương				

đất nước chủ yếu theo mô hình nào? Cải cách có mang tính chất tiên bộ hay không? Tính chất của cuộc cải cách....)

*** Nhiệm vụ 3: Hoạt động theo bàn**

GV yêu cầu HS đọc SGK tr. 34, làm việc theo bàn, cùng thảo luận và trả lời 2 câu hỏi sau:

1. Công cuộc cải cách ở Xiêm có ý nghĩa như thế nào trong bối cảnh nước Xiêm lúc bấy giờ?

2. Thông qua nội dung kiến thức bài học, giải thích vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không bị biến thành thuộc địa của thực dân phương Tây?

Gợi ý:

- Do chính sách cải cách toàn diện theo hướng mở giúp Xiêm phát triển mạnh mẽ trên con đường TBCN
- Do chính sách ngoại giao mềm dẻo, lợi dụng vào sự kiềm chế lẫn nhau giữa các nước tư bản để bảo vệ độc lập

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin mục 2 SGK tr.32 - 34, làm việc cá nhân/cặp đôi/bàn, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời HS/ đại diện cặp đôi/ bàn trình bày trước lớp

+ GV mời HS/ đại diện cặp đôi/ bàn khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

	- Xây dựng hệ thống luật pháp hiện đại, học tập phương Tây
Kinh tế	Sử dụng cổ vốn ngoại quốc để phát triển kinh tế
Xã hội	- Xóa bỏ chế độ lao dịch và nô lệ - Ban hành Luật việc làm
Văn hóa	- Thành lập trường đại học theo mô hình phương Tây, cải cách giáo dục - Cử sinh viên sang phương Tây du học
Ngoại giao	- Từng bước xóa bỏ các hiệp ước bất bình đẳng với phương Tây - Xây dựng quan hệ ngoại giao với nhiều quốc gia trên thế giới

b. Ý nghĩa

- Đưa nền kinh tế phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, đạt nhiều thành tựu quan trọng.

- Phản ánh tinh thần độc lập, tự chủ; khả năng ngoại giao khéo léo....

- Giúp Xiêm giữ vững chủ quyền đất nước, là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến nội dung bài học

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu các câu hỏi trắc nghiệm sau:



Lịch sử **Câu hỏi 1** Lịch sử

Đầu thế kỉ XIX, thực dân Hà Lan xâm lược nước nào ở Đông Nam Á?

A. Campuchia

B. Lào

C. Thái Lan

D. In-đô-nê-xi-a

Đáp án: D





Lịch sử **Câu hỏi 2** Lịch sử

Đông Nam Á từ lâu được coi là khu vực địa lý - lịch sử- văn hóa riêng biệt, còn được gọi là khu vực gì?

A. “Châu Á gió mùa”

B. “Châu Á thức tỉnh”

C. “Châu Á lục địa”

D. “Châu Á bùng cháy”

Đáp án: A



 **ĐÔNG NAM Á**

Lịch sử Câu hỏi 3 Lịch sử

 Đất nước nào từng là thuộc địa của Tây Ban Nha trong hơn 350 năm và là thuộc địa của Hoa Kỳ trong gần 50 năm?

A. Philippin B. Miến Điện
C. Mã Lai D. Brunây

Đáp án: A. Philippin

 Home

 **ĐÔNG NAM Á**

Lịch sử Câu hỏi 4 Lịch sử

 Sự kiện nào mở đầu quá trình xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây ở khu vực Đông Nam Á?

A. Bồ Đào Nha đánh chiếm Ma-lắc-ca B. Pháp đánh vào Đà Nẵng
C. Tây Ban Nha chiếm Philippin D. Hà Lan xâm lược các tiểu quốc Hồi giáo

Đáp án: A

 Home

 **ĐÔNG NAM Á**

Lịch sử Câu hỏi 5 Lịch sử

 Nửa sau thế kỉ XIX, Xiêm trở thành vùng đệm giữa các thế lực thực dân nào?

A. Tây Ban Nha – Hà Lan B. Mỹ – Anh
C. Anh – Pháp D. Bồ Đào Nha – Pháp

Đáp án: C

 Home

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi
- + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- + GV mời HS trả lời câu hỏi trước lớp
- + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS trả lời tốt
- + GV chuẩn đáp án

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm tài liệu để tìm hiểu thêm về một vấn đề lịch sử
- Nội dung:** GV nêu nhiệm vụ học tập, HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ tại nhà, GV hướng dẫn (nếu cần thiết)
- Sản phẩm học tập:** Phần tìm hiểu của HS trong vở bài tập
- Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu nhiệm vụ học tập sau: *Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về vua Rama V- vị vua đã tiến hành cải cách ở Xiêm cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm tài liệu và hoàn thành nhiệm vụ tại nhà
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời 1 – 2 HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, có thể thưởng điểm, tuyên dương những HS có bài làm tốt

* Hướng dẫn về nhà

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Chuẩn bị nội dung bài 6: *Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á*

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

BÀI 6: HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á (3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau khi học xong bài, HS có thể

- Tóm tắt được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á.
- Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á
- Nêu được ảnh hưởng của chế độ thực dân với các nước thuộc địa. Liên hệ thực tế ở Việt Nam
- Tóm tắt được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á

2. Năng lực

- Năng lực chung:

- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- Năng lực đặc thù

- + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh để nêu các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á; nêu ảnh hưởng của chế độ thực dân với các nước thuộc địa
- + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để tóm tắt được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á; tóm tắt được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á
- + Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: Vận dụng những hiểu biết của bản thân để liên hệ thực tế ảnh hưởng của chế độ thuộc địa đến Việt Nam

3. Về phẩm chất

- *Trung thực*: Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.
- *Trách nhiệm*: Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức.
- Nhân ái:
 - + Cảm thông với nhân dân các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân đô hộ
 - + Có thái độ phê phán, lên án chủ nghĩa thực dân
 - + Đồng tình và khâm phục các cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á chống chủ nghĩa thực dân

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi liên quan đến hình ảnh GV cung cấp để dẫn dắt vào bài mới.

b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS quan sát hình ảnh, yêu cầu HS xác định quốc kì của từng quốc gia Đông Nam Á. HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ học tập như sau:



KHOẢNG ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN

Đây là quốc kì của các quốc gia nào ở Đông Nam Á?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát, vận dụng hiểu biết của bản thân, làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời lần lượt HS trả lời câu hỏi trước lớp
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.



- GV dẫn dắt vào bài mới: Quốc kì của các quốc gia Đông Nam Á hiện nay rất đa dạng, là biểu tượng cho nền độc lập của mỗi quốc gia. Hầu hết các nước trong khu vực đều trải qua quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ để giành độc lập dân tộc, sau đó là quá trình tái thiết và phát triển đất nước, đưa Đông Nam Á trở thành khu vực năng động như ngày nay. Vậy, hành trình đó diễn ra như thế nào? Cô trò chúng ta sẽ làm sáng tỏ trong nội dung bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á.

a. Mục tiêu: Tóm tắt được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á.

- b. Nội dung:** GV cho HS hoạt động cặp đôi, hoàn thành phiếu học tập về phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á
- c. Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập và câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở về các phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á
- d. Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH			DỰ KIẾN SẢN PHẨM																																										
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi , dựa vào tư liệu SGK tr. 36, <i>hoàn thành bảng thống kê phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược Đông Nam Á</i> theo mẫu sau 1. Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á <table><tr><th>Quốc gia</th><th>Thực dân cai trị</th><th>Các phong trào</th></tr><tr><td>In-đô-nê-xi-a</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Phi-lip-pin</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Mi-an-ma</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Việt Nam</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Cam-pu-chia</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Lào</td><td></td><td></td></tr></table>			Quốc gia	Thực dân cai trị	Các phong trào	In-đô-nê-xi-a			Phi-lip-pin			Mi-an-ma			Việt Nam			Cam-pu-chia			Lào			1. Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á <table><tr><th>Quốc gia</th><th>Thực dân cai trị</th><th>Các phong trào</th></tr><tr><td>In-đô-nê-xi-a</td><td>Hà Lan</td><td>- PT bắt đầu từ TK XVII, dưới sự lãnh đạo của các vương triều Hồi giáo - Đầu XIX, hoàng tử Đê-pô-nê-gô-rô kháng chiến trên đảo Gia va.</td></tr><tr><td>Phi-lip-pin</td><td>Tây Ban Nha</td><td>- PT bắt đầu giữa TH XVI Từ TK XVIII, các VQ Hồi giáo đấu tranh</td></tr><tr><td>Mi-an-ma</td><td>Anh</td><td>PT đấu tranh diễn ra trong các năm 1824 – 1826, 1852, 1885</td></tr><tr><td>Việt Nam</td><td rowspan="3">Pháp</td><td>Diễn ra mạnh mẽ từ 1858 - 1884</td></tr><tr><td>Cam-pu-chia</td><td>Nhiều cuộc khởi nghĩa: Xi-vô-tha, A-cha Xoa</td></tr><tr><td>Lào</td><td>Sau 1893, phong trào bùng nổ mạnh mẽ</td></tr></table>			Quốc gia	Thực dân cai trị	Các phong trào	In-đô-nê-xi-a	Hà Lan	- PT bắt đầu từ TK XVII, dưới sự lãnh đạo của các vương triều Hồi giáo - Đầu XIX, hoàng tử Đê-pô-nê-gô-rô kháng chiến trên đảo Gia va.	Phi-lip-pin	Tây Ban Nha	- PT bắt đầu giữa TH XVI Từ TK XVIII, các VQ Hồi giáo đấu tranh	Mi-an-ma	Anh	PT đấu tranh diễn ra trong các năm 1824 – 1826, 1852, 1885	Việt Nam	Pháp	Diễn ra mạnh mẽ từ 1858 - 1884	Cam-pu-chia	Nhiều cuộc khởi nghĩa: Xi-vô-tha, A-cha Xoa	Lào	Sau 1893, phong trào bùng nổ mạnh mẽ
Quốc gia	Thực dân cai trị	Các phong trào																																											
In-đô-nê-xi-a																																													
Phi-lip-pin																																													
Mi-an-ma																																													
Việt Nam																																													
Cam-pu-chia																																													
Lào																																													
Quốc gia	Thực dân cai trị	Các phong trào																																											
In-đô-nê-xi-a	Hà Lan	- PT bắt đầu từ TK XVII, dưới sự lãnh đạo của các vương triều Hồi giáo - Đầu XIX, hoàng tử Đê-pô-nê-gô-rô kháng chiến trên đảo Gia va.																																											
Phi-lip-pin	Tây Ban Nha	- PT bắt đầu giữa TH XVI Từ TK XVIII, các VQ Hồi giáo đấu tranh																																											
Mi-an-ma	Anh	PT đấu tranh diễn ra trong các năm 1824 – 1826, 1852, 1885																																											
Việt Nam	Pháp	Diễn ra mạnh mẽ từ 1858 - 1884																																											
Cam-pu-chia		Nhiều cuộc khởi nghĩa: Xi-vô-tha, A-cha Xoa																																											
Lào		Sau 1893, phong trào bùng nổ mạnh mẽ																																											
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc thông tin mục 1 SGK tr.36, làm việc cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV mời đại diện 1 cặp đôi trình bày trước lớp + GV mời đại diện cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. - Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + GV cung cấp 1 số hình ảnh, giới thiệu kênh hình để làm sáng tỏ về một số phóng trào đấu tranh chống xâm lược tiêu biểu ở Đông Nam Á * Khu vực Đông Nam Á hải đảo 1. Ở In – đô – nê – xi – a, nổi bật có cuộc KN của hoàng tử Đê-pô-nê-gô-rô. Hiện nay, tượng đài của ông được đặt tại quảng trường Độc Lập (quảng trường Mơ – kê – đa) để tưởng nhớ công lao của ông trong cuộc đấu tranh chống thực dân Hà Lan xâm lược. 2. Về cuộc đấu tranh chống TD Tây Ban Nha của Philippin: Ngay từ năm 1521, đoàn thám hiểm của Ma – giên – lăng đến đảo Xê – bu đã vấp phải sự chống trả quyết liệt của người dân địa phương. Trong số các cuộc KN chống TD xâm lược ở Phi – lip – pin, cuộc KN của Đa – ga – hô ở Bô – hô là cuộc KN kéo dài nhất, lôi																																													

cuốn khoảng 20 nghìn người tham gia. Đa – ga – hô trở thành biểu tượng tinh thần cho cuộc đấu tranh chống TD Tây Ban Nha ở Phi – lip – pin (**hình ảnh Đa – ga – hô**)

→ PT đấu tranh chống thực dân phương Tây xâm lược ở các nước Đông Nam Á hải đảo diễn ra từ rất sớm. Nhưng do đặc thù của khung cảnh chính trị vùng hải đảo có tính chất phân tán, vì thế các cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở các quốc gia Đông Nam Á hải đảo ở quy mô khác nhau, chủ yếu mang tính chất rời rạc. Ở 1 số tiểu quốc Hồi giáo, triều đình phong kiến chấp nhận nền bảo hộ của thực dân phương Tây

*** Khu vực Đông Nam Á lục địa**

- Mianma: TD Anh đã vấp phải sự kháng cự mạnh mẽ của quân đội Miến Điện ngay từ cuộc chiến tranh xâm lược đầu tiên (1824 – 1826). Quân đội Miến Điện do tướng Ma – ha Ban – đu – la chỉ huy đã kiên cường chiến đấu, giáng cho quân Anh những đòn mạnh mẽ ở An – ca – ran và miền duyên hải phía Nam (1824). Do pháo kích của quân Anh, tướng Ban – đu – la đã hi sinh anh dũng trên trận địa. Ông trở thành người anh hùng dân tộc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Anh ở Miến Điện. Phong trào chiến tranh du kích lan rộng trong cả nước khiến cho TD Anh không thực hiện được tham vọng chiếm toàn bộ Miến Điện trong cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ 2 (1852 – 1853). Trong cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ 3 (1885), quân đội thực dân chiếm được Miến Điện nhưng bị tổn thất nặng nề và phải tiếp tục đối phó với cuộc chiến tranh du kích kéo dài hơn 10 năm sau (**hình ảnh Ban – đu – la**)

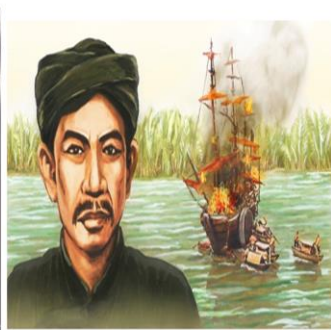
- Việt Nam:

+ Tiêu biểu có KN của Trương Định, phản đối sắc phong của triều đình, ko ra làm quan mà kiên quyết đứng về phía nhân dân chống giặc, được nhân dân suy tôn là ‘Bình Tây đại nguyên soái’. Cuộc kháng chiến của ông đã gây cho quân Pháp rất nhiều thiệt hại. Cuối năm 1864, trong khi chiến đấu để chiếm lại căn cứ Tân Hòa, Trương Định bị giặc bắn gãy xương sống, ông đã rút gươm tự sát mà không chịu rơi vào tay giặc. Hành động của ông thể hiện khí phách của 1 anh hùng, kiên quyết không chịu khuất phục trước sức mạnh của kẻ thù

+ Nguyễn Trung Trực đánh chìm tàu chiến Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông. Khi bị TD Pháp hành hình, ông đã khẳng khái nói: “Khi nào người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”...



Trương Định



Nguyễn Trung Trực

Phong trào nhân dân Việt Nam chống Pháp (1858 – 1884)

- Campuchia: tiêu biểu có KN của Hoàng thân Xi – vô – tha: Ông đã phát động KN chống lại triều đình PK Nô – rô – đôm đầu hàng TD Pháp. Cuộc KN của ông nhận được sự ủng hộ của quần chúng nhân dân và 1 bộ phận binh lính trong triều đình. PT lan rộng, kéo dài 30 năm và trở thành lực cản chính đối với kế hoạch xâm lược Cam – pu – chia của TD Pháp. Pháp và triều đình PK ko thể dẹp được cuộc nổi dậy cho đến khi Xi – vô – tha ốm nặng và từ trần năm 1891. Sau đó, PT tàn lụi dần. Hoàng thân Xi – vô – tha là biểu tượng khởi đầu cho PT đấu tranh chống TD Pháp ở Cam – pu – chia (**hình ảnh Hoàng thân Xi – vô – tha**)

→ ở khu vực Đông Nam Á lục địa, TD Anh phải trải qua 3 cuộc chiến tranh mới chiếm được Miền Điện. Ở ba nước Đông Dương, nhiều PT đấu tranh diễn ra mạnh mẽ, thu hút đông đảo quần chúng tham gia với sự lãnh đạo của triều đình PK, quan lại, Hoàng thân... làm chậm lại quá trình xâm lược của TD Pháp.

+ Sau khi tường thuật 1 số PT đấu tranh tiêu biểu, GV nêu câu hỏi mở rộng kiến thức: *Vì sao các PT đấu tranh ở khu vực Đông Nam Á chống xâm lược diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ nhưng cuối cùng đều thất bại?*

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á.

a. Mục tiêu: Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á

b. Nội dung: GV cho HS làm việc cá nhân, trả lời nhanh các câu hỏi về các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc cá nhân cá nhân, đọc thông tin, quan sát hình 3, 4 sgk tr. 37, <i>trả lời nhanh các câu hỏi sau:</i> Câu 1: Quá trình đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á được chia thành mấy giai đoạn? Đặt tên cho các giai đoạn đó.	

Đáp án: 3 giai đoạn (cơ sở để phân chia giai đoạn là những chuyển biến mới về xu hướng phát triển và những thành tựu chính của phong trào đấu tranh ở mỗi giai đoạn)

+ Cuối XIX đến năm 1920: Khởi đầu cuộc đấu tranh giành độc lập

+ Từ 1920 – 1945: Xuất hiện xu hướng mới trong phong trào đấu tranh

+ Từ 1945 – 1975: Hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập

Câu 2: Từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1920, các phong trào đấu tranh giành độc lập ở ba nước Đông Dương có khuynh hướng là gì? Em hãy kể tên 1 số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu ở Việt Nam.

Đáp án: Khuynh hướng phong kiến. Một số cuộc KN tiêu biểu: Phong trào Cần Vương (với hàng trăm cuộc KN lớn nhỏ, tiêu biểu như KN Bãi Sậy, KN Ba Đình, KN Hương Khê...), PT nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo...

Câu 3: Phong trào giải phóng dân tộc theo xu hướng tư sản diễn ra sớm nhất ở các nước nào?

Đáp án: Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma

Câu 4: Khuynh hướng vô sản xuất hiện ở một số nước ở Đông Nam Á gắn liền với sự ra đời của các tổ chức nào?

Đáp án: Đảng Cộng sản

Câu 5: Thời cơ khách quan thuận lợi cho nhiều nước Đông Nam Á giành được độc lập trong năm 1945 là gì?

Đáp án: Quân phiệt Nhật đầu hàng quân Đồng minh

Câu 6: Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân bị sụp đổ ở Đông Nam Á gắn liền với sự kiện nào?

Đáp án: Cuộc kháng chiến chống Mĩ của 3 nước Đông Dương thắng lợi

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin mục 1 SGK tr.37, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời lần lượt HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức thông qua bảng biểu

+ GV nhấn mạnh: Trải qua các giai đoạn phát triển từ cuối thế kỉ XIX đến nửa sau thế kỉ XX, xuất phát từ bối cảnh quốc tế, khu vực và điều kiện lịch sử cụ thể của từng nước, các nước Đông Nam Á đều đi đến độc lập dân tộc. Các nước Việt Nam, Lào, Campuchia phải

2. Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á.

Giai đoạn	Nội dung chính
Cuối XIX đến năm 1920: Khởi đầu cuộc đấu tranh giành độc lập	- Việt Nam, Lào, Campuchia: PT đấu tranh mang ý thức hệ phong kiến do giai cấp PK hoặc nông dân lãnh đạo - Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma: PT đấu tranh theo xu hướng tư sản dưới sự lãnh đạo của các trí thức cấp tiến
Từ 1920 – 1945: Xuất hiện xu hướng mới trong phong trào đấu tranh	- Phong trào phát triển đồng thời theo 2 khuynh hướng: tư sản (do giai cấp tư sản lãnh đạo) và vô sản (do giai cấp vô sản lãnh đạo) - Nhiều đảng phái tiến bộ ra đời, lãnh đạo cuộc đấu tranh bằng cả phương pháp hòa bình và vũ trang - Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh (1945), một số quốc gia đã tiến hành đấu tranh giành được độc lập: In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào
Từ 1945 – 1975: Hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập	- In-đô-nê-xi-a, Phi – lip – pin, Mi – an – ma, Ma – lai – xi – a: đấu tranh yêu cầu phương Tây trao trả độc lập - Việt Nam, Lào, Campuchia tiến hành kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ thắng lợi năm 1975

trải qua các cuộc kháng chiến trường kì, gian khổ chống TD Pháp và ĐQ Mĩ, đến năm 1975 mới được độc lập và thống nhất hoàn toàn. Các nước khác ở khu vực Đông Nam Á (thuộc địa của Hà Lan, Anh, Mĩ) phải kết hợp đấu tranh với những cuộc đàm phán hòa bình kéo dài hàng thập kỉ để đi đến cái đích chung là độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu thời kì tái thiết và phát triển của các nước Đông Nam Á sau khi giành được độc lập

a. Mục tiêu:

- Nêu được ảnh hưởng của chế độ thực dân với các nước thuộc địa. Liên hệ thực tế ở Việt Nam
- Tóm tắt được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á

b. Nội dung: GV cho HS hoạt động cặp đôi, hoàn thành phiếu học tập về phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập và câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở về các phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

* Nhiệm vụ 1: Hoạt động cặp đôi

GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập sau:

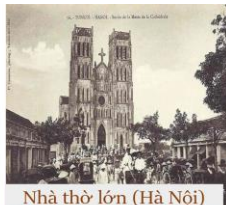
+ Cặp đôi bàn lễ: *quan sát những hình ảnh sau đây, hãy nêu những ảnh hưởng tích cực của chế độ thực dân đối với các thuộc địa ở Đông Nam Á?*



Chợ Đồng Xuân (Hà Nội)



Nhà hát lớn (Hà Nội)



Nhà thờ lớn (Hà Nội)



Phố xá (Hà Nội)



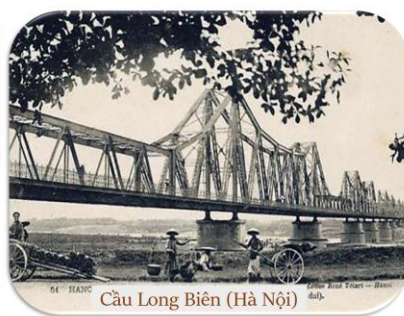
Bưu điện (Hà Nội)



Ga Hà Nội - 1900



Tàu hỏa (Huế)



Cầu Long Biên (Hà Nội)

Hệ thống giao thông ở Việt Nam thời Pháp thuộc

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

3. Thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập

a. Những ảnh hưởng của chế độ thực dân

* Ảnh hưởng tích cực

- Gắn kết với thị trường thế giới
- Du nhập nền sản xuất công nghiệp
- Xây dựng một số cơ sở hạ tầng
- Thúc đẩy văn hóa phát triển: chữ viết, tôn giáo, giáo dục

* Ảnh hưởng tiêu cực

- Chính trị- xã hội: Chính sách “chia để trị” dẫn đến xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp biên giới, lãnh thổ giữa các quốc gia trong khu vực
- Kinh tế: cơ sở hạ tầng nghèo nàn, lạc hậu. Phần lớn các nước bị biến thành nơi cung cấp nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa của phương Tây
- Văn hóa: Thực dân phương Tây áp đặt văn hóa nô dịch, chính sách ngu dân, hạn chế giáo dục ở thuộc địa

* Liên hệ đến Việt Nam

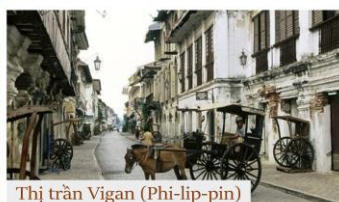
- Chính trị: Pháp chia Việt Nam làm 3 kì với 3 chế độ chính trị khác nhau, lập ra nhiều xứ tự trị, làm phức tạp mối quan hệ vùng miền, tôn giáo, tộc người
- Kinh tế: thuế khóa nặng nề, độc quyền hàng hóa, dịch vụ → kinh tế Việt Nam nghèo nàn, què quặt, lệ thuộc vào Pháp

b. Quá trình tái thiết và phát triển

* Nhóm các nước sáng lập ASEAN



Quang cảnh Xin-ga-po (1846)



Thị trấn Vigan (Phi-lip-pin)



Lớp học thời thực dân



Ngành khai mỏ than



Đồn điền trồng cây cao su

+ Cặp đôi bàn thảo: *quan sát những hình ảnh sau đây, hãy nêu những ảnh hưởng tiêu cực của chế độ thực dân đối với các thuộc địa ở Đông Nam Á?*



"Chúng tôi bị chế độ thực dân ở Trung, Nam, Bắc đã ngăn cản việc thông nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết... Chúng ta buộc phải đi, tìm kiếm chính sách dân tộc. Chúng ta dùng thuốc phiện, rượu, cờ bạc để làm cho nòi giống ta suy nhược... Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều".

(Hồ Chí Minh, Tuyên ngôn Độc lập, trích trong Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 4, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.1-2)



Tình cảnh người dân Đông Nam Á dưới chế độ thực dân

* Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm

GV chia lớp thành 3 nhóm, giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm chuẩn bị sản phẩm học tập trước ở nhà như sau:

+ Nhóm 1: *thiết kế sản phẩm học tập (giấy A0, bản Powperpoint...) tìm hiểu quá trình tái thiết và phát triển của nhóm các nước sáng lập ASEAN (Bài thuyết trình đảm bảo các nội dung sau: Các nước sáng lập ASEAN bao gồm những nước nào? Trong quá trình tái thiết và phát triển đất nước, các nước sáng lập ASEAN đã thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế nào? Đạt được thành tựu ra sao? Triển vọng và thách thức của các nước hiện nay)*

- Những nước sáng lập ASEAN gồm: Thái Lan, Xin – ga – po, Phi – lip – pin, Ma – lai – xi – a, In – đô – nê – xi – a)

- Từ những năm 60 (thế kỉ XX):

+ Thực hiện chính sách công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu

+ Mục tiêu: xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ

+ Nội dung: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất

- Từ những năm 70 (thế kỉ XX):

+ Thực hiện chiến lược công nghiệp hóa hướng tới xuất khẩu

+ Thành tựu: tạo ra bước phát triển kinh tế, xã hội mới, thay đổi bộ mặt nhiều nước trong khu vực

* Ba nước Đông Dương

- Ba nước Đông Dương gồm: Việt Nam, Lào, Campuchia

- Đến cuối những năm 80 (thế kỉ XX), bắt đầu đẩy mạnh phát triển kinh tế bằng cách từng bước chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường

* Các nước còn lại:

- Mi – an – ma:

+ Từ những năm 60 (thế kỉ XX), quá trình tái thiết, phát triển đất nước gặp nhiều khó khăn

+ Từ năm 2011, một số chính sách cải cách được tiến hành theo hướng dân chủ hóa. Tuy nhiên, tình hình đất nước hiện tại còn nhiều bất ổn

- Bru – nây:

+ Từ năm 1984, thi hành nhiều chính sách nhằm thoát khỏi sự lệ thuộc vào Anh.

+ Hệ thống luật pháp hiện đại được xác lập

+ Kinh tế từng bước phát triển, đặc biệt ngành chế biến dầu mỏ

- Ti – mo Lét – te:

+ Từ năm 2002, thi hành nhiều chính sách nhằm ổn định tình hình chính trị, phát triển kinh tế, xã hội

+ Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhiều bất ổn: xung đột phe nhóm, đảo chính quân sự...

+ Nhóm 2: *thiết kế sản phẩm học tập (giấy A0, bản Powperpoint...) tìm hiểu quá trình tái thiết và phát triển của nhóm các nước Đông Dương ASEAN (Bài thuyết trình đảm bảo các nội dung sau: Các nước Đông Dương bao gồm những nước nào? Trong quá trình tái thiết và phát triển đất nước, các nước Đông Dương đã có những biện pháp gì? Đạt được thành tựu ra sao? Triển vọng và thách thức của các nước hiện nay)*

+ Nhóm 3: *thiết kế sản phẩm học tập (giấy A0, bản Powperpoint...) tìm hiểu quá trình tái thiết và phát triển của nhóm các nước Mi-an-ma, Bru-nây, Ti-mo Lét-te (Bài thuyết trình đảm bảo các nội dung sau: Trong quá trình tái thiết và phát triển đất nước, các nước trên đã thực hiện các chính sách, biện pháp gì? Đạt được thành tựu ra sao? Triển vọng và thách thức của các nước hiện nay)*

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin mục 1 SGK tr.38 - 40, làm việc cặp đôi/nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời đại diện cặp đôi/ đại diện nhóm trình bày sản phẩm học tập trước lớp

+ GV mời đại diện cặp đôi/ đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, nhấn mạnh: Các nước Đông Nam Á khi bắt tay vào công cuộc tái thiết và phát triển đất nước đều gặp không ít khó khăn do những hậu quả nặng nề của chế độ thực dân để lại. Trong bối cảnh đó, việc thực hiện công nghiệp hóa là con đường duy nhất để thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu sau khi giành độc lập và đều đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong phát triển kinh tế - xã hội. Từ năm 1999, tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn so với mức trung bình của thế giới. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới với GDP đạt khoảng 3000 tỉ USD từ năm 2018. Dự kiến đến năm 2030 sẽ vượt Đức vươn lên vị trí thứ 4 thế giới với GDP tăng gấp đôi. Triển vọng tăng trưởng của ASEAN sẽ tăng tốc trong thập kỷ tới, vì một số nhân tố có thể viết tắt là “TIGER”. T (Technology) – công nghệ hay nền kinh tế số; I (income) – thu nhập của tầng lớp trung lưu; G (Green) – chuyển đổi xanh; E (energy) – hạ tầng năng lượng và R (RCEP) – Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi trong phần luyện tập sách giáo khoa trang 40

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập



LUYỆN TẬP

Hoàn thành bảng thống kê về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ cuối thế kỉ XIX đến 1975 theo các nội dung sau:



Giai đoạn	Lực lượng	Hình thức	Kết quả, ý nghĩa
Cuối XIX - 1920			
1920 -1945			
1945- 1975			

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS trả lời tốt

+ GV chuẩn đáp án



LUYỆN TẬP

Giai đoạn	Lực lượng lãnh đạo	Hình thức	Kết quả, tính chất
Cuối XIX - 1920	Nông dân, sĩ phu phong kiến, trí thức cấp tiến	Vũ trang Cải cách	- Thất bại - Khuynh hướng phong kiến và xu hướng tư sản.
1920 -1945	- Tư sản (Việt Nam Quốc dân đảng, Đảng Dân tộc) - Vô sản (Đảng Cộng sản)	Phương pháp hòa bình và vũ trang	Một số nước giành được độc lập (In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào) 1945
1945- 1975	Tư sản Vô sản	Hòa bình và vũ trang	Các nước Đông Nam Á được trao trả độc lập.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm tài liệu để tìm hiểu thêm về một vấn đề lịch sử

b. Nội dung: GV nêu nhiệm vụ học tập, HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ tại nhà, GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Phần tìm hiểu của HS trong vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập



VẬN DỤNG

Tìm hiểu và giới thiệu về nhân vật lịch sử Hô-xê Ri-dan và đóng góp của ông trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Phi-lip-pin.



Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm tài liệu và hoàn thành nhiệm vụ tại nhà
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời 1 – 2 HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, có thể thưởng điểm, tuyên dương những HS có bài làm tốt

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Chuẩn bị nội dung bài thực hành

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 3:

QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG Á (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống hóa những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 2 – Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á.
- Vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành

2. Năng lực

- Năng lực chung:

- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- **Năng lực đặc thù:** năng lực tìm hiểu lịch sử; năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập, lập bảng thống kê, trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung bài học; tự đánh giá chéo phần trả lời câu hỏi bài tập của bản thân/bạn bè

3. Về phẩm chất

- *Trung thực:* Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.
- *Trách nhiệm:* Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Tóm tắt những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề

Tổ chức thực hiện:

- Nhiệm vụ: Tóm tắt những nội dung kiến thức cơ bản đã được học.
- Sản phẩm: Trình bày bằng sơ đồ tư duy, bảng tóm tắt trên giấy A0, hoặc thiết kế trên PowerPoint, Mindmap, trình bày infographic,...
- Hình thức, phương pháp báo cáo: Làm việc nhóm, cử đại diện nhóm báo cáo. Các nhóm khác lắng nghe để trao đổi, góp ý.

2.2. Tổ chức dự án về Ra-ma V với cuộc cải cách ở Xiêm và bài học kinh nghiệm cho Việt

Nam

Tổ chức thực hiện:

- GV vận dụng phương pháp dạy học dự án để HS tìm hiểu về Ra-ma V với cuộc cải cách ở Xiêm và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

- Tên dự án: “Ra-ma V với cuộc cải cách ở Xiêm và bài học kinh nghiệm với Việt Nam”.
- Các tiêu dự án:
 - + Tiêu dự án 1: Ra-ma V với cuộc cải cách ở Xiêm cuối thế kỉ XIX.
 - + Tiêu dự án 2: Ra-ma V với chính sách ngoại giao mềm dẻo.
 - + Tiêu dự án 3: Cải cách ở Xiêm cuối thế kỉ XIX: ý nghĩa và tác động.
 - + Tiêu dự án 4: Cải cách ở Xiêm cuối thế kỉ XIX: bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.
- HS thực hiện thảo luận nhóm, GV theo dõi, giải đáp thắc mắc.

Câu 11. Trải qua cuộc chiến tranh bao lâu thực dân Pháp mới hoàn thành xâm chiếm ba nước Đông Dương?

A. Kéo dài gần nửa thế kỉ.

B. Kéo dài hơn một thế kỉ.

C. Kéo dài hơn một thập kỉ.

D. Kéo dài gần 70 năm.

Câu 12. Đến đầu thế kỉ XX, Vương quốc Xiêm (Thái Lan) trở thành vùng “đệm” giữa khu vực thuộc địa của

A. Tây Ban Nha và Pháp.

B. Anh và Pháp.

C. Mỹ và Anh.

D. Tây Ban Nha và Anh.

Câu 13. Chính sách “chia để trị” là phương thức phổ biến của thực dân phương Tây đối với các nước Đông Nam Á nhằm

A. gây mất đoàn kết giữa các dân tộc ở Đông Nam Á.

B. gây mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Nam Á.

C. chia rẽ, làm suy yếu sức mạnh dân tộc của các nước Đông Nam Á.

D. tạo điều kiện để thực dân phương Tây xâm lược các nước Đông Nam Á.

Câu 14. Thực dân phương Tây đã tìm mọi cách kìm hãm người dân ở các nu thuộc địa trong tình trạng lạc hậu, đói nghèo. Đó là chính sách cai trị trên lĩnh vực nào?

A. Chính sách cai trị trên lĩnh vực xã hội.

B. Chính sách cai trị trên lĩnh vực kinh tế.

C. Chính sách cai trị trên lĩnh vực

D. Tất cả các lĩnh vực trên.

Câu 15. Vào giữa thế kỉ XIX, Vương quốc Xiêm đứng trước sự đe dọa của

A. thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

B. thực dân Anh và Pháp.

C. thực dân Hà Lan và Tây Ban Nha.

D. thực dân phương Tây nói chung.

Câu 16. Từ năm 1851, vua Ra-ma IV đã tiến hành cải cách với chủ trương lớn nhất là gì?

A. Mở đường thông thương với nước ngoài.

B. Mở cửa buôn bán với nước ngoài.

C. Mở rộng quan hệ ngoại giao với phương Tây.

D. Mở rộng quan hệ với Anh và Pháp.

Câu 17. Từ năm 1868, dưới triều vua Ra-ma V, Xiêm đã tiến hành hàng loạt cải cách quan trọng về các lĩnh vực nào?

A. Ngoại giao, kinh tế, giáo dục,...

B. Ngoại giao, hành chính, xã hội, văn hoá,...

C. Ngoại giao, kinh tế, xã hội, hành chính, giáo dục,.

D. Kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục.

Câu 18. Nội dung nào dưới đây thể hiện công cuộc cải cách ở Xiêm về kinh tế?

A. Mở các trường học tư thục theo mô hình phương Tây.

B. Tư bản nước ngoài được phép đầu tư kinh doanh ở Xiêm.

C. Xóa bỏ các hiệp ước bất bình đẳng đã kí trước đây.

D. Khuyến khích nông dân bỏ vốn đầu tư kinh doanh.

Câu 19. Năm 1897, Ra-ma V gặp gỡ đại diện chính phủ các nước nào để xóa bỏ các hiệp ước bất bình đẳng trước đó?

A. Đại diện chính phủ các nước Anh, Pháp, Đức,...

B. Đại diện chính phủ các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ,...

C. Đại diện chính phủ các nước Anh, Pháp, Đức, Nga,..

D. Đại diện chính phủ các nước Anh, Pháp, Nga,...

Câu 20. Điểm giống nhau giữa cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản và cải cách của Ra-ma V ở Xiêm là gì?

A. Đưa nước Nhật Bản và Xiêm đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

B. Đưa nước Nhật Bản và Xiêm trở thành nước đế quốc chủ nghĩa.

C. Điều thực hiện cải cách hành chính theo phương Tây.

D. Điều thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo với Anh và Pháp.

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

CHỦ ĐỀ 4: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC THÁNG 8 NĂM 1945) (9 TIẾT)
BÀI 7: KHÁI QUÁT VỀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (5 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau khi học xong bài, HS có thể

- Nêu được vị trí địa chiến lược của Việt Nam; phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.
- Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu và các cuộc kháng chiến không thành công. Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến kết quả đó.
- Rút ra được những bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, liên hệ với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- Năng lực đặc thù

- + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh để nêu vị trí địa chiến lược của Việt Nam; trình bày nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu và các cuộc kháng chiến không thành công
- + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để phân tích vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam; giải thích nguyên nhân chính dẫn thành công hoặc thất bại của các cuộc kháng chiến
- + Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: Vận dụng những hiểu biết của bản thân để rút ra những bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, liên hệ với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

3. Về phẩm chất

- *Trung thực*: Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.
- *Trách nhiệm*: Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức.
- *Yêu nước*: trân trọng và tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** HS trả lời được câu hỏi để GV dẫn dắt vào bài mới.

b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS quan sát hệ thống chữ cái, yêu cầu HS tìm những từ khóa tên các anh hùng dân tộc và tên các trận đánh quan trọng trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và giải phóng dân tộc của lịch sử Việt Nam.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV giao nhiệm vụ học tập như sau:

- GV cung cấp hệ thống các chữ cái sau

Y	B	D	N	P	R	M	V	G	H	R	V	L	H	M	I	E	Y	I	M
N	O	G	T	V	T	P	A	A	C	T	K	I	P	N	R	S	D	T	X
V	K	S	P	A	O	H	T	T	B	G	M	K	D	I	M	A	K	K	T
T	H	B	H	M	I	O	X	U	L	A	C	H	A	U	O	K	L	H	M
S	O	A	I	E	T	N	K	V	O	I	N	E	N	H	Y	I	O	U	B
E	A	K	R	B	B	G	G	X	T	L	P	V	C	T	I	N	V	N	V
H	N	C	A	G	Y	K	L	U	L	N	O	M	U	B	C	V	K	G	I
L	G	O	B	T	M	I	A	I	Y	D	S	T	Đ	D	A	X	A	H	N
C	S	A	M	X	L	E	O	K	X	E	X	U	O	I	M	T	M	O	U
M	A	N	B	O	H	N	T	X	C	X	N	X	N	G	N	L	R	A	B
I	N	K	N	I	E	H	M	L	M	V	O	I	G	P	H	B	V	N	K
K	T	O	V	I	T	R	I	C	H	I	E	N	L	U	O	C	O	G	N
V	H	H	I	P	I	C	L	M	O	O	U	H	I	T	Y	H	T	E	T
B	L	X	Y	S	V	D	E	I	V	T	K	M	V	K	X	R	O	H	M

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ sau: Hãy tìm những từ khóa tên các anh hùng dân tộc và tên các trận đánh quan trọng trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và giải phóng dân tộc của lịch sử Việt Nam.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát, vận dụng hiểu biết của bản thân, làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

Y	B	D	N	P	R	M	L	Y	T	H	U	O	N	G	K	I	E	T	D
N	O	G	N	C	H	I	L	A	N	G	X	U	T	N	S	G	I	A	I
V	N	S	P	G	O	H	T	T	B	G	M	K	D	I	O	A	H	K	E
T	G	B	H	M	O	O	X	U	L	E	L	O	I	U	N	K	A	H	N
S	U	A	I	E	T	Q	K	V	O	I	N	E	N	H	G	I	I	U	B
E	Y	K	R	B	B	G	U	X	T	L	P	V	H	T	N	N	B	O	I
H	E	C	A	G	Y	K	L	Y	L	N	O	M	B	B	H	V	A	G	E
L	N	O	L	Y	B	I	A	I	E	D	S	T	O	D	U	X	T	H	N
C	T	A	M	X	L	E	O	K	X	N	X	U	L	I	N	T	R	K	P
M	R	N	G	O	D	O	N	G	D	A	N	X	I	G	G	L	U	A	H
I	A	K	N	I	E	H	M	L	M	V	O	I	N	P	U	B	N	N	U
K	I	T	R	A	N	H	U	N	G	D	A	O	H	U	Y	C	G	G	N
V	H	H	I	B	A	C	H	D	A	N	G	H	I	T	E	H	T	E	T
B	L	X	Y	S	V	N	G	U	Y	E	N	H	U	E	T	R	O	H	M

→ Tên các anh hùng dân tộc, tên các trận đánh: Trần Hưng Đạo, Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Bạch Đằng, Điện Biên Phủ

- GV dẫn dắt vào bài mới: Các vị anh hùng dân tộc: Trần Hưng Đạo, Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh hay những chiến thắng lừng lẫy Bạch Đằng, Điện Biên Phủ là một phần trong trang sử hào hùng chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc, là niềm tự hào muôn đời của dân tộc Việt Nam. Trong lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò, ý nghĩa như thế nào? Có những cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu nào? Có những cuộc kháng chiến nào không thành công? Nguyên nhân chính dẫn đến những thắng lợi hay thất bại đó là gì? Những nội dung đó sẽ được cô trò chúng ta cùng làm sáng tỏ trong buổi học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

a. Mục tiêu:

- Nêu được vị trí địa chiến lược của Việt Nam
- Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.

b. Nội dung: GV cho HS hoạt động cá nhân/cặp đôi, trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập và câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân - Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc thông tin tư liệu và quan sát hình 1 tr.42, trả lời câu hỏi: 1. Em hãy trình bày vị trí địa chiến lược của Việt Nam trên lược đồ? 2. Vị trí địa lý chiến lược đó đã tạo ra những thời cơ và thách thức gì cho dân tộc Việt Nam trong tiến trình lịch sử?  - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc thông tin mục 1 SGK tr.42, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV mời 1 – 2 HS trình bày trước lớp + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.	1. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam a. Vị trí địa chiến lược Việt Nam * Vị trí địa lý: - Nằm ở Đông Nam Á- khu vực ngã tư giữa lục địa Á – Âu và châu Đại Dương, giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, án ngữ tuyến đường giao thương lâu đời giữa Trung Quốc và Ấn Độ - Giáp Trung Quốc, án ngữ biển Đông, là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa và hải đảo → được coi là “tiền tiêu” của Đông Nam Á từ phía bắc, là “cửa ngõ” để tiến vào bán đảo Trung - Ấn từ phía đông và Trung Quốc từ phía nam * Thời cơ, thách thức - Thời cơ + Giao thương đường biển quốc tế sớm phát triển + Có điều kiện giao lưu, tiếp thu nhiều nền văn hóa lớn trên thế giới - Thách thức: + Thường xuyên là đối tượng nhòm ngó, can thiệp hoặc xâm lược của các thế lực bên ngoài + Là địa bàn cạnh tranh địa chính trị, xác lập và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của các nước lớn trong khu vực và thế giới

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, nhấn mạnh đến thách thức của vị trí địa chiến lược của Việt Nam: Vì vị trí địa chiến lược quan trọng, TNTN lại phong phú, dân cư đông đúc nên VN luôn phải đối mặt với nhiều thế lực ngoại xâm và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (dẫn chứng số liệu)

*** Nhiệm vụ 2: Hoạt động cặp đôi**

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, hoàn thành phiếu học tập sau về vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

	Nội dung	Giải thích, dẫn chứng
Vai trò		
Ý nghĩa		

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin mục 1 SGK tr.43, làm việc cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập
+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời 1 – 2 cặp đôi trình bày trước lớp
+ GV mời cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

	Nội dung	Giải thích, dẫn chứng
Vai trò	- Bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ - Quyết định sự tồn vong của quốc gia, dân tộc trước các cuộc chiến tranh xâm lược và can thiệp từ bên ngoài - Tác động lớn đến quá trình hình thành	- Mục tiêu cơ bản của kẻ thù ngoại bang là nhanh chóng xâm chiếm và đặt ách cai trị lên Việt Nam. Các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc thành công sẽ bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, làm thất bại âm mưu của kẻ thù ngoại bang. Nếu chiến tranh bảo vệ Tổ quốc không thành công, đất nước sẽ mất độc lập, bị kẻ thù ngoại bang thống trị. Ví dụ: An Dương Vương thất bại trước cuộc chiến

b. Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

*** Vai trò:**

- Vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
- Quyết định sự tồn vong của quốc gia, dân tộc trước các cuộc chiến tranh xâm lược và can thiệp từ bên ngoài
- Tác động lớn đến quá trình hình thành quốc gia, dân tộc, đến tiến trình lịch sử dân tộc và chính sách quản lý đất nước.
- Ảnh hưởng đến tính chất xã hội và công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, văn hóa

*** Ý nghĩa**

- Ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành và phát triển truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất của dân tộc
- Góp phần khơi dậy và củng cố tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc

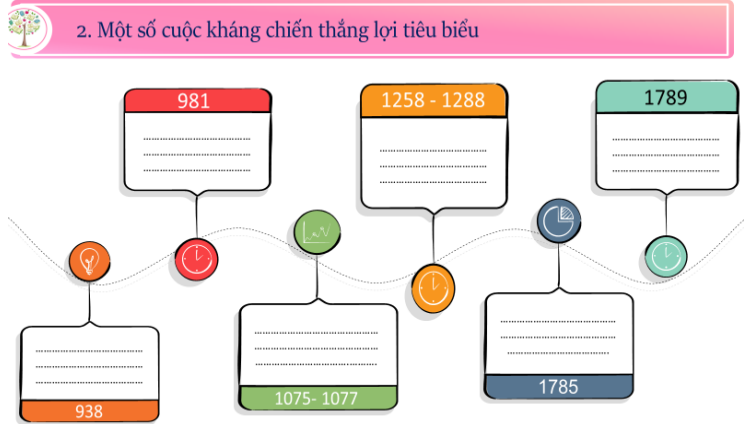
	quốc gia, dân tộc, đến tiến trình lịch sử dân tộc và chính sách quản lý đất nước. - Ảnh hưởng đến tính chất xã hội và công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, văn hóa	tranh xâm lược của Triệu Đà → đất nước rơi vào cảnh ngàn năm Bắc thuộc, các cuộc kháng chiến chống TD Pháp xâm lược cuối XIX thất bại → đất nước bị Pháp đô hộ hơn 80 năm... → các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc quyết định đến sự tồn vong của quốc gia - Tác động đến chính sách của Nhà nước: do nhu cầu bảo vệ độc lập, tổ tiên ta luôn chú ý đến củng cố lãnh thổ nội bộ, xây dựng đường sá, cầu cống, vét sông, khơi nguồn...để có thể nhanh chóng rút lui chiến lược hay tổng phản công...; chủ động giữ nước, bảo vệ độc lập ngay trong thời bình: “Dựng nước đi đôi với giữ nước”, “Lo giữ nước ngay từ khi nước chưa nguy” (Lê Thái Tổ) – được coi là chiến lược của tất cả các nhà nước...	
Ý nghĩa	- Hình thành và phát triển truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất của dân tộc - Góp phần khơi dậy và củng cố tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc - Để lại nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc	- Truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm được tô thắm bởi hàng triệu con người đã hi sinh vì độc lập dân tộc, với những anh hùng giải phóng dân tộc vĩ đại của Việt Nam và thế giới (Trần Hưng Đạo, Võ Nguyên Giáp – 2 trong số 10 vị tướng giỏi nhất thế giới), Quang Trung – Nguyễn Huệ - anh hùng áo vải, Lê Lợi; Hồ Chí Minh – anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa TG. VN là 1 quốc gia đặc biệt: có ngày 27/7 là ngày thương binh liệt sĩ....	

		- Để lại bài học kinh nghiệm về chiến tranh nhân dân, kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao.... (có thể dẫn chứng qua 1 số cuộc KC cụ thể)	
--	--	---	--

TIẾT 2,3

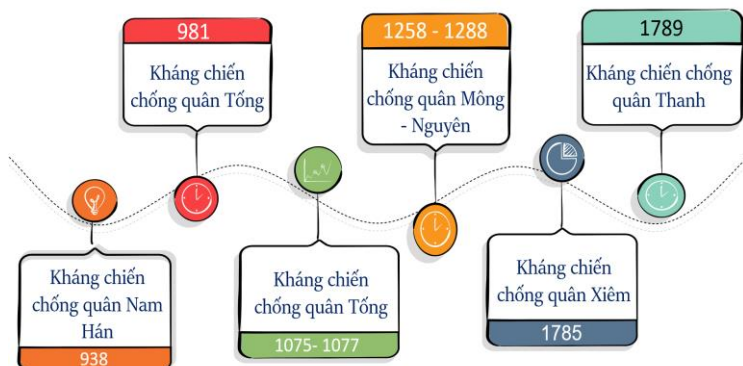
2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu

- a. Mục tiêu:** Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu
- b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân/ nhóm/ bàn, hoàn thành sơ đồ Timeline, tham gia trò chơi, hoàn thành phiếu học tập để chiếm lĩnh nội dung kiến thức bài học
- c. Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập và câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở bảng thống kê một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu và nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến đó
- d. Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân - Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc SGK từ tr.44 – 48, thực hiện nhiệm vụ: Em hãy điền tên các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc vào sơ đồ timeline sau đây:  - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc thông tin mục 2 SGK tr.44 - 48, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV mời 1 HS trình bày trước lớp + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức	2. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu a. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu (Phụ lục 1)



2. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu



* Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành 4 nhóm tham gia trò chơi: **GIẢI MÃ LỊCH SỬ**. Mỗi câu hỏi có 3 gợi ý. Số điểm tương đương với từng gợi ý là 3 – 2 - 1



GIẢI MÃ LỊCH SỬ

Câu 1: Tên một dòng sông?

- 1 Dòng sông quan trọng nhất trong hệ thống sông Thái Bình
- 2 Tên gọi khác là “dòng sông quan họ”
- 3 Ghi dấu chiến công của người anh hùng Lý Thường Kiệt

Sông Như Nguyệt



GIẢI MÃ LỊCH SỬ

Câu 2: Tên một anh hùng dân tộc?

- 1 Phan Bội Châu xem ông là vị “Tổ Trung hưng”
- 2 Quê quán: Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội)
- 3 Vị vua đầu tiên của thời kì phong kiến độc lập ở Việt Nam

Ngô Quyền



GIẢI MÃ LỊCH SỬ

Câu 3: Tên một nghệ thuật quân sự?

- 1 Nghệ thuật quân sự độc đáo, táo bạo
- 2 Có tính chất chủ động, bất ngờ
- 3 Tạo tiền đề quan trọng cho chiến thắng chống quân Tống thời Lý

“Tiên phát chế nhân”



GIẢI MÃ LỊCH SỬ

Câu 4: Tên một dòng sông?

- 1 Có nghĩa “rừng sóng bạc đầu”
- 2 Là ranh giới giữa Hải Phòng và Quảng Ninh
- 3 Dòng sông lịch sử ghi dấu chiến công của 3 cuộc kháng chiến chống ngoại xâm

Sông Bạch Đằng



Câu 5: Tên một tướng giặc bại trận?

- 1 Hai lần đem quân sang đánh nước ta đều bại trận
- 2 Con trai của vua Nguyên Hốt Tất Liệt
- 3 Tướng giặc phải chui vào ống đồng cho quân sĩ khiêng để chạy trốn về nước.

Thoát Hoan



Câu 6: Tên một trận đánh chiến lược?

- 1 Thuộc khúc sông Tiền
- 2 Một trong những trận thủy chiến lớn của dân tộc ta.
- 3 Ghi dấu chiến công của anh hùng Nguyễn Huệ đánh quân Xiêm xâm lược.

Rạch Gầm - Xoài Mút



Câu 7: Tên một anh hùng dân tộc?

- 1 Người duy nhất được dân gian phong Thánh
- 2 Nhà quân sự lỗi lạc với chức vụ: Quốc công tiết chế thống lĩnh quân đội.
- 3 Lãnh đạo quân dân nhà Trần đánh tan hai lần quân Nguyên xâm lược.

Trần Quốc Tuấn



Câu 8: Tên một trận đánh chiến lược?

- 1 Có nghĩa là “Bến đỗ phía đông”
- 2 Ở bên bờ sông Hồng, phía đông thành Thăng Long
- 3 Trận đánh thắng quân Mông Cổ năm 1258.

Đông Bộ Đầu

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin mục 2 SGK tr.44 - 48, làm việc theo nhóm, cùng thảo luận và ghi chép lại những nội dung cần nhớ

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời nhóm nào ghi tay nhanh nhất được trả lời câu hỏi trước lớp

+ Nếu nhóm trả lời sai, các nhóm khác tiếp tục được quyền trả lời

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

+ GV tổng kết điểm của các nhóm. Nhóm nào nhiều điểm nhất, mỗi bạn sẽ được cộng 1 điểm cho bảng điểm quá trình học tập

* Nhiệm vụ 3: Hoạt động theo bàn

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV cung cấp hệ thống các tư liệu, yêu cầu HS làm việc theo bàn, đọc SGK mục 2, tr.44 – 48, kết hợp tư liệu GV cung cấp, *hoàn thành phiếu học tập về một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu theo mẫu sau*

Tên cuộc kháng chiến	Thời gian	Lãnh đạo	Nghệ thuật quân sự	Trận đánh lớn	Kết quả

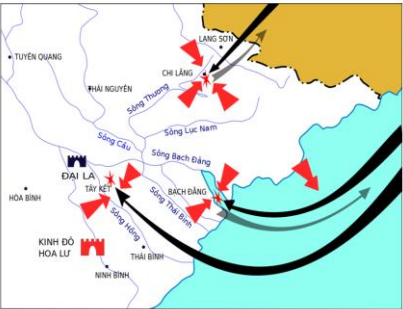
Hệ thống tư liệu GV cung cấp như sau (phát cho HS đi kèm với phiếu học tập)

a. Kháng chiến chống quân Nam Hán (938)



“Khi nước triều lên, (Ngô Quyền sai người đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả thua chạy để dụ địch đuổi theo. Hoàng Thao quả nhiên tiến quân vào. Khi binh thuyền đã vào trong vùng cạm bẫy, nước triều rút, cọc nhô lên [Ngô] Quyền bèn tiến quân ra đánh, ai nấy đều liều chết chiến đấu. (Quân Hoàng Thao) không kịp sửa thuyền mà nước triều rút rất gấp, thuyền đều mắc vào cọc mà lật úp, rồi loạn tan vỡ.
(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập I, NXB Khoa học xã hội, tr.203)

b. Kháng chiến chống quân Tống (981)



“Khi quân Tống kéo đến sông Chi Lăng, nhà vua sai người trả hàng, dụ bắt được Nhân Bảo, đem chém. Bọn Lan Trùng rút lui. Khâm Tộ nghe tin, rút quân quay về. Nhà vua lại đem các tướng truy kích, quân Khâm lộ thua to, chết mất quả mưa,... vua Tống xuống chiếu rút quân về.
(Quốc sử quán triều Nguyễn, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, tr.238)

d. Ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên (1258 - 1288)



Trước sức mạnh như vũ bão của quân Mông Nguyên, nhà Trần thực hiện kế “thanh dã” đánh đuổi quân giặc về nước

Những chiến thắng hiển hách: Đông Bộ Đầu, Chương Dương, Hàm Tử, Thăng Long, sông Bạch Đằng.

Ghi dấu chiến công của vua, quan, quân, dân nhà Trần: Trần Hưng Đạo, Trần Thủ Độ...

e. Kháng chiến chống quân Xiêm (1785)



"[Nguyễn] Huệ đem hết quân mạnh mai phục ở Rach Giam và ở sông Xoai Mut (thuộc tỉnh Định Tường), rồi dụ quân Xiêm lại đánh... Chiến Tàng và Chiêu Sương thua to bỏ chạy, chỉ còn vài nghìn lính theo đường núi Chân Lạp mà chạy về".

(Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, tr.223)



Lược đồ chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút



Tượng đài chiến thắng
Rạch Gầm – Xoài Mút (Mỹ Tho)

g. Kháng chiến chống quân Thanh (1789)



- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin mục 2 SGK tr.44 - 48, làm việc theo bàn, hoàn thành phiếu học tập

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời đại diện 1 – 2 bàn trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời đại diện bàn khác nhận xét, bổ sung

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

+ GV yêu cầu các bàn tự hoàn thiện phiếu học tập của mình trên cơ sở phần chuẩn kiến thức của GV, sau đó hoàn thiện bảng vào vở ghi

* Nhiệm vụ 4: Hoạt động cặp đôi

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, theo dõi video, kết hợp đọc SGK, tr.48 – 49, trả lời các câu hỏi sau:

1. Hãy giải thích nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc ta.

2. Theo em, đâu là nguyên nhân quan trọng nhất? Vì sao?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin mục 2 SGK tr.48 - 49, làm việc cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập.

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời đại diện 1 – 2 cặp đôi trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời đại diện cặp đôi khác nhận xét, bổ sung

b. Nguyên nhân thắng lợi

* Nguyên nhân chủ quan:

- Tinh thần yêu nước, đấu tranh bất khuất, không cam chịu làm nô lệ

- Cuộc kháng chiến đều mang tính chất chính nghĩa. Vì vậy là cơ sở để tập hợp, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đưa đến thắng lợi cuối cùng

- Tinh thần đoàn kết dân tộc: đoàn kết trong nội bộ vương triều, giữa tướng lĩnh và binh sĩ, giữa triều đình và nhân dân, giữa các tầng lớp nhân dân và các dân tộc

- Đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn, nghệ thuật quân sự sáng tạo, độc đáo, sự chỉ huy tài tình của các tướng lĩnh...

* Nguyên nhân khách quan: Thế lực ngoại xâm gặp khó khăn: hành quân xa, không quen thuộc địa hình, thổ nhưỡng, không chủ động được nguồn lương thực... → Quân địch dễ rơi vào thế bị động, từng bước suy yếu.

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

+ Với câu hỏi 2, HS có thể lựa chọn một trong số những nguyên nhân chủ quan là nguyên nhân quan trọng nhất

● Truyền thống yêu nước, đoàn kết của dân tộc: HS có thể lý giải: truyền thống yêu nước, đoàn kết tạo nên sức mạnh to lớn để triều đình PK có thể phát động chiến tranh nhân dân, đánh bại những thế lực ngoại xâm lớn mạnh hơn chúng ta nhiều lần. Dẫn chứng: có những vương triều mất lòng dân và hậu quả là mất nước: Vương triều Hồ, có vũ khí hiện đại, nhưng mất đi sự tin tưởng của nhân dân nên đã nhanh chóng thất bại.... Nguyễn Trãi cũng đúc rút: “Đẩy thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân...→quần chúng nhân dân có vai trò hết sức to lớn, quyết định lịch sử....

● Vai trò chỉ huy của các tướng lĩnh với nghệ thuật quân sự độc đáo: HS có thể lý giải: Nếu kháng chiến không có người đứng đầu tài giỏi lãnh đạo thì sẽ không có đường lối, phương pháp đúng. Như vậy, nếu quần chúng nhân dân có đấu tranh mạnh mẽ mà không có đường lối đúng, ko có người chỉ huy tài giỏi thì cũng không thành công được. Ví dụ: cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược cuối XIX, mặc dù quần chúng nhân dân đấu tranh mạnh mẽ, nhưng do nhà Nguyễn không có đường lối đúng, thiếu quyết đoán, thiên về chủ hòa...Các cuộc kháng chiến thiếu người lãnh đạo tài giỏi nên diễn ra lẻ lẻ, thiếu sự thống nhất và cuối cùng thất bại.

→Từ đó, GV đưa ra kết luận: Một cuộc kháng chiến thành công là do sự hội tụ của rất nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Trong đó, nguyên nhân chủ quan đóng vai trò quyết định. Nếu thiếu đi một nguyên nhân chủ quan nào đó trong số các nguyên nhân trên thì kháng chiến sẽ thất bại....

+ GV yêu cầu HS trên cơ sở phần trả lời của các bạn và phần chuẩn kiến thức của GV, hoàn thành nội dung bài học vào vở ghi.

TIẾT 4,5

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về một số cuộc kháng chiến không thành công

a. Mục tiêu:

- Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến không thành công. Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến kết quả đó.

- Rút ra được những bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, liên hệ với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

b. Nội dung: GV cho HS hoạt động cá nhân/ cặp đôi/ bàn trả lời câu hỏi, hoàn thành bảng biểu

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở nội dung chính của một số cuộc kháng chiến không thành công và nguyên nhân dẫn đến kết quả đó.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM								
* Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân/cặp đôi - Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: <i>Điền vào sơ đồ sau các cuộc kháng chiến không thành công tương ứng.</i> + GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ: <i>Dựa vào những hình ảnh sau đây, em hãy kể lại câu chuyện nói về sự tích nước Âu Lạc rơi vào tay Triệu Đà?</i> - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc thông tin mục 1 SGK tr.49 - 50, làm việc cá nhân/ cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV mời HS/ đại diện cặp đôi trình bày trước lớp + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. * Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân - Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu Hs đọc SGK, tr.49 – 50, trả lời nhanh các câu hỏi sau: <i>1. Nhà Minh đã sử dụng chiêu bài gì để có thể mang quân sang xâm lược nước ta?</i> <i>“Phù Trần diệt Hồ”</i> <i>2. Khi xâm lược nước ta, quân Minh đã tập trung lực lượng tấn công quân đội nhà Hồ tại những thành nào?</i> Thành Đa Bang (Hà Nội), Đông Đô (Hà Nội), Tây Đô (Thanh Hóa) <i>3. Sự kiện nào đánh dấu cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ thất bại?</i> Năm 1407, Hồ Quý Ly bị bắt tại cửa biển Kỳ La (Hà Tĩnh)	3. Một số cuộc kháng chiến không thành công a. Một số cuộc kháng chiến không thành công <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên cuộc kháng chiến</th><th>Nội dung chính</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cuộc kháng chiến chống quân Triệu (Thế kỉ II TCN)</td><td> - Năm 207 TCN, Triệu Đà lập nước Nam Việt ở Trung Quốc, tiến hành chiến tranh mở rộng lãnh thổ - Với Âu Lạc, Triệu Đà dùng kế li gián, gây mâu thuẫn nội bộ. - Năm 179 TCN, Triệu Đà sai quân đánh Âu Lạc, An Dương Vương thất bại. </td></tr> <tr> <td>Cuộc kháng chiến chống quân Minh (Đầu thế kỉ XV)</td><td> - 1406, với chiêu bài “Phù Trần diệt Hồ”, nhà Minh đem quân xâm lược nước ta. Nhà Hồ rút quân từ biên giới về cố thủ thành Đa Bang (Hà Nội) - Quân Minh chiếm Đa Bang rồi tiến đánh Đông Đô (Hà Nội). Nhà Hồ rút về Tây Đô (Thanh Hóa) - Tháng 5/1407, Quân Minh đánh Tây Đô, nhà Hồ rút về Nghệ An - Tháng 6/1407, Hồ Quý Ly bị bắt, cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại. </td></tr> <tr> <td>Cuộc kháng chiến chống quân Pháp (Nửa sau TK XIX)</td><td> - Ngày 1/9/1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam. Quân dân Đà Nẵng chống trả quyết liệt - Bị thất bại ở Đà Nẵng, năm 1859, Pháp chuyển hướng tấn công Gia Định, sau đó chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Triều đình Huế kháng cự không hiệu quả </td></tr> </tbody> </table>	Tên cuộc kháng chiến	Nội dung chính	Cuộc kháng chiến chống quân Triệu (Thế kỉ II TCN)	- Năm 207 TCN, Triệu Đà lập nước Nam Việt ở Trung Quốc, tiến hành chiến tranh mở rộng lãnh thổ - Với Âu Lạc, Triệu Đà dùng kế li gián, gây mâu thuẫn nội bộ. - Năm 179 TCN, Triệu Đà sai quân đánh Âu Lạc, An Dương Vương thất bại.	Cuộc kháng chiến chống quân Minh (Đầu thế kỉ XV)	- 1406, với chiêu bài “Phù Trần diệt Hồ”, nhà Minh đem quân xâm lược nước ta. Nhà Hồ rút quân từ biên giới về cố thủ thành Đa Bang (Hà Nội) - Quân Minh chiếm Đa Bang rồi tiến đánh Đông Đô (Hà Nội). Nhà Hồ rút về Tây Đô (Thanh Hóa) - Tháng 5/1407, Quân Minh đánh Tây Đô, nhà Hồ rút về Nghệ An - Tháng 6/1407, Hồ Quý Ly bị bắt, cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại.	Cuộc kháng chiến chống quân Pháp (Nửa sau TK XIX)	- Ngày 1/9/1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam. Quân dân Đà Nẵng chống trả quyết liệt - Bị thất bại ở Đà Nẵng, năm 1859, Pháp chuyển hướng tấn công Gia Định, sau đó chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Triều đình Huế kháng cự không hiệu quả
Tên cuộc kháng chiến	Nội dung chính								
Cuộc kháng chiến chống quân Triệu (Thế kỉ II TCN)	- Năm 207 TCN, Triệu Đà lập nước Nam Việt ở Trung Quốc, tiến hành chiến tranh mở rộng lãnh thổ - Với Âu Lạc, Triệu Đà dùng kế li gián, gây mâu thuẫn nội bộ. - Năm 179 TCN, Triệu Đà sai quân đánh Âu Lạc, An Dương Vương thất bại.								
Cuộc kháng chiến chống quân Minh (Đầu thế kỉ XV)	- 1406, với chiêu bài “Phù Trần diệt Hồ”, nhà Minh đem quân xâm lược nước ta. Nhà Hồ rút quân từ biên giới về cố thủ thành Đa Bang (Hà Nội) - Quân Minh chiếm Đa Bang rồi tiến đánh Đông Đô (Hà Nội). Nhà Hồ rút về Tây Đô (Thanh Hóa) - Tháng 5/1407, Quân Minh đánh Tây Đô, nhà Hồ rút về Nghệ An - Tháng 6/1407, Hồ Quý Ly bị bắt, cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại.								
Cuộc kháng chiến chống quân Pháp (Nửa sau TK XIX)	- Ngày 1/9/1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam. Quân dân Đà Nẵng chống trả quyết liệt - Bị thất bại ở Đà Nẵng, năm 1859, Pháp chuyển hướng tấn công Gia Định, sau đó chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Triều đình Huế kháng cự không hiệu quả								

4. Sự kiện nào mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ nhất của thực dân Pháp?

Ngày 1/9/1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng

5. Năm 1859, sau khi thất bại ở Đà Nẵng, Pháp chuyển hướng tấn công vào đâu?

Gia Định, sau đó chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kỳ

6. Sau khi chiếm được các tỉnh miền Đông Nam Kỳ, năm 1867, Pháp mở rộng đánh chiếm vùng nào của Việt Nam?

Các tỉnh miền Tây Nam Kỳ

7. Sau khi chiếm được các tỉnh Nam Kỳ, Pháp đã mấy lần đem quân đi đánh chiếm Bắc Kỳ? Vào thời điểm nào?

Hai lần đem quân đánh chiếm Bắc Kỳ. Lần một năm 1873; lần hai từ 1882 – 1883.

8. Sự kiện nào đánh dấu Pháp đã hoàn thành quá trình xâm lược Việt Nam?

Triều đình Nguyễn kí với Pháp Hiệp ước Hác – măng (1883) và Pa – tơ – nốt (1884)

- **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS đọc thông tin mục 3, SGK tr.50 - 51, làm việc cặp đôi/ cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ GV mời HS/ đại diện cặp đôi trình bày trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức thông qua bảng thống kê về một số cuộc kháng chiến không thành công của Việt Nam, yêu cầu HS hoàn thành bảng thống kê vào vở ghi

* **Nhiệm vụ 3: Hoạt động theo bàn**

- **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS làm việc theo bàn, đọc SGK tr.52, thực hiện nhiệm vụ:

1. Hãy giải thích nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử Việt Nam và lấy ví dụ cụ thể.

2. Từ nguyên nhân đó, em có thể rút ra được những bài học gì trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS đọc thông tin mục 3, SGK tr.52, làm việc theo bàn, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ GV mời đại diện 2- 3 bàn trình bày trước lớp

+ GV mời đại diện bàn khác nhận xét, bổ sung.

- Năm 1867, Pháp đánh chiếm các tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Triều đình Huế bắt lực

- Năm 1873, Pháp tấn công Bắc Kỳ lần một. Chiến thắng Cầu Giấy lần một

- Năm 1882 – 1883, Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần hai. Chiến thắng Cầu Giấy lần hai

- Năm 1883, Pháp tấn công cửa biển Thuận An. Nhà Nguyễn kí hiệp ước Hác – măng (1883), sau đó là Hiệp ước Pa – tơ – nốt (1884) đầu hàng hoàn toàn TD Pháp. Cuộc kháng chiến thất bại.

b. Nguyên nhân không thành công

Tên cuộc kháng chiến	Nguyên nhân không thành công
Cuộc kháng chiến chống quân Triệu	Triều đình Âu Lạc mất cảnh giác, không có sự phòng bị
Cuộc kháng chiến chống quân Minh	- Nhà Hồ không có đường lối kháng chiến đúng đắn, chủ yếu dựa vào thành lũy, nặng về phòng ngự, rút lui cố thủ - Một số chính sách của Hồ Quý Ly khiến quân dân mất đoàn kết, suy giảm ý chí chiến đấu
Cuộc kháng chiến chống quân Pháp	- Nhà Nguyễn không có đường lối kháng chiến đúng đắn, thiếu quyết đoán, thiên về chủ hòa, không đoàn kết, sát cánh với nhân dân - Sự chênh lệch vũ khí, kĩ thuật tác chiến so với quân đội Pháp

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức thông qua bảng

+ GV hướng dẫn HS thông qua những ví dụ cụ thể để làm sáng tỏ nguyên nhân dẫn đến không thành công của một số cuộc kháng chiến

- Cuộc kháng chiến chống quân Triệu: An Dương Vương nhờ có nỏ thần Liên Châu và thành Cổ Loa kiên cố nên sinh ra chủ quan, cao ngạo, không phòng bị trước âm mưu của Triệu Đà (cho Trọng Thủy làm con rể, tìm hiểu và đánh tráo nỏ thần); không nghe lời khuyên bảo, can ngăn của các tướng giỏi như Cao Lỗ, Nôi Hâu... làm cho nội bộ bất hòa.

- Cuộc kháng chiến chống Pháp cuối XIX: Nhà Nguyễn không có đường lối kháng chiến đúng đắn mà lại mắc nhiều sai lầm như phòng ngự, bị động và dần dần xuất hiện tư tưởng cầu hòa, đầu hàng thực dân Pháp. Năm 1860, khi Pháp chia sẻ lực lượng cho chiến trường Trung Quốc chỉ để lại 1.000 quân, trong khi quân triều đình có tới 10.000 – 12.000 quân nhưng lại thủ hiểm trong Đại đồn Chí Hòa. Triều Nguyễn lại bỏ qua cơ hội tiêu diệt quân Pháp. Năm 1861 – 1862, khi Pháp đánh chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ, phong trào kháng chiến của nhân dân như Trương Định, Nguyễn Trung Trực... diễn ra sôi nổi gây cho Pháp nhiều tổn thất nhưng triều Nguyễn không đi cùng nhân dân kháng chiến chống Pháp mà lại kí với Pháp hiệp ước Nhâm Tuất (1862). Khi Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất và lần thứ hai, chiến thắng Cầu Giấy (21/12/1873 và 19/5/1883) của nhân dân làm cho quân Pháp vô cùng hoang mang. Đây là cơ hội thuận lợi để đánh đuổi quân Pháp, nhưng triều đình lại bỏ lỡ và kí Hiệp ước Giáp Tuất (1874) với Pháp, nhân nhượng Pháp làm cho Pháp ngày càng lấn tới. Nhà Nguyễn không những không cùng ND kháng chiến chống TDP mà còn phản bội lại các cuộc KCCP của ND ta....

Mặt khác, tương quan lực lượng giữa ta và địch chênh lệch: Pháp lúc bấy giờ là một nước tư bản giàu mạnh bậc nhất thế giới, trong khi Việt Nam là một nước phong kiến lạc hậu, nghèo nàn, bị tàn phá bởi chiến tranh liên miên. Nhà Nguyễn lại thi hành chính sách “bế quan tỏa cảng” khiến nước ta càng bị cô lập với thế giới bên ngoài. Kháng chiến chống Pháp là chúng ta đang chống lại một kẻ thù hơn hẳn chúng ta một phương thức sản xuất

+ Về những bài học rút ra từ những cuộc kháng chiến, GV có thể định hướng HS đến một số bài học: luôn luôn phải nêu cao tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu của kẻ thù (ngay cả trong thời bình); quan tâm

trọng dụng nhân tài, tiếp thu ý kiến của những tướng tài giỏi; luôn xây dựng tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc; không ngừng xây dựng đất nước, củng cố tiềm lực quốc phòng để có một nền quốc phòng hùng mạnh, hiện đại đủ sức đương đầu với những thế lực ngoại xâm lớn mạnh từ bên ngoài.....

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài học thông qua trò chơi ‘Đuổi hình bắt chữ’

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi trò chơi, HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Gv nêu trò chơi “ĐUỔI HÌNH BẮT CHỮ”

1



* Một thành tựu về kĩ thuật nổi bật của nước ta dưới thời Hồ?

S Ú N G T H Ā N C Ũ

10 CHỮ CÁI

2



Tên một anh hùng dân tộc

N G Ô Q U Y Ē N

8 CHỮ CÁI

3



* Tên một anh hùng dân tộc

Q U A N G T R U N G

10 CHỮ CÁI

4



* Tên một trận đánh lớn

T H Ā N G L O N G

9 CHỮ CÁI

5



* Một yếu tố góp phần làm nên chiến thắng chống ngoại xâm

Đ O Ā N K Ē T

7 CHỮ CÁI

6



* Tên một tướng giặc

Ô M Ā N H I

6 CHỮ CÁI



RẠCH GẦM

* Tên một trận đánh lớn

14 CHỮ CÁI

XOÀI MÚT

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi
- + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- + GV mời lần lượt HS trả lời câu hỏi trước lớp
- + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS trả lời tốt
- + GV chuẩn đáp án

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm tài liệu để tìm hiểu thêm về một vấn đề lịch sử

b. Nội dung: GV nêu nhiệm vụ học tập, HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ tại nhà, GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Phần tìm hiểu của HS trong vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu nhiệm vụ học tập: *Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về một anh hùng dân tộc trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc (trước năm 1945)*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm tài liệu và hoàn thành nhiệm vụ tại nhà
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời 1 – 2 HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, có thể thưởng điểm, tuyên dương những HS có bài làm tốt

* Hướng dẫn về nhà

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Chuẩn bị nội dung bài 8: *Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)*

**PHỤ LỤC 1: BẢNG THỐNG KÊ MỘT SỐ CUỘC KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI
TIÊU BIỂU**

Tên cuộc kháng chiến	Thời gian	Lãnh đạo	Nghệ thuật quân sự	Trận đánh lớn	Kết quả, ý nghĩa
KC chống Nam Hán	938	Ngô Quyền	Bố trí trận địa cọc, lợi dụng thủy triều để nhử quân địch vào bãi cọc	Bạch Đằng	Mở đầu thời kì phong kiến độc lập
KC chống Tống lần 1	981	Lê Hoàn (Tiền Lê)	Mai phục + đóng cọc trên sông Bạch Đằng	Chi Lăng, Bạch Đằng	Thắng lợi, bảo vệ vững chắc nền độc lập
KC chống Tống lần 2	1075 - 1077	Lý Thường Kiệt (nhà Lý)	Tiên phát chế nhân: chủ động tấn công sang đất Tống để chặn thế mạnh của giặc, phá bỏ hệ thống đồn trú của địch gần biên giới nước ta - Cuộc kháng chiến tiêu biểu về nghệ thuật chủ động phòng ngự, chủ động tấn công và chủ động kết thúc chiến tranh	Sông Như Nguyệt	
KC chống Mông - Nguyên	1258, 1285, 1287 - 1288	Trần Thủ Độ, Trần Hưng Đạo, nhà Trần	“Vườn không nhà trống” → thực hiện những cuộc rút lui ngoạn mục để bảo toàn lực lượng, sau đó chờ thời cơ phản công và tiến công đập tan âm mưu xâm lược của kẻ địch	Đông Bộ Đầu Chương Dương, Hàm Tử Sông Bạch Đằng	- Đánh bại kẻ thù lớn mạnh nhất thế giới - Bảo vệ vững chắc nền độc lập
KC chống Xiêm	1785	Nguyễn Huệ	Mai phục	Rạch Gầm – Xoài Mút	Thắng lợi, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, góp phần thống nhất đất nước
KC chống Thanh	1789	Quang Trung	- Hành quân thần tốc, tuyển quân dọc đường - Nghệ thuật chớp thời cơ (đánh mừng 1 Tết)	Ngọc Hồi - Đống Đa	

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

BÀI 8: MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ II TCN ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX)

(4 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau khi học xong bài, HS có thể

- Trình bày được nội dung chính và nêu được ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.
- Trình bày được bối cảnh lịch sử, diễn biến chính ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn và phong trào Tây Sơn.
- Rút ra được những bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam
- Nêu được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

2. Năng lực

- Năng lực chung

- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- Năng lực đặc thù

- + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh để trình bày nội dung chính và nêu ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc; khởi nghĩa Lam Sơn và phong trào Tây Sơn.
- + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu rút ra những bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam; nêu giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

3. Về phẩm chất

- *Trung thực*: Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.
- *Trách nhiệm*: Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức.
- *Yêu nước*: Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam, có ý chí quyết tâm xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi liên quan đến hình ảnh và tư liệu GV cung cấp để GV dẫn dắt vào bài mới.

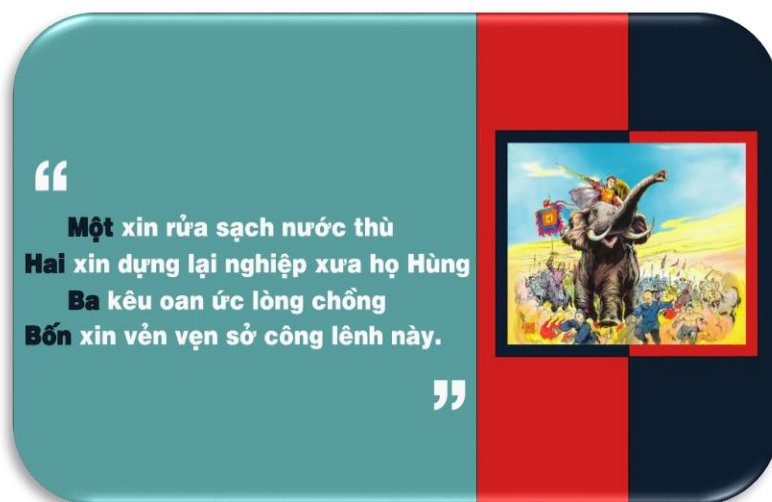
b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS quan sát hình ảnh và cung cấp thông tin, sau đó nêu câu hỏi. HS quan sát hình ảnh, dựa vào thông tin được cung cấp, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyên giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi sau: *Những câu thơ trên là lời thề của ai, mở đầu cuộc khởi nghĩa nào trong lịch sử dân tộc, từ đó nêu mục đích của cuộc khởi nghĩa đó.*



- Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS quan sát hình ảnh, thông tin, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ
- + GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp
- + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- + GV dẫn dắt vào bài mới: Những câu thơ trên được trích trong tác phẩm Thiên Nam ngữ lục, thể hiện lời thề của Hai Bà Trưng năm 40 khi nổi dậy chống lại ách đô hộ của nhà Hán. Đây được coi là cuộc khởi nghĩa lớn đầu tiên của người Việt chống lại ách đô hộ của thế lực ngoại bang. Vậy, trong lịch sử Việt Nam có những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc tiêu biểu nào? Bối cảnh lịch sử, diễn biến chính và ý nghĩa của các cuộc đấu tranh đó ra sao? Có thể rút ra những bài học lịch sử nào và bài học đó có giá trị gì đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay? Những câu hỏi đó sẽ được cô trò chúng ta cùng chia sẻ và giải đáp trong bài học hôm nay.

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

a. Mục tiêu: Trình bày được nội dung chính và nêu được ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.

b. Nội dung: GV chia lớp thành 4 nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập qua 2 nội dung: tham gia trò chơi ‘Cuộc đua kì thú’ và hoàn thành sản phẩm học tập trên giấy A0. HS làm việc theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời và sản phẩm học tập của các nhóm. HS ghi được vào vở bảng thống kê một số cuộc KN tiêu biểu thời kì Bắc thuộc

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH		DỰ KIẾN SẢN PHẨM	
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV chia cả lớp thành 4 nhóm tham gia trò chơi: “Cuộc đua kì thú”. Các nhóm thảo luận và viết câu trả lời lên bảng phụ. Thời gian cho mỗi câu trả lời: 15s. Mỗi câu trả lời đúng, các nhóm được 10 điểm Thử thách 1: Câu nói sau là của ai: “Ta chỉ muốn cưới con gió mạnh, đạp luồng song dữ, chém cá kình ngoài biển Đông, lấy lại giang sơn, dựng nền độc lập” Bà Triệu Thử thách 2: Ngôi chùa nào ở Hà Nội được xây dựng với tên gọi ban đầu là chùa Khai Quốc?” Chùa Trấn Quốc Thử thách 3: Người anh hùng nào được tôn là Bồ Cái Đại Vương, gắn liền với giai thoại đánh hổ trừ họa cho dân? Phùng Hưng Thử thách 4: Ai là người gốc Hán, nhưng lại là thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa lật đổ ách thống trị của triều đại phong kiến phương Bắc cai trị nước ta vào giữa thế kỉ I? Lý Bí (Lý Nam Đế) Thử thách 5: Ai được nhân dân gọi là Dạ Trạch Vương? (Có chiến công chống giặc ngoại xâm ở đầm Dạ Trạch – Hưng Yên) Triệu Quang Phục Thử thách 6: Đây là bản đồ của nhà nước nào được thành lập vào khoảng giữa thế kỉ I? Nhà nước Vạn Xuân Thử thách 7: Nối đúng Hãy nối tên các cuộc khởi nghĩa với tên triều đại phong kiến phương Bắc xâm lược và đô hộ. 1. Đường 2. Đông Hán 3. Ngô 4. Lương A. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng B. Khởi nghĩa Bà Triệu C. Khởi nghĩa Lý Bí D. Khởi nghĩa Phùng Hưng		1. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc (Phụ lục 1)	
+ Trên cơ sở trả lời các câu hỏi, kết hợp thông tin mục 1, SGK, tr.54 – 56, các nhóm hoàn thành sản phẩm học tập trên giấy A0, thống kê một số cuộc KN tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc theo mẫu (điểm tối đa cho sản phẩm là 100 điểm)			
Tên cuộc KN (thời gian)	Chống chính quyền cai trị	Diễn biến chính	Ý nghĩa

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin mục1, SGK tr.53 - 56, làm việc theo nhóm, trả lời câu hỏi và hoàn thành sản phẩm học tập trên giấy A0

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Đối với phần “cuộc đua kì thú”, các nhóm ghi câu trả lời ra bảng. Điểm của các nhóm sẽ được tính theo số lượng câu trả lời đúng

+ Đối với sản phẩm học tập trên giấy A0, các nhóm hoàn thành và trưng bày sản phẩm. Đại diện 1 nhóm lên trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV chuẩn đáp án và chấm điểm cho từng nhóm

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, sau đó tổng kết điểm của các nhóm qua hai nhiệm vụ

+ Nhóm nào điểm cao nhất, mỗi thành viên sẽ được cộng điểm khuyến khích (1 điểm) cho điểm đánh giá thường xuyên

TIẾT 2

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

a. Mục tiêu: Trình bày được bối cảnh lịch sử, diễn biến chính ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, nhiệm vụ học tập. HS làm việc cá nhân/ cặp đôi, khai thác tư liệu, lược đồ, video, thực hiện nhiệm vụ học tập

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở ghi bối cảnh lịch sử, diễn biến, ý nghĩa của KN Lam Sơn

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
------------------------------------	------------------

* Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS đọc SGK, mục 2.a, kết hợp với tư liệu sau, trả lời câu hỏi:

**Em có biết**

*"Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.
...
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời,
Nặng thuế khóa sạch không đầm núi.
...
Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi".*

(Theo bản dịch của Bùi Kỳ, in trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỉ X – XVII*, Đinh Gia Khánh (Chủ biên), NXB Văn học, Hà Nội, 1976, trang 363 – 369)

1. Đất nước ta đã rơi vào ách thống trị của quân Minh như thế nào?

2. Khi thống trị nước ta, nhà Minh đã thi hành những chính sách cai trị hà khắc như thế nào? Hậu quả của những chính sách đó?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin mục 2.a, SGK tr.57, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

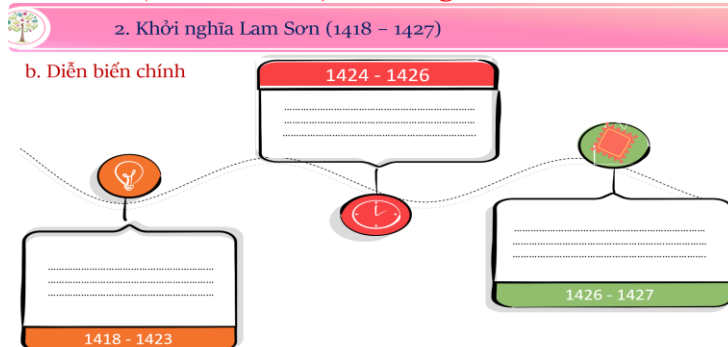
+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

* Nhiệm vụ 2: Hoạt động cặp đôi/ cá nhân

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

+ GV yêu cầu HS đọc SGK, mục 2.b, làm việc cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ sau

1. Hoàn thành vào vở ghi sơ đồ diễn biến khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) theo 3 giai đoạn



2. Trình bày lại trước lớp diễn biến chính của cuộc KN Lam Sơn trên lược đồ

+ GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc SGK mục 2.c, nêu ý nghĩa lịch sử của khởi nghĩa Lam Sơn

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

2. Khởi nghĩa Lam Sơn

a. Bối cảnh lịch sử

- Năm 1407, nhà Hồ thất bại trong cuộc kháng chiến chống quân Minh

- Năm 1414, nhà Minh hoàn thành việc đánh dẹp các lực lượng khởi nghĩa khác. Nước ta rơi vào ách đô hộ của quân Minh

- Nhà Minh thi hành chính sách cai trị hà khắc, chế độ thuế khóa nặng nề

→ lòng dân oán hận → KN Lam Sơn bùng nổ

b. Diễn biến chính

Giai đoạn	Diễn biến chính
1418 - 1423	- Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn - Quân Minh liên tục tấn công. Nghĩa quân chịu nhiều tổn thất. - Năm 1423, Lê Lợi đề nghị tạm hòa, quân Minh chấp thuận
1424 - 1426	- 1424, nghĩa quân rời Thanh Hóa, chuyển vào Nghệ An, đánh chiếm Đông Đô - Từ 1424 – 1426, nghĩa quân giải phóng Nghệ An, Thanh Hóa, làm chủ Thuận Hóa, tấn công ra Bắc
1426 - 1427	- Cuối 1426, giành thắng lợi trong trận Tốt Động – Chúc Động, đánh tan 5 vạn quân Minh

+ HS đọc thông tin mục 2.c, SGK tr.59, làm việc cặp đôi/cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV mời đại diện cặp đôi/ HS trả lời câu hỏi + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung - Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức	- Năm 1427, giành thắng lợi trong trận Chi Lăng – Xương Giang, đánh tan 15 vạn viện binh - Cuối 1427, Vương Thông chấp nhận nghị hòa, rút quân về nước
---	---

c. Ý nghĩa

- Chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục hoàn toàn nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt
- Đưa đến sự thành lập vương triều Lê sơ, mở ra thời kì phát triển mới cùng nền độc lập, tự chủ lâu dài của Đại Việt

TIẾT 3

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu phong trào Tây Sơn

a. Mục tiêu: Trình bày được bối cảnh lịch sử, diễn biến chính ý nghĩa, ý nghĩa của phong trào Tây Sơn

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, nhiệm vụ học tập. HS làm việc cá nhân/ cặp đôi/ bàn, khai thác tư liệu, lược đồ, video, thực hiện nhiệm vụ học tập

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS. HS ghi được vào vở ghi bối cảnh lịch sử, diễn biến, ý nghĩa của PT Tây Sơn

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Nhiệm vụ 1: Hoạt động cặp đôi Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc SGK mục 3.a, kết hợp tư liệu và hình ảnh GV cung cấp, trả lời câu hỏi sau: <i>Trình bày bối cảnh lịch sử dẫn đến phong trào Tây Sơn theo mẫu gợi ý sau</i> - <i>Tình hình bộ máy chính quyền phong kiến Đàng Trong và Đàng Ngoài? Dẫn chứng?</i> - <i>Đời sống nhân dân? Dẫn chứng....</i> Tư liệu 1: Chúa Nguyễn (Phúc Thuần) lên nối ngôi lúc mới 12 tuổi, chỉ “thích chơi bời, múa hát”, quyền hành tập trung hết vào tay quyền thần Trương Phúc Loan. Ông ta tự xưng là Quốc phó, chuyên quyền hơn 30 năm; là người “bán quan, buôn ngục”, rất tham lam và tàn nhẫn, giết hại nhiều người; ruộng vườn, nhà cửa, vàng bạc, châu ngọc, tôi tớ, ngựa trâu,... không biết bao nhiêu mà kể. (Theo Phan Huy Lê (Chủ biên), LS Việt Nam, Tập II, Sdd, tr. 540) Tư liệu 2: Pi – e Poa – vợ, một thương nhân kiêm giáo sĩ người Pháp, đến Đàng Trong năm 1749 nói rằng: “Việc buôn bán gặp nhiều khó khăn vì “muốn công việc được dễ dàng trôi chảy thì phải có lễ vật	3. Phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII) a. Bối cảnh lịch sử - Cuối thế kỉ XVIII, xã hội Đại Việt lâm vào khủng hoảng + Đàng Ngoài: Chính quyền Lê – Trịnh suy thoái, không chăm lo đời sống nhân dân. Mất mùa, đói kém diễn ra liên miên + Đàng Trong: Đại thần Trương Phúc Loan nắm mọi quyền hành, tham lam vô độ. Quý tộc, quan lại sống hưởng lạc, xa xỉ. Chế độ thuế khóa nặng nề, kinh tế khủng hoảng - Đời sống nhân dân đói khổ. Mâu thuẫn xã hội sâu sắc. Nhiều cuộc KN của nông dân đã nổ ra chống lại chính quyền

đút lót, hối lộ cho bọn quan lại, hào trưởng. Nếu không thì bị trộm cắp, bị gặp mọi điều trở ngại phiền phức”. (C. Mi – bon, Lịch sử An Nam hiện đại, Pa – ri, 1919, tr.163).

Tư liệu 3: Nhận xét về hệ thống thu thuế của chúa Nguyễn thế kỉ XVIII, Lê Quý Đôn viết: “...đến nay có chỗ một xã có đến 16 hay 17 tướng thân (nhân viên thu thuế) và hơn 20 xã trưởng, đều được làm việc... Ở các xã ven biển trấn Thuận Hóa, gián hoặc có xã theo nghề đánh cá thì thu thuế mắm, lấy số người hoặc lấy có lưới hay không có lưới làm chuẩn. (Lê Quý Đôn toàn tập, tập 1 – Phủ biên tạp lục, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr.148, 229)

Tư liệu 4: Chúa Trịnh Giang cho xây nhiều chùa lớn. Năm 1730, hàng vạn dân ở Hải Dương phải đi đào sông kéo gỗ và đắp đường, chở gạch đá để tu sửa hai chùa Quỳnh Lâm và Sùng Nghiêm”

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc thông tin mục 3.a, SGK tr.59, làm việc cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời 1 – 2 cặp đôi trả lời câu hỏi

+ GV mời đại diện cặp đôi khác nhận xét, bổ sung

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

*** Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân**

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

+ GV yêu cầu HS làm việc cá nhân quan sát video, kết hợp hiểu biết của bản thân, *giới thiệu những nét chính về ba anh em họ Nguyễn: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ theo các nội dung gợi ý sau:*

- *Bối cảnh sinh ra và lớn lên*

- *Nguồn gốc xuất thân*

- *Tài năng? Vì sao họ có được những tài năng đó?*

- *Đóng góp đối với lịch sử*

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS quan sát video, kết hợp hiểu biết của bản thân, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

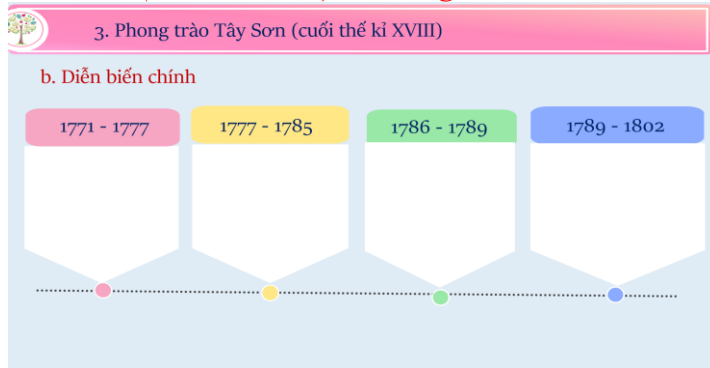
+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

*** Nhiệm vụ 3: Hoạt động theo bàn**

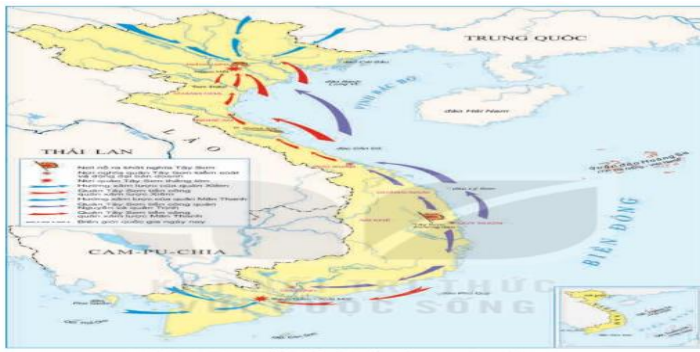
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

+ GV yêu cầu HS đọc SGK, mục 3.b, làm việc theo bàn, thực hiện nhiệm vụ sau

1. Hoàn thành vào vở ghi sơ đồ diễn biến khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) theo 4 giai đoạn



2. Trình bày lại trước lớp diễn biến chính của PT Tây Sơn trên lược đồ



Hình 6. Lược đồ diễn biến phong trào Tây Sơn

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc SGK, kết hợp lược đồ, hoàn thành diễn biến PT Tây Sơn và tập trình bày trên lược đồ

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời đại diện 1 bàn lên trình bày diễn biến trên lược đồ theo các giai đoạn.

+ GV mời đại diện bàn khác nhận xét, bổ sung

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

* Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS đọc SGK, mục 3.c, tr.60, trả lời câu hỏi: Em hãy nêu ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn?

b. Diễn biến chính

Giai đoạn	Diễn biến chính
1771 - 1777	- Năm 1771, KN Tây Sơn bùng nổ - Năm 1776, Nguyễn Nhạc xưng vương. - Năm 1777, quân Tây Sơn tiêu diệt chúa Nguyễn. Nguyễn Ánh chạy thoát
1777 - 1785	- Quân Tây Sơn kiểm soát phần lớn Đàng Trong. Nguyễn Ánh cầu viện vua Xiêm. - Năm 1784, 5 vạn quân Xiêm kéo vào xâm lược nước ta - Năm 1785, hầu hết quân Xiêm bị tiêu diệt trong trận Rạch Gầm – Xoài Mút
1786 - 1789	- Năm 1786, quân Tây Sơn hạ thành Phú Xuân rồi tiến ra Thăng Long - Năm 1788, lật đổ chính quyền Lê – Trịnh ở Đàng Ngoài. Vua Lê Chiêu Thống cầu cứu nhà Thanh - Cuối năm 1788, 29 vạn quân Thanh kéo vào xâm lược nước ta - Năm 1789, chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa (Hà Nội), tiêu diệt 29 vạn quân Thanh
1789 - 1802	- Chính quyền Quang Trung đóng đô ở Phú Xuân – Huế, kiểm soát phía Bắc Đàng Trong và toàn bộ Đàng Ngoài cũ. - Năm 1792, Quang Trung đột ngột qua đời. Quang Toản lên thay. Nội bộ triều đình nhiều mâu thuẫn. - Năm 1802, Nguyễn Ánh đánh ra Thăng Long. Vương triều Tây Sơn sụp đổ

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ + GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung - Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức	c. Ý nghĩa - Là đỉnh cao trong cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân chống ách áp bức, bóc lột ở Đại Việt thế kỉ XVIII - Lần lượt đánh đổ các chính quyền chúa Nguyễn, chúa Trịnh, vua Lê, xóa bỏ ranh giới chia cắt đất nước, đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất quốc gia - Chống quân xâm lược Xiêm và Thanh, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia
---	--

TIẾT 4

4. Hoạt động 4: Tìm hiểu một số bài học lịch sử

a. Mục tiêu:

- Rút ra được những bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam

- Nêu được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

b. Nội dung: GV chia lớp thành 3 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm hoàn thiện sản phẩm tại nhà. Các nhóm cử đại diện trình bày sản phẩm vào tiết học trên lớp.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm học tập của các nhóm. HS ghi được vào vở ghi một số bài học lịch sử và giá trị đến ngày nay.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 3 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm chuẩn bị sẵn nội dung ở nhà từ tuần trước. Sản phẩm học tập là bản thiết kế Powerpoint hoặc trên giấy A0. Cụ thể như sau: + <i>Nhóm 1: Trình bày bài học về vận động, tập hợp lực lượng (việc vận động, tập hợp lực lượng có vai trò, ý nghĩa như thế nào? Các biện pháp để vận động, tập hợp lực lượng ra sao? Được thể hiện như thế nào qua một số cuộc KN và chiến tranh giải phóng tiêu biểu trong lịch sử? Bài học đó có giá trị gì trong bối cảnh đất nước hiện nay và được Đảng ta vận dụng như thế nào?...)</i> + <i>Nhóm 2: Trình bày bài học về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc (việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc có vai trò như thế nào? Các biện pháp để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? Được thể hiện như thế nào qua một số cuộc KN và chiến tranh giải phóng tiêu biểu trong lịch sử? Bài học đó có giá trị gì trong bối cảnh đất nước hiện nay và được Đảng ta vận dụng như thế nào?...)</i> + <i>Nhóm 3: Trình bày một số nghệ thuật quân sự được rút ra từ các cuộc KN và chiến tranh giải phóng tiêu biểu trong lịch sử dân tộc. Nghệ thuật đó được sử dụng như thế nào qua một số cuộc KN và chiến tranh giải phóng tiêu biểu trong lịch sử? Nghệ thuật đó được Đảng ta vận dụng như thế nào trong công cuộc bảo vệ độc lập và chủ quyền đất nước, đặc biệt chủ quyền biển đảo giai đoạn hiện nay.</i>	4. Một số bài học lịch sử a. Một số bài học lịch sử - Vận động, tập hợp lực lượng: + Vai trò, ý nghĩa ● Đóng vai trò quyết định ● Thể hiện tính chất dân tộc và chính nghĩa của các cuộc đấu tranh giành độc lập hoặc chống áp bức bóc lột + Biện pháp: được thực hiện thông qua khẩu hiệu, lời kêu gọi, chính sách chiêu mộ nhân tài... - Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc: + Vai trò: nền tảng, then chốt + Biện pháp: chính sách đoàn kết trong nội bộ tướng lĩnh, giữa tướng lĩnh và binh lính, giữa các tầng lớp nhân dân và các dân tộc - Nghệ thuật quân sự: + Tiến hành chiến tranh nhân dân + Lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, lấy yếu chống mạnh + Kết hợp giữa hoạt động quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận b. Giá trị hiện nay - Các bài học đó vẫn còn nguyên giá trị, có vai trò đặc biệt quan trọng trong công

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tìm kiếm, chọn lọc, xử lý thông tin, sau đó phân chia nhiệm vụ cho các thành viên để hoàn thành sản phẩm

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV mời lần lượt đại diện các nhóm trình bày sản phẩm học tập trước lớp

+ Các nhóm khác lắng nghe, nêu câu hỏi thảo luận và cùng nhận xét, đánh giá sản phẩm nhóm bạn

- Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

cuộc giữ vững ổn định chính trị - xã hội, phát triển kinh tế - văn hóa, xây dựng, củng cố nền quốc phòng, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ

- Có giá trị đối với chính sách đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến đổi

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến nội dung bài học

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1: Trận quyết chiến chiến lược nào kết thúc thắng lợi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

- A Tốt Động – Chúc Động
- B Chi Lăng – Xương Giang
- C Ngọc Hòai – Đống Đa
- D Rạch Gầm – Xoài Mút



Câu 2: Tên tướng giặc nhà Thanh bại trận, phải thắt cổ tự tử ở gò Đống Đa?

- A Tôn Sĩ Nghị
- B Sầm Nghi Đống
- C Ô Mã Nhi
- D Vương An Thạch



Câu 3: Vị vua cuối cùng của nhà Hậu Lê với tội danh bán nước?

- A Lê Chiêu Thống
- B Lê Hiến Tông
- C Lê Ý Tông
- D Lê Thuần Tông



Câu 4: Vì sao Nguyễn Huệ được xem là “người anh hùng áo vải”?

- A Do xuất thân của Nguyễn Huệ là tầng lớp nông dân.
- B Do gia đình Nguyễn Huệ có truyền thống làm nghề nhuộm vải
- C Do gia đình Nguyễn Huệ trước đây rất nghèo khổ
- D Do Nguyễn Huệ rất thích mặc áo vải



Câu 5: “Mà nay áo vải cờ đào. Giúp dân dựng nước, xiết bao công trình”. Ai là người ghi lại sự nghiệp của Quang Trung trong câu thơ trên.

- A Ngọc Hân
- B Bà huyện Thanh Quan
- C Hồ Xuân Hương
- D Công chúa Ngọc Bình



- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ GV mời lần lượt HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS trả lời tốt

+ GV chuẩn đáp án

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm tài liệu để tìm hiểu thêm về một vấn đề lịch sử

b. Nội dung: GV nêu nhiệm vụ học tập, HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ tại nhà, GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Phần tìm hiểu của HS trong vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu nhiệm vụ học tập: *Theo em, việc sử dụng tên các nhân vật lịch sử trong khởi nghĩa Lam Sơn và phong trào Tây Sơn để đặt tên đường phố, tên trường học...thể hiện điều gì?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm tài liệu và hoàn thành nhiệm vụ tại nhà

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời 1 – 2 HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, có thể thưởng điểm, tuyên dương những HS có bài làm tốt

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Chuẩn bị nội dung bài thực hành

PHỤ LỤC 1: MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU TRONG THỜI KÌ BẮC THUỘC

Tên cuộc KN (thời gian)	Chống chính quyền cai trị	Diễn biến chính	Ý nghĩa
KN Hai Bà Trưng (40 – 43)	Nhà Đông Hán	- Năm 40, Hai Bà Trưng nổi dậy KN ở Mê Linh. Thái thú Tô Định phải bỏ trốn. Trưng Trắc xưng vương, đóng đô ở Mê Linh, xây dựng chính quyền tự chủ trong hai năm (40 – 42) - Năm 42, nhà Hán cử Mã Viện đưa quân sang đàn áp - Năm 43, Hai Bà Trưng hi sinh tại Hát Môn. KN tan rã	- Là cuộc đấu tranh vũ trang lớn đầu tiên, mở đầu quá trình giành độc lập, tự chủ lâu dài của người Việt thời Bắc thuộc - Thể hiện sức mạnh và ý chí quật cường của phụ nữ Việt Nam
KN Bà Triệu (248)	Nhà Ngô	- Năm 248, Triệu Quốc Đạt và em gái là Triệu Thị Trinh lãnh đạo nhân dân nổi dậy KN ở Thanh Hóa - Sau khi Triệu Quốc Đạt qua đời, Bà Triệu được tôn làm chủ tướng. KN tiếp tục lan rộng - Nhà Ngô phải huy động một lực lượng lớn mới đàn áp được	- Thể hiện tinh thần kiên cường, bất khuất của người Việt trước sự đô hộ của chính quyền phương Bắc - Tiếp tục khẳng định sức mạnh và ý chí của phụ nữ Việt Nam

KN Lý Bí (542 – 602)	Nhà Lương	- Bất mãn với chính sách cai trị hà khắc của nhà Lương, năm 542, Lý Bí lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa - Năm 544, khởi nghĩa thắng lợi, Lý Bí lên ngôi vua, đặt tên nước là Vạn Xuân, dựng kinh đô ở cửa sông Tô Lịch (Hà Nội) - Năm 545, nhà Lương cho quân sang xâm lược. Lý Nam Đế hi sinh. Triệu Quang Phục nắm quyền chỉ huy kháng chiến dũng cảm, sáng tạo, giành nhiều thắng lợi - Năm 550, Triệu Quang Phục lên làm vua nước Vạn Xuân - Năm 602, nhà Tùy đem quân xâm lược. Nhà nước Vạn Xuân chấm dứt	- Khẳng định ý chí và sức mạnh của người Việt trong cuộc đấu tranh chống lại ách đô hộ của phương Bắc - Cho thấy khả năng thắng lợi trong công cuộc khởi nghĩa giành độc lập, tự chủ - Để lại những bài học quan trọng về chính trị, quân sự
KN Phùng Hưng (cuối thế kỉ VIII)	Nhà Đường	- Những năm 766 – 780, Phùng Hưng tập hợp dân chúng nổi dậy KN, đánh chiếm phủ Tống Bình (Hà Nội), quản lý đất nước trong một thời gian - Năm 791, Phùng Hưng mất. Nhà Đường đem quân sang đàn áp. KN thất bại	- Thể hiện ý chí, quyết tâm giành độc lập, tự chủ của người Việt - Cổ vũ tinh thần và góp phần tạo cơ sở cho thắng lợi hoàn toàn trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự chủ đầu thế kỉ X

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 4: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VN TRƯỚC T81945 (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống hóa những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 4 – Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (Trước cách mạng tháng 8 năm 1945)
Vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- **Năng lực đặc thù:** năng lực tìm hiểu lịch sử; năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập, lập bảng thống kê, trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung bài học; tự đánh giá chéo phần trả lời câu hỏi bài tập của bản thân/bạn bè

3. Về phẩm chất

- *Trung thực:* Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.

- *Trách nhiệm:* Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint

- Phiếu học tập

- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Lập bảng thể hiện một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

Tổ chức thực hiện:

- Nhiệm vụ: lập bảng thể hiện một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 theo mẫu:

Tên cuộc kháng chiến	Thời gian	Người lãnh đạo	Thắng lợi tiêu biểu	Kết quả	Ý nghĩa
?	?	?	?	?	?

- Các thành viên trong nhóm thảo luận phân công và thực hiện nhiệm vụ.

+ Mỗi cá nhân trao đổi về nhiệm vụ của nhóm.

+ Hình thành nội dung báo cáo của nhóm.

- Trình bày sản phẩm của nhóm trước lớp.

- Nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm mình và nhóm khác.

2.2. Lập bảng thể hiện một số cuộc kháng chiến không thành công trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

Tổ chức thực hiện:

- Nhiệm vụ: lập bảng thể hiện một số cuộc kháng chiến không thành công trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 theo mẫu:

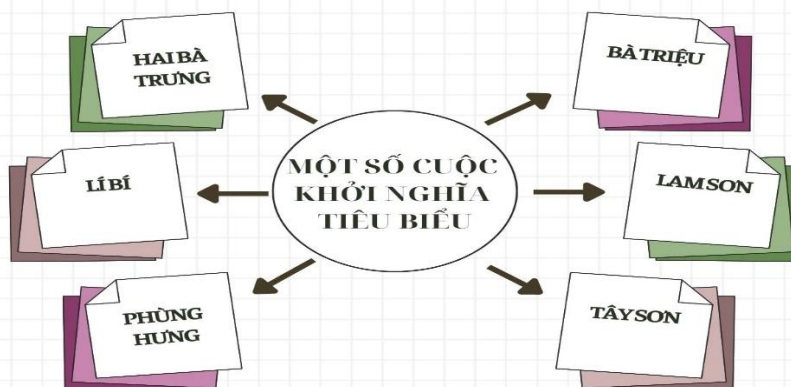
Tên cuộc kháng chiến	Thời gian	Người lãnh đạo	Kết quả	Nguyên nhân không thành công
?	?	?	?	?

- Các thành viên trong nhóm thảo luận phân công và thực hiện nhiệm vụ.
- + Mỗi cá nhân trao đổi về nhiệm vụ của nhóm.
- + Hình thành nội dung báo cáo của nhóm.
 - Trình bày sản phẩm của nhóm trước lớp.
 - Nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm mình và nhóm khác.

2.3. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)

Tổ chức thực hiện:

- GV cho cả lớp hoạt động nhóm, vẽ một sơ đồ tư duy, thể hiện một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX).
- HS có thể tham khảo một số loại sơ đồ tư duy trên mạng internet hoặc tự sáng tạo.
- HS trưng bày sơ đồ tư duy trên bảng, quanh lớp học theo kĩ thuật phòng tranh.
- GV nhận xét và cho HS chấm điểm chéo cho nhau.





2.4. Tổ chức dự án tìm hiểu về một số trận chiến tiêu biểu trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

Tổ chức thực hiện:

- GV có thể sử dụng phương pháp dạy học dự án để HS tìm hiểu về một trận đánh tiêu biểu trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Tên dự án: “Một số trận chiến tiêu biểu trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945”.
- Các tiêu dự án:
 - + Tiêu dự án 1: Trận chiến trên sông Như Nguyệt năm 1077.
 - + Tiêu dự án 2: Trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 1288.
 - + Tiêu dự án 3: Trận Chi Lăng – Xương Giang năm 1427.
 - + Tiêu dự án 4: Trận Ngọc Hồi – Đống Đa năm 1789.
- HS thực hiện thảo luận nhóm, GV theo dõi, giải đáp thắc mắc.
- Đại diện HS nhóm báo cáo, trình bày sản phẩm.
- HS nhóm khác nhận xét và đánh giá kết quả hoạt động của bạn.
- GV mở rộng: trong lịch sử Việt Nam, có nhiều thắng lợi quân sự lớn. Dự án chỉ đề cập đến 4 trận chiến là những thắng lợi tiêu biểu. Những trận chiến đó đều thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam, đều có những tướng lĩnh tài ba, đều có nghệ thuật quân sự độc đáo, đều để lại những bài học kinh nghiệm có giá trị,...

2.5. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về anh hùng dân tộc trong sự nghiệp chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức HS làm việc cá nhân. Mỗi cá nhân chọn một anh hùng dân tộc trong sự nghiệp chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Ví dụ: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ – Quang Trung,...
- HS sưu tầm tư liệu và viết báo cáo, GV theo dõi, giải đáp thắc mắc.
- HS đóng vai là hướng dẫn viên, giới thiệu về anh hùng dân tộc (tự chọn) tại một di tích lịch sử liên quan đến anh hùng dân tộc đó (Ví dụ: tại đền thờ Hai Bà Trưng,...)
- Đại diện HS báo cáo, trình bày sản phẩm trên lớp.
- HS nhóm nhận xét và đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

CHƯƠNG 5: MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858) (6 TIẾT)

BÀI 9: CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau khi học xong bài, HS có thể

- Nêu được bối cảnh dẫn đến sự thành lập nhà Hồ và cuộc cải cách của Hồ Quý Ly.
- Phân tích được nội dung cải cách của Hồ Quý Ly.
- Đánh giá được kết quả, ý nghĩa của cải cách Hồ Quý Ly.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**

+ *Giải quyết vấn đề:* thông qua việc ứng dụng một số phương pháp cơ bản của Sử học vào giải quyết các bài tập cụ thể trong quá trình học tập.

+ *Giao tiếp và hợp tác:* thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm học tập; giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua sơ đồ tư duy.

- **Năng lực đặc thù:**

+ *Tìm hiểu lịch sử:* Thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tư liệu để nêu hoàn cảnh đất nước trước khi nhà Hồ thành lập. Phân tích được nội dung cải cách của HQL. Đánh giá được kết quả, ý nghĩa của cải cách Hồ Quý Ly và triều Hồ.

+ *Nhận thức và tư duy lịch sử:* Thông qua khai thác thông tin tư liệu, quan sát hình ảnh để nêu được sự hiểu biết về nhân vật Hồ Quý Ly. Rút ra được bài học kinh nghiệm từ cuộc cải cách của HQL.

3. Phẩm chất

- Giáo dục phẩm chất chăm chỉ; tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập để giải quyết vấn đề.
- Có trách nhiệm trong học tập và trung thực khi tìm hiểu về lịch sử cần xuất phát từ bối cảnh cụ thể để có thể nhận xét, đánh giá khách quan.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint.
- Giấy A0 để tổ chức hoạt động nhóm.
- Tranh ảnh lịch sử, kiến thức được thể hiện dưới dạng sơ đồ hóa.
- Máy tính, máy chiếu.

2. Học sinh

- SGK, Sách bài tập.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ*.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu : Tạo tâm thế cho HS, giúp HS ý thức được trách nhiệm học tập, hứng thú với bài học mới.

b. Nội dung : GV tổ chức trò chơi “đuổi hình bắt chữ” cho HS.

c. Sản phẩm học tập: HS quan sát hình ảnh đoán từ khóa.

d. Tổ chức thực hiện :

Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu hình ảnh yêu cầu học sinh đoán các từ khóa mà GV đưa ra (Hồ Quý Ly, Đại Ngu, Cải cách, Thành nhà Hồ, Thông bảo hội sao).

? Em biết gì về nhân vật HQL.

? Em biết gì về thành nhà Hồ.

? Em biết gì về tiền thông bảo hội sao của nhà Hồ?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh GV chiếu để trả lời đúng các từ khóa.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- HS trả lời được các câu hỏi thêm của GV về sự hiểu biết của mình với các từ khóa đó.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt vào bài học: Năm 1396, HQL cho ban hành tiền giấy mang tên “Thông bảo hội sao” đây được coi là tiền giấy đầu tiên trong lịch sử VN. Việc ban hành loại tiền mới này nằm trong các chính sách cải cách của HQL và triều Hồ cuối TK XIV, đầu TK XV. Vậy cuộc cải cách của HQL và triều Hồ diễn ra trong bối cảnh nào? Nội dung, kết quả và ý nghĩa ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay **Bài 9: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về bối cảnh lịch sử.

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được hoàn cảnh dẫn đến sự thành lập nhà Hồ và cải cách HQL.

b. Nội dung: GV cho HS hoạt động theo nhóm bàn, yêu cầu HS đọc thông tin, kết hợp quan sát tư liệu trên máy chiếu để nêu tình hình chính trị, kinh tế, xã hội nước ta cuối TK XIV – đầu TK XV.

c. Sản phẩm học tập: HS quan sát, thảo luận cử đại diện trình bày.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu học sinh đọc thông tin trong sách giáo khoa kết hợp các tư liệu trên bảng trả lời câu hỏi ? Đọc tư liệu kết hợp thông tin trong SGK – tr62,63 nêu tình hình chính trị, kinh tế, xã hội nước ta cuối TK XIV – đầu TK XV? Tư liệu 1: «Vua buông tuồng ăn chơi vô độ... Nghiện rượu, mê đàn hát, xa xỉ làm cung điện nguy nga..., lãng phí tiền của, hoang dâm chơi bời: món gì Dụ Tông cũng mắc! Cơ nghiệp nhà Trần sao khỏi suy được?». (Khâm định Việt sử thông giám cương mục) Tư liệu 2: «Tur nghiệp Quốc tử giám là Chu Văn An đã dâng sớ lên vua đòi chém 7 tên nịnh thần, nhưng Dụ Tông không nghe. Ông đã xin «treo mũ» từ quan.» Tư liệu 3: «Vào nửa sau thế kỉ XIV, có 9 lần vỡ đê, lụt lớn. Nhiều năm vừa bị hạn vừa bị lụt, có hơn 10 nạn đói lớn.» Tư liệu 4: Nguyễn Phi Khanh đỗ Thái học sinh thời Trần, đã mô tả tình cảnh dân chúng bấy giờ như sau:	1. Bối cảnh lịch sử

Ruộng lúa ngàn dặm đỏ như cháy
Đồng quê than vãn trông vào đâu?

Lưới chài quan lại còn vơ vét
Máu thịt nhân dân cạn nửa rồi...

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS hoạt động theo nhóm bàn.
- GV quan sát, hướng dẫn HS trong khi làm việc nhóm (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời bất kì nhóm nào đó đứng dậy trình bày các nội dung về chính trị, kinh tế, xã hội.
- GV mời các nhóm nhận xét bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức và kết luận.

+ **Về chính trị:** Mặc cho đời sống của nhân dân sa sút nghiêm trọng, vua, quan, quý tộc nhà Trần vẫn lao vào cuộc sống ăn chơi sa đọa. : «*Vua buông tuồng ăn chơi vô độ... Nghiện rượu, mê đàn hát, xa xỉ làm cung điện nguy nga..., lãng phí tiền của, hoang dâm chơi bời: món gì Dụ Tông cũng mắc! Cơ nghiệp nhà Trần sao khỏi suy được?*».

Quan lại, vương hầu quý tộc nhân đó thả sức ăn chơi xa hoa, bắt quân, dân xây dinh thự, chùa chiền liên miên. Trong triều nhiều kẻ tham lam, nịnh thần làm rối loạn kỉ cương phép nước, triều chính bị lũng đoạn: «*Tư nghiệp Quốc tử giám là Chu Văn An đã dâng sớ lên vua đòi chém 7 tên nịnh thần, nhưng Dụ Tông không nghe. Ông đã xin «treo mũ» từ quan.*»

Nhà Trần càng suy sụp hơn từ sau khi Trần Dụ Tông chết (1369) và Dương Nhật Lễ lên nắm quyền (1369-1370): “Trần Dụ Tông không có con trai, Nhật Lễ là con nuôi của một đại vương nhà Trần được Hoàng thái hậu đưa lên ngôi. Nhật Lễ vốn là con một kép hát họ Dương, nên khi làm vua đã rắp tâm xóa bỏ họ Trần thay bằng họ Dương, bằng cách tìm giết các quý tộc lớp trên của nhà Trần. Một số quý tộc mưu giết Nhật Lễ không thành nên 18 quan lại quý tộc, kể cả tướng quốc nhà Trần đã bị Nhật Lễ sát hại. Hằng ngày, Nhật Lễ chỉ vui chơi, hoang dâm và rượu chè.”

Nhà Trần còn bất lực trong việc đối phó với các cuộc tấn công của Cham – pa và yêu sách ngang ngược của nhà Minh, đời sống nhân dân càng cực khổ.

+ **Về kinh tế - xã hội:**

Từ nửa sau TK XIV, nhà nước không quan tâm đến sản xuất nông nghiệp, không chăm lo tu sửa, bảo vệ đê điều, các công trình thủy lợi... nên nhiều năm mất mùa, đói kém. Nhiều nông dân phải bán ruộng đất, vợ, con cho các quý tộc, địa chủ giàu có và biến thành nô tì, bị bóc lột nặng nề: «*Vào nửa sau thế kỉ XIV, có 9 lần vỡ đê, lụt lớn.*

Về chính trị:

- Khủng hoảng, suy yếu.
- Vua quan ăn chơi sa đọa, không quan tâm việc nước. Triều chính bị gian thần lũng đoạn.

- Chiêm thành liên tục đưa quân tấn công. Nhà Minh bắt cống nộp thầy thuốc, giống cây, lương thực, voi, ngựa.

Về kinh tế - xã hội:

- Hạn hán, bão, lụt, vỡ đê... Xảy ra ở nhiều địa phương trên cả nước.
- Mất mùa đói kém thường xuyên.
- Quý tộc, quan lại, địa chủ chiếm đoạt ruộng đất trên quy mô lớn.

*Nhiều năm vừa bị hạn vừa bị lụt, có hơn 10 nạn đói lớn.»
Nguyễn Phi Khanh đồ Thái học sinh thời Trần, đã mô tả
tình cảnh dân chúng bấy giờ như sau:*

*Ruộng lúa ngàn dặm đỏ như cháy
Đồng quê than vãn trông vào đâu?
Lưới chài quan lại còn vơ vét
Máu thịt nhân dân cạn nửa rồi...*

Vương hầu quý tộc, nhà chùa, địa chủ nắm trong tay rất nhiều ruộng đất. Ruộng đất công ở các làng xã bị xâm lấn, khẩu phần ruộng đất của nông dân bị thu hẹp, đời sống ngày càng bấp bênh, cực khổ. Thế nhưng triều đình vẫn bắt dân nghèo mỗi năm phải nộp ba quan tiền thuế đinh.

Bị áp bức bóc lột tàn tệ, nông dân, nô tì mâu thuẫn ngày càng sâu sắc với giai cấp thống trị. Bởi vậy họ đã vùng dậy đấu tranh mạnh mẽ. Từ giữa TK XIV, nông dân, nô tì đã nổi dậy khởi nghĩa.

+ **Cuộc khởi nghĩa của Ngô Bệ ở Hải Dương:** Đầu năm 1344, Ngô Bệ hô hào nông dân ở Yên Phụ (Hải Dương) đứng lên khởi nghĩa. Bị quân đội triều đình đàn áp, khởi nghĩa thất bại. Đến năm 1358, Ngô Bệ lại nổi dậy ở Hải Dương, đến đầu năm 1360 thì bị giết.

+ **Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Thanh, Nguyễn Kỵ ở Thanh Hóa:** Năm 1379, Nguyễn Thanh tụ tập nông dân khởi nghĩa, tự xưng là Linh đức vương, hoạt động ở vùng sông Chu (Thanh Hóa). Nguyễn Kỵ cũng xưng vương, hoạt động ở Nông Cống. Cùng năm 1379, Nguyễn Bồ nổi dậy ở Bắc Giang.

+ **Cuộc khởi nghĩa của Phạm Sư Ôn ở Quốc Oai – Hà Nội:** Đầu năm 1390, nhà sư Phạm Sư Ôn hô hào nông dân nổi dậy ở Quốc Oai. Nghĩa quân hoạt động ở vùng Sơn Tây, lực lượng hùng hậu, đã kéo quân về đánh chiếm kinh thành Thăng Long trong ba ngày. Vua Trần phải bỏ thành chạy lên Bắc Giang. Sau đó cuộc khởi nghĩa bị triều đình đàn áp.

+ **Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Nhữ Cái ở Sơn Tây:** Năm 1399, Nguyễn Nhữ Cái nổi dậy khởi nghĩa, hoạt động ở vùng Sơn Tây, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang. Đến năm 1400, cuộc khởi nghĩa bị đàn áp.

Vào cuối TK XIV, các cuộc đấu tranh của nông dân đã làm cho nhà Trần suy yếu, làng xã tiêu điều, dân đình giảm sút. Nhà Trần không còn đủ sức giữ vai trò của mình, nên sự sụp đổ là khó tránh khỏi. Giữa lúc đó, xuất hiện một nhân vật mới là Hồ Quý Ly. *Hồ Quý Ly là cháu bốn đời của Hồ Liêm (Hồ Liêm từ quê Nghệ An ra Thanh Hóa, được một viên quan đại thần họ Lê nhận làm con nuôi). Ông là người có tài năng, lại có hai người cô là phi tần của vua Trần Minh Tông và sinh hạ được ba vị vua cho nhà Trần, nhờ đó ông rất được vua Trần trọng*

→ **Khởi nghĩa của nông dân, nô tì ở nhiều vùng miền.**

- Năm 1400: HQL lên làm vua, đổi quốc hiệu là Đại Ngu → **Nhà Hồ thành lập.**

dụng. Hồ Quý Ly đã nắm giữ được chức vụ cao nhất trong triều đình. Sau vụ một số quý tộc nhà Trần mưu giết Hồ Quý Ly không thành (1399), năm 1400, ông phế truất vua Trần và lên làm vua, đổi quốc hiệu là Đại Ngu – nhà Hồ được thành lập.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về nội dung cải cách của Hồ Quý Ly

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS phân tích được nội dung cải cách của Hồ Quý Ly.

b. Nội dung: GV cho HS hoạt động theo nhóm, tìm hiểu về nội dung cải cách của HQL.

c. Sản phẩm học tập: HS thảo luận theo nhóm, trình bày vào tờ A2 dưới hình thức vẽ sơ đồ tư duy. (15p)

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận (15 phút)

Vẽ sơ đồ tư duy, trình bày vào tờ A2.

Nhóm 1: Tìm hiểu về tổ chức chính quyền, luật pháp.

Nhóm 2: Tìm hiểu về quân đội, quốc phòng.

Nhóm 3: Tìm hiểu về kinh tế, xã hội.

Nhóm 4: Tìm hiểu về văn hóa.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS hoạt động theo nhóm.

- GV quan sát, hướng dẫn HS trong khi làm việc nhóm (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- Lần lượt các nhóm trình bày nội dung mình đã tìm hiểu.

- Các nhóm khác có thể đặt câu hỏi.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

Về chính trị: HQL cải tổ hàng ngũ võ quan, thay thế dần các võ quan cao cấp do quý tộc tôn thất nhà Trần nắm giữ bằng những người không phải họ Trần nhưng có tài năng và thân cận với mình. HQL cho đổi tên một số đơn vị hành chính cấp trấn và quy định cụ thể, rõ ràng cách làm việc của bộ máy chính quyền các cấp.

Năm 1397, Hồ Quý Ly đổi trấn Thanh Hóa làm trấn Thanh Đô, trấn Quốc Oai làm trấn Quảng Oai, Lạng Sơn phủ làm Lạng Sơn trấn... và quy định “Lộ coi phủ, phủ coi châu, châu coi huyện. Phàm những việc hộ tịch, tiền thóc, kiện tụng đều gộp làm một sổ của lộ, đến cuối năm báo lên sảnh để kiểm xét. Cho dời kinh đô vào An Tôn (thành Tây Đô – thành nhà Hồ, Thanh Hóa)”.
(Khâm định Việt sử thông giám cương mục.

HQL sửa đổi chế độ thi cử, học tập: Năm 1397, Hồ Quý Ly đề nghị đặt chức học quan ở các lộ và cấp ruộng công cho các địa phương để sử dụng vào việc học.

Về quân sự: Để đề phòng giặc ngoại xâm, HQL đã thực hiện một số biện pháp nhằm tăng cường củng cố quân sự và quốc phòng.

Hồ Quý Ly cho làm lại sổ đinh để tang quân số, tích cực sản xuất vũ khí, chế tạo ra một loại súng mới là súng thần cơ và làm ra một loại thuyền chiến mới gọi là lâu thuyền. Những nơi hiểm yếu đều có bố trí phòng thủ. Cho xây dựng một số thành kiên cố như thành Tây Đô ở Vĩnh Lộc - Thanh Hóa (còn gọi là thành nhà Hồ), thành Đa Bang (Ba Vì – Hà Nội)...

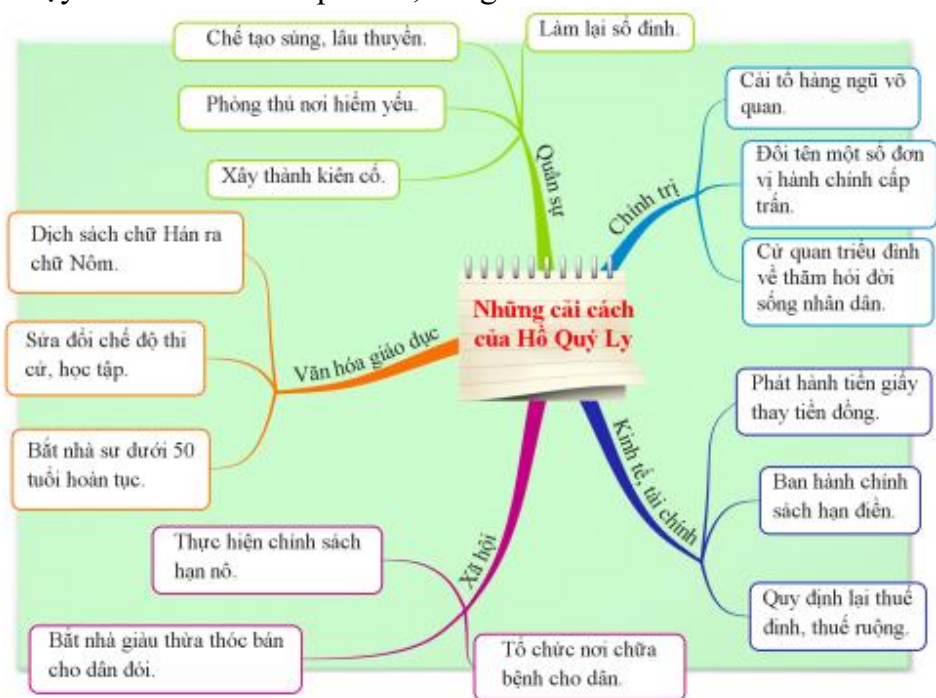
Về kinh tế xã hội: HQL cho phát hành tiền giấy thay thế tiền đồng, ban hành chính sách hạn điền, quy định lại biểu thuế đinh, thuế ruộng.

Năm 1396, Hồ Quý Ly cho ban hành tiền giấy, gọi là «thông bảo hội sao» gồm 7 loại: 10 đồng, 30 đồng, 1 tiền, 2 tiền, 3 tiền, 5 tiền, 1 quan; cấm dùng tiền bằng đồng (ai có tiền bằng đồng phải đem đổi cho nhà nước lấy tiền giấy). Năm 1397, ban hành chính sách «hạn điền», quy định Đại vương và Trưởng công chúa không bị hạn chế số ruộng đất tư, số còn lại không được sở hữu quá 10 mẫu, số ruộng thừa phải sung công. Năm 1402, nhà Hồ định lại biểu thuế, chỉ đánh vào người có ruộng; người không có ruộng, trẻ con mồ côi, đàn bà góa không phải nộp. Thuế ruộng đánh theo phép lũy tiến, có nhiều ruộng đóng nhiều, không có ruộng không phải đóng.

HQL ban hành chính sách hạn chế nô tì được nuôi của các vương hầu, quý tộc, quan lại. Năm 1401, nhà Hồ quy định chiếu theo phẩm cấp, các quan lại quý tộc chỉ được nuôi một số gia nô nhất định. Số thừa ra sung công. Mỗi gia nô thừa ra được nhà nước đền bù 5 quan tiền.

Những năm có nạn đói, nhà Hồ lệnh cho các quan địa phương đi khám xét, bắt nhà giàu thừa thóc phải bán cho dân đói và tổ chức nơi chữa bệnh cho dân.

Về văn hóa: HQL bắt các nhà sư chưa đến 50 tuổi phải hoàn tục, cho dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm để dạy cho vua Trần và phi tần, cung nữ.



3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về kết quả, ý nghĩa của cải cách Hồ Quý Ly

- Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS đánh giá được kết quả, ý nghĩa cải cách của Hồ Quý Ly.
- Nội dung:** GV yêu cầu HS rút ra được kết quả, tác dụng và hạn chế của cải cách. Ý nghĩa của cải cách HQL.
- Sản phẩm học tập:** HS suy nghĩ trả lời.
- Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: <i>?Nêu kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ?</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận	3. kết quả, ý nghĩa Kết quả: - Sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền. - Quân đội quốc phòng được củng cố. - Vai trò, sức mạnh của nhà nước được tăng cường. - Giải quyết được những bất cập về sở hữu tài sản và chế độ thuế khóa.

- GV mời bất kì HS nào đó đứng dậy nêu kết quả, ý nghĩa của cải cách HQL.

- GV mời HS khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức và kết luận.

- Nho giáo dần trở thành ý thức hệ tư tưởng chủ đạo của xã hội Đại Việt. Giáo dục khoa cử có bước phát triển.

Ý nghĩa:

- Thể hiện tinh thần dân tộc, ý thức tự cường của Hồ Quý Ly và triều Hồ cũng như tầng lớp lãnh đạo Đại Việt đương thời.

- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về việc trị nước.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Khái quát, hệ thống hóa, củng cố được kiến thức đã học về cải cách của Hồ Quý Ly.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi thông qua chọn đáp án ABCD.

c. Sản phẩm học tập: HS suy nghĩ trả lời.

d. Tổ chức thực hiện:

GV chiếu các câu hỏi lên bảng HS quan sát trả lời

Câu hỏi 1



D



Nhà Hồ thành lập trong hoàn cảnh nào?

A. Nhà Minh xâm lược nước ta.

B. Champa đem quân tấn công.

C. Nông dân và nô tì nổi dậy.

D. Nhà Trần khủng hoảng, suy yếu trầm trọng.

Câu hỏi 2



C



Tên gọi của nước ta dưới thời Hồ là gì?

A. Đại Việt.

B. Đại Nam.

C. Đại Ngu.

D. Đại Cồ Việt.

Câu hỏi 3



D



Di tích thành nhà hồ được xây dựng ở đâu ?

A. Cao Bằng.

B. Lạng Sơn.

C. Bắc giang.

D. Thanh Hóa.

Câu hỏi 4

**B**

Nhà Hồ được thành lập năm bao nhiêu?

A. Năm 1399

B. Năm 1400

C. Năm 1406

D. Năm 1407

Câu hỏi 5

**B**

Cải cách của Hồ Quý Ly có tác dụng như thế nào?

A. Không có tác dụng, đất nước vẫn khủng hoảng.

B. Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

C. Đưa đất nước phát triển mạnh mẽ.

D. Không có tác dụng, tình trạng khủng hoảng ngày càng trầm trọng.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS thể hiện được tính độc lập trong suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học để rút ra được bài học từ cuộc cải cách của HQL.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi. *Theo em những bài học nào có thể rút ra từ cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ?*

c. Sản phẩm học tập: HS suy nghĩ trả lời.

d. Tổ chức hoạt động:

GV chiếu câu hỏi lên bảng HS quan sát suy nghĩ trả lời.

Theo em những bài học nào có thể rút ra từ cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ?

Gợi ý: Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ cuộc cải cách của Hồ Quý Ly

- Muốn tồn tại và phát triển thì phải luôn có sự thay đổi để thích ứng với tình hình.

- Nội dung cải cách, đổi mới cần phù hợp với yêu cầu phát triển và điều kiện thực tiễn của đất nước.

- Tiến hành cải cách, đổi mới một cách quyết liệt, triệt để và toàn diện trong đó chú trọng đến đầu tư phát triển giáo dục, góp phần đào tạo nên những con người: yêu nước, có năng lực, bản lĩnh, tinh thần sáng tạo, ý chí quyết tâm, ham hành động,...

- Luôn chú trọng phát huy và không ngừng củng cố, nâng cao sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

Bài 10. CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV) **(2 tiết)**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Lê Thánh Tông
- Trình bày được nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách
- Đánh giá đúng tiến bộ, tác động cuộc cải cách đối với đương thời và rút ra bài học cho công cuộc cải cách hành chính của Việt Nam hiện nay

2. Năng lực

- Năng lực chung:

- +Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- +Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm
- +Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

- Năng lực đặc thù:

- +Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...) biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu trong học tập lịch sử.
- +Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Đánh giá đúng những tiến bộ, tác động cuộc cải cách đối với đương thời
- +Năng lực vận dụng kiến thức: vận dụng kiến thức đã học rút ra bài học cho công cuộc cải cách hành chính của Việt Nam hiện nay

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi và khám phá lịch sử.
- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 11, các hình ảnh, tư liệu khác viết về cuộc cải cách của Lê Thánh Tông
- Phiếu bài tập dành cho HS.
- Máy tính, máy chiếu

2. Học sinh

- SGK Lịch sử 11.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo sự hứng thú, kích thích HS muốn khám phá, tìm hiểu về các cuộc cải cách Lê Thánh Tông. Đồng thời, giúp GV giới thiệu bài học một cách lôi cuốn, hấp dẫn; HS được tiếp xúc, có điều kiện làm quen với một số từ khóa

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi ô chữ

Có 4 ô chữ, mỗi ô chữ được lật mở là 1 gợi ý đến 1 nhân vật bí ẩn. Hãy giải thích vì sao ô chữ có mối liên hệ với nhân vật

c. Sản phẩm học tập:

Ô số 1: có 5 chữ cái: Ngọn núi cao nhất trong khối núi Đại Lãnh thuộc huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên là ngọn núi nào? **ĐÁ BIA**

Ô số 2: có 4 chữ cái: Sau khi khởi nghĩa Lam Sơn thành công, vương triều phong kiến nào được thiết lập ở Việt Nam (1428)? **LÊ SƠ**

Ô số 3: có 7 chữ cái: Bộ luật đầu tiên của phong kiến Việt Nam đề cập đến một số quyền lợi của phụ nữ là bộ luật nào? **HỒNG ĐỨC**

Ô số 4: có 6 chữ cái: Các tác phẩm thi ca của hội thơ này được trình bày lần đầu trong tập thơ “**Hồng Đức Quốc âm thi tập**”. Đó là hội thơ nào? **TAO ĐÀN**

Giải thích

Ô số 1 : Núi Đá Bia: trong cuộc Nam Tiến 1470, Lê Thánh Tông cho khắc bia đá đánh dấu lãnh thổ Đại Việt và Chiêm Thành

Ô số 2: Hội thơ Tao Đàn do Lê Thánh Tông Lập

Ô số 3: Luật Hồng Đức ban hành dưới thời vua Lê Thánh Tông

Ô số 4: Lê Thánh Tông là vị vua thứ 4 và tại vị lâu nhất của nhà Lê Sơ

Tất cả ô chữ đều dẫn đến nhân vật **Lê Thánh Tông**

HS trình bày một số hiểu biết của bản thân về vua Minh Mạng, về cuộc đời và cải cách của ông.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu ô chữ cho HS quan sát

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS hoạt động cá nhân-> mở các ô chữ

- GV mở hình ảnh chân dung vua Lê Thánh Tông và lời trích dẫn của Ngô Sĩ Liên trong Đại Việt sử ký toàn thư tập II: Ông được coi là vị vua "*sáng lập chế độ, văn vật khả quan, mở mang đất đai, cõi bờ khá rộng, thực là bậc anh hùng tài lược*"

- GV dẫn dắt: Theo em vì sao vua Lê Thánh Tông lại được đánh giá cao như vậy? Chia sẻ những hiểu biết của em về những chính sách cải cách của Lê Thánh Tông, cũng như kết quả, ý nghĩa của các chính sách đó.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày một số hiểu biết của bản thân về triều đình Lê sơ, vua Lê Thánh Tông

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, học tập

- GV nhận xét, tuy nhiên không đánh giá HS trả lời đúng/sai.

- GV dẫn dắt HS vào bài học

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về Bối cảnh lịch sử

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được bối cảnh lịch sử dẫn đến cuộc cải cách của Lê Thánh Tông

b. Nội dung: GV nêu vấn đề, nêu câu hỏi. HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS. HS ghi vào vở Bối cảnh lịch sử

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ: - GV giới thiệu về nhân vật Lê Thánh Tông và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. - GV đặt câu hỏi: <i>Em hãy trình bày bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Lê Thánh Tông?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS hoàn thành câu hỏi - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày và chia sẻ những nội dung có liên quan đến bài học. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.	1. Bối cảnh lịch sử - Về chính trị: + Sau khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, triều Lê sơ bước đầu xây dựng bộ máy nhà nước mới, có kế thừa mô hình nhà nước thời Trần, Hồ. + Từ thời Lê Thái Tổ đến Lê Nhân Tông, nội bộ triều đình Lê sơ có nhiều mâu thuẫn và biến động, đặc biệt là tình trạng phe cánh trong triều và sự lộng quyền của một bộ phận công thần. - Về kinh tế xã hội: + Nền kinh tế Đại Việt sau chiến tranh đã được phục hồi. Tuy vậy, chế độ ruộng đất vẫn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập. Một bộ phận nông dân thiếu ruộng đất canh tác, nguồn thu của nhà nước bị ảnh hưởng. + Trong xã hội, nạn cường hào lộng hành và quan lại tham ô, nhũng nhiễu ngày càng nhức nhối, tình trạng coi thường pháp luật trở nên phổ biến. => Trong bối cảnh đó, sau khi lên ngôi, Lê Thánh Tông từng bước tiến hành những chính sách cải cách quan trọng, đặc biệt là đối với hệ thống hành chính từ năm 1466

2. Hoạt động 2. Tìm hiểu nội dung cải cách

a. Mục tiêu: HS biết nội dung cuộc cải cách của Lê Thánh Tông trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm, cung cấp tư liệu, lược đồ, nêu vấn đề cho HS nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi:

- Nhóm 1: Trình bày nội dung cuộc cải cách của Lê Thánh Tông trong tổ chức bộ máy chính quyền
- Nhóm 2: Trình bày nội dung cuộc cải cách của Lê Thánh Tông trong luật pháp, quân đội
- Nhóm 3: Trình bày nội dung cuộc cải cách của Lê Thánh Tông trong kinh tế, văn hóa. (báo cáo và tổng kết trong tiết 2)

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS thông qua hoạt động nhóm.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin mục 2SGK tr.68,69,70 và trả lời câu hỏi: - Nhóm 1: Trình bày nội dung cuộc cải cách của Lê Thánh Tông trong tổ chức bộ máy chính quyền - Nhóm 2: Trình bày nội dung cuộc cải cách của Lê Thánh Tông trong luật pháp, quân đội	2. Nội dung cải cách a) Chính trị * Tổ chức bộ máy chính quyền - Ở trung ương: Lê Thánh Tông tiến hành cải cách theo hướng hoàn thiện hệ thống cơ quan, tập trung quyền lực vào tay nhà vua, đồng thời tăng cường chế độ kiểm tra, giám sát và hỗ trợ lẫn nhau giữa các cơ quan. + Nhiều cơ quan, chức quan cũ bị bãi bỏ, đặc biệt là những cơ quan, chức quan có nhiều quyền lực. Vị trí và vai trò của các chức quan đại thần suy giảm so với trước.

- Nhóm 3: Trình bày nội dung cuộc cải cách của Lê Thánh Tông trong kinh tế, văn hóa. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS quan sát lược đồ, tìm hiểu thông tin, tư liệu do GV cung cấp và HS tự sưu tầm được. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày nội dung: + Tổ chức bộ máy chính quyền, luật pháp, quân đội + Kinh tế, văn hóa - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). - GV mở rộng thêm kiến thức Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức - GV chuyển sang kiến thức mới.	+ Lục bộ trở thành 6 cơ quan chức năng cao cấp chủ chốt trong bộ máy triều đình, do nhà vua trực tiếp điều hành, chịu trách nhiệm trước nhà vua. Lục bộ cũng đồng thời chịu sự giám sát của Lục khoa tương ứng. + Vua Lê Thánh Tông cho đặt thêm Lục tự, phụ trách một số nhiệm vụ cụ thể, như: Hồng lô tự phụ trách tổ chức xướng danh những người thi đỗ trong kì thi Đình; Đại lí tự phụ trách xét lại những án nặng (hình án) đã xử rồi.... + Hoàn thiện hệ thống các cơ quan chuyên môn như Thông chính ty, Quốc Tử Giám,... - Ở địa phương: Lê Thánh Tông tổ chức lại hệ thống đơn vị hành chính, đồng thời thiết lập hệ thống cơ quan, chức quan quản lí từ đạo đến phủ, huyện châu, xã. Cụ thể: + Chia cả nước từ 5 đạo trước đây thành 12 đạo thừa tuyên. Đến năm 1471 lập thêm đạo thừa tuyên thứ 13 (Quảng Nam). Hệ thống cơ quan phụ trách đạo thừa tuyên gồm: Đô ty (phụ trách quân sự), Thừa ty (phụ trách hành chính, thuế khóa), Hiến ty (phụ trách thanh tra, xét hỏi kiện tụng, tuần hành). + Bãi bỏ cấp lộ, trấn cũ; thiết lập hệ thống phủ, huyện/châu, xã cùng hệ thống chức quan đứng đầu phủ, huyện/châu, xã gồm: tri phủ, tri huyện tri châu, xã trưởng. - Lê Thánh Tông còn ban hành và thực hiện một số chính sách khác như: + Hạn chế quyền lực của vương hầu, quý tộc; + Quy định chế độ tuyển dụng, phẩm trật, lương bổng, khen thưởng, kỉ luật đối với quan lại cùng quy chế làm việc của các cơ quan; + Quy định thể thức công văn, giấy tờ, trang phục, lễ nghi ở triều đình; + Sử dụng khoa cử là hình thức tuyển chọn nhân sự chủ yếu cho bộ máy chính quyền các cấp; * Luật pháp: - Dưới thời Lê Thánh Tông, bộ Quốc triều hình luật (còn được gọi là Luật Hồng Đức) được hoàn chỉnh và ban hành trên cơ sở bộ luật khởi thảo từ thời vua Lê Thái Tổ. - Quốc triều hình luật thể hiện một số điểm mới và tiến bộ như: + Có sự phân biệt hình phạt đối với người phạm tội nếu tàn tật hoặc còn nhỏ; + Bảo vệ quyền lợi và địa vị của người phụ nữ; + Quy định cụ thể về tố tụng..... * Quân đội: - Từ năm 1466, hệ thống tổ chức quân đội Đại Việt được cải tổ trên quy mô lớn. Cả nước được chia thành 5 khu vực quân sự (Ngũ phủ quân). Mỗi phủ quân phụ trách từ hai đến ba địa phương lớn. - Nhà nước có nhiều ưu đãi đối với binh lính, đặc biệt là việc ban cấp ruộng đất công.
--	---

	- Kỷ luật quân đội và việc huấn luyện, tập trận, thao diễn võ nghệ hằng năm của quân đội được quy định chặt chẽ. b) Kinh tế, văn hóa * Kinh tế: - Năm 1477, Lê Thánh Tông ban hành chính sách lộc điền và chính sách quân điền. + Chính sách lộc điền ban cấp ruộng đất cho quý tộc, quan lại cao cấp từ nhất phẩm đến tứ phẩm theo quy chế thống nhất. (GV giải thích “lộc điền”) + Chính sách quân điền phân chia ruộng đất công cho các hạng từ quan lại, binh lính, đến định đến người tàn tật, phụ nữ góa, trẻ mồ côi,... (GV giải thích “quân điền”) - Nhà nước cũng thực hiện chính sách khuyến khích khai khẩn đồn điền, mở rộng diện tích canh tác trên cả nước. * Văn hoá: - Đề cao Nho giáo, đưa Nho giáo trở thành hệ tư tưởng độc tôn, chính thống của triều đình và toàn xã hội. - Giáo dục - khoa cử được chú trọng và có nhiều đổi mới. + Quốc Tử Giám được trùng tu, mở rộng trên quy mô lớn. Trường học công được mở rộng đến cấp phủ, huyện. + Chế độ khoa cử được quy định chặt chẽ với 3 kì thi Hương, thi Hội, thi Đình định kì. + Những người thi đỗ tiến sĩ được tôn vinh bằng những nghi thức như lễ xướng danh, vinh quy bái tổ, khắc tên trên văn bia tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám.
--	--

Phụ lục – Giải thích một số thuật ngữ

*** Lục bộ:**

Lại Bộ: Trông coi việc tuyển bổ, thăng thưởng và thăng quan tước;

Lễ Bộ: Trông coi việc đặt và tiến hành các nghi lễ, tiệc yến, học hành thi cử, đúc ấn tín, cắt giữ người coi giữ đình, chùa, miếu mạo;

Hộ Bộ: Trông coi công việc ruộng đất, tài chính, hộ khẩu, tô thuế kho tàng, thóc tiền và lương, bổng của quan, binh;

Binh Bộ: Trông coi việc binh chính, đặt quan trấn thủ nơi biên cảnh, tổ chức việc giữ gìn các nơi hiểm yếu và ứng phó các việc khẩn cấp;

Hình Bộ: Trông coi việc thi hành luật, lệnh, hành pháp, xét lại các việc tù, đày, kiện cáo;

Công bộ: Trông coi việc xây dựng, sửa chữa cầu đường, cung điện thành trì và quản đốc thợ thuyền.

*** Lục tự :**

Đại lý tự: cơ quan phụ trách hình án. Xét xong án chuyển sang Bộ Hình để tâu lên vua quyết định

Thái thường tự: cơ quan phụ trách lễ nghi, âm nhạc cung đình

Quang lộc tự: phụ trách hậu cần đồ lễ trong các buổi lễ của triều đình

Thái bộc tự: cơ quan phụ trách xe ngựa của vua và coi sóc ngựa của hoàng tộc

Hồng lô tự: Tổ chức việc xướng danh những người đỗ trong kỳ thi đình; lo an táng đại thần qua đời và tiếp đón sứ đoàn

Thượng bảo tự: Cơ quan coi việc đóng ấn vào quyển thi của các thí sinh thi Hội

* Lục khoa : Cơ quan giám sát Lục bộ bao gồm: Lại khoa, Lễ khoa, Hộ khoa, Binh khoa, Hình khoa, Công khoa. Đứng đầu các khoa là Đô cấp sự trung và Cấp sự trung. Giúp việc cho Lục bộ là *Lục tự*.

* *Thông Chính ty:* cơ quan phụ trách chuyên đặt giấy tờ của triều đình xuống và nhận đơn từ của nhân dân tâu lên vua. Đứng đầu là Thông chính sứ, trật Tòng tứ phẩm.

* *Quốc Tử Giám*: cơ quan giáo dục cao nhất trong cả nước. Đây là trường đại học của triều đình có nhiệm vụ đào tạo nhân tài cho quốc gia. Đứng đầu là Tế tửu, trật chánh tứ phẩm.

3.Hoạt động 3.Tìm hiểu về kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Lê Thánh Tông

a. **Mục tiêu:** HS trình bày được kết quả, và phân tích ý nghĩa cuộc cải cách của Lê Thánh Tông; rút ra bài học từ cuộc cải cách của Lê Thánh Tông có thể vận dụng trong công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay.

b. **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời câu hỏi:

- Em hãy trình bày kết quả cuộc cải cách của Lê Thánh Tông?
- Em hãy trình bày ý nghĩa cuộc cải cách của Lê Thánh Tông?

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, và trả lời câu hỏi: - Em hãy trình bày kết quả cuộc cải cách của Lê Thánh Tông? - Em hãy trình bày ý nghĩa cuộc cải cách của Lê Thánh Tông? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS quan sát hình ảnh, tìm hiểu thông tin. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày nội dung: + Kết quả cuộc cải cách của Lê Thánh Tông. + Ý nghĩa cuộc cải cách của Lê Thánh Tông. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức	3. Kết quả, ý nghĩa - Kết quả: + Đưa tới sự xác lập của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền mang tính quan liêu theo đường lối pháp trị. Bộ máy nhà nước thời Lê sơ trở nên hoàn chỉnh, chặt chẽ. + Đời sống kinh tế, xã hội, văn hoá của Đại Việt cũng có những biến đổi lớn, trong đó nổi bật là sự phát triển của nền kinh tế tiểu nông và sự thống trị của tư tưởng Nho giáo. - Ý nghĩa: + Thể hiện rõ tinh thần dân tộc của vương triều Lê sơ, đưa nhà nước Lê sơ đạt đến giai đoạn phát triển đỉnh cao. + Đặt cơ sở cho hệ thống hành chính của Đại Việt nhiều thế kỉ sau đó.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi:

Câu 1: Một trong những nội dung nào dưới đây thể hiện bối cảnh đất nước khi Lê Thánh tông lên ngôi hoàng đế?

- A. Bộ máy hành chính nhà nước chưa được củng cố.
- B. Sau khi vua Lê Thái Tổ qua đời, các vua kế vị thường ít tuổi.
- C. Nguy cơ diễn ra các mâu thuẫn nội bộ.
- D. Đất nước đang gặp nhiều khó khăn do hậu quả chiến tranh để lại.

Câu 2: Nội dung nào dưới đây không thuộc nội dung cải cách hành chính của Lê Thánh Tông ở trung ương?

- A. Đứng đầu là vua, nắm mọi quyền hành.
- B. Giúp vua có các quan đại thần như thái sư, thái phó, thái bảo,
- C. Nhà nước đặt ra lục bộ, đứng đầu mỗi bộ là thượng thư.
- D. Chia cả nước làm 13 đạo thừa tuyên.

Câu 3: Vua Lê Thánh Tông cho biên soạn và ban hành bộ luật mới mang tên là gì?

- A. Hình luật.
- B. Hình thư.
- C. Luật Gia Long.
- D. Luật Hồng Đức.

Câu 4: “Một thước núi, một tấc sông của ta lẽ nào lại vứt bỏ...Kẻ nào dám đem một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di” (Đại Việt sử ký toàn thư). Lời căn dặn trên của vua Lê Thánh Tông phản ánh điều gì?

- A. Ý thức về việc bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc.
- B. Sách lược ngoại giao của nhà Lê với Trung Hoa.
- C. Chính sách đoàn kết để bảo vệ chủ quyền dân tộc.
- D. Chính sách Nam tiến của nhà Lê.

Câu 5: Điểm khác biệt cơ bản giữa tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê sơ so với thời Lý – Trần là gì?

- A. Bộ máy nhà nước được hoàn chỉnh và tính tập quyền cao độ.
- B. Quyền lực của nhà vua bị hạn chế bởi tể tướng và đại hành khiển.
- C. Xuất hiện thêm 6 bộ tồn tại song song với tể tướng và đại hành khiển.
- D. Nhà nước được xây dựng trên cơ sở pháp luật.

c. Sản phẩm học tập:

d. tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS dựa vào kiến thức đã học, đưa ra câu trả lời.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện HS đưa ra đáp án.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức

Câu 1: B

Câu 2: D

Câu 3: D

Câu 4: A

Câu 5: A

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi:

- Những kinh nghiệm hoặc bài học nào từ cuộc cải cách của Lê Thánh Tông có thể vận dụng trong công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay?

c. Sản phẩm học tập: Quan điểm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi:
- *Những kinh nghiệm hoặc bài học nào từ cuộc cải cách của Lê Thánh Tông có thể vận dụng trong công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS dựa vào kiến thức đã học, đưa ra câu trả lời.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện HS đưa ra đáp án.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức
- Từ cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có thể vận dụng, kế thừa trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay:
- Các giá trị chính trị - pháp lý của Luật Hồng Đức phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của chế độ đất nước hiện tại như: chủ quyền thuộc về nhân dân; tôn trọng tính tối cao của luật; nêu cao tinh thần đoàn kết dân tộc...
 - Kế thừa việc phá bỏ, khắc phục những điều tiêu cực, lệch lạc trong đường lối lãnh đạo.
 - Tôn trọng tính khách quan của lịch sử.
 - Kế thừa, tiếp thu luôn đi đôi với phát huy, nâng lên một tầm cao mới các giá trị của truyền thống pháp lý, góp phần bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc.

*** Hướng dẫn về nhà**

- HS đọc trước bài 11

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

BÀI 11: CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau khi học xong bài, HS có khả năng:

- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của vua Minh Mạng.
- Có ý thức trân trọng giá trị của các cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc.
- Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản).

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- **Năng lực đặc thù**

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được những thông tin cơ bản của một số tư liệu lịch sử trong bài học,...Khai thác được lược đồ để xác định được các đơn vị hành chính cấp tỉnh thời Nguyễn.

+ Năng lực nhận thức lịch sử: Trình bày được kết quả và ý nghĩa của cải cách Minh Mạng

+ Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: Liên hệ được một số nội dung cải cách của vua Minh Mạng có thể kế thừa trong đời sống hiện nay.

3. Về phẩm chất

- Giáo dục phẩm chất chăm chỉ; tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập để giải quyết vấn đề.

- Có tinh thần yêu nước, quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa dân tộc, có ý thức trân trọng giá trị của các cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

- Giấy A0 để tổ chức hoạt động nhóm.

- Tranh ảnh, sơ đồ hóa kiến thức

- Máy tính, máy chiếu

2. Học sinh

- SGK, sách bài tập

- Chuẩn bị các nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho HS, giúp HS nhận thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài mới.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS xem một số hình ảnh về lăng Minh Mạng, về Đại Nam nhất thống trí toàn đồ- bản đồ nước Đại Nam thời Minh Mạng, tiền đồng thời Minh Mạng...

? Những hình ảnh trên giúp em liên tưởng đến vị vua nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài: *Minh Mạng là con thứ tư của vua Gia Long, là vị vua thứ hai của triều Nguyễn. Ông được xem là một vị vua năng động, quyết đoán. Trong thời gian trị vì (1820- 1841) ông đã thực hiện một số cải cách nhằm tăng cường tính thống nhất và tiềm lực của đất nước. Vậy cuộc cải cách của vua Minh Mạng diễn ra trong bối cảnh nào? Nội dung chủ yếu của cuộc cải cách là gì? Những cải cách đó đạt được kết quả và ý nghĩa như thế nào? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời các câu hỏi đó- Bài 11; Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)*

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1 Hoạt động 1. Bối cảnh lịch sử

a. Mục tiêu: trình bày được bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Minh Mạng.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, nêu câu hỏi. HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ học tập -GV yêu cầu HS đọc tư liệu SGK và trả lời câu hỏi: ?Phạm vi lãnh thổ của nước ta dưới thời kì nhà Nguyễn? ?Với lãnh thổ rộng lớn như vậy thì nhà Nguyễn gặp khó khăn gì về bộ máy chính quyền, an ninh xã hội? ?Vấn đề cấp bách cần được giải quyết thời điểm bấy giờ là gì? -Hình thức: HS hoạt động nhóm đôi, thời gian 3 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc tư liệu SGK, hoạt động nhóm và thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện - Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. - Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét phân hoạt động và sản phẩm của các nhóm. - GV chính xác hoá đáp án và chốt kiến thức cơ bản.	1.Bối cảnh lịch sử - Nhà Nguyễn thành lập, lãnh thổ rộng lớn, kéo dài từ ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau. - Dưới thời Gia Long và những năm đầu Minh Mạng, bộ máy chính quyền thiếu sự thống nhất, đồng bộ và tập trung. - Quyền lực của nhà vua bị hạn chế, không kiểm soát được chặt chẽ các trấn. - An ninh-xã hội ở các địa phương có nhiều bất ổn. ==> Xây dựng một hệ thống chính quyền quy củ và hiệu quả hơn. ==>Minh Mạng đã tiến hành cải cách.

2.Hoạt động 2. Tìm hiểu nội dung cải cách của Minh Mạng.

- a. Mục tiêu:** Trình bày được nội dung cải cách bộ máy chính quyền của cuộc cải cách Minh Mạng
- b. Nội dung:** GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ học tập; HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SGK từ tr.73-74, thực hiện nhiệm vụ học tập, trình bày sản phẩm trên giấy A0.
- c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm trên giấy A0 của HS.
- d. Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ học tập -GV yêu cầu HS đọc tư liệu SGK và trả lời câu hỏi: *Nhiệm vụ 1 ? Trình bày những nét chính cải cách của Minh Mạng đối với bộ máy chính quyền trung ương? -GV chia cả lớp làm 4 nhóm tổ chức cho HS chơi trò chơi: Luật chơi: Các đội có thời gian 5 phút đọc tư liệu SGK để tìm và ghi nhớ các cơ quan	2. Nội dung cải cách a) Bộ máy chính quyền trung ương - Hệ thống cơ quan chủ chốt của triều đình bao gồm: + Nội các, Đô sát viện, Cơ mật viện có vai trò quan trọng đặc biệt + Lục bộ, Lục khoa, Lục tự, các cơ quan chuyên môn. ==>Bộ máy chính quyền trung ương từng bước được hoàn thiện, quyền lực tập trung vào tay vua, chế độ giám sát được chú trọng và tăng cường. Hệ thống văn bản hành chính được chuyên môn hoá và quy định

chủ chốt, cơ quan chuyên môn và vai trò của các cơ quan đó. Hết thời gian, mỗi đội cử ra 3 thành viên lên thi đấu. Nhiệm vụ của 3 thành viên là tìm những thẻ nội dung của cột A (cơ quan chủ chốt, cơ quan chuyên môn) phù hợp với nội dung của cột B (vai trò). Thời gian giành cho 4 đội là 5 phút. Tổng thời gian trò chơi 10 phút. Cột A gồm các thẻ: + Nội các + Đô sát Viện + Cơ mật viện + Lục bộ + Lục tự + Hàn lâm viện + Quốc Tử Giám + Thái y viện + Khâm thiên giám Cột B gồm các thẻ: + Thành lập trên cơ sở Văn thư phòng, có nhiệm vụ giúp vua khởi thảo văn bản hành chính, tiếp nhận và xử lý công văn, coi giữ ấn tín, lưu giữ châu bản. + Có nhiệm vụ can gián nhà vua và giám sát, vạch lỗi các cơ quan, quan lại các cấp, giám sát thi hành luật pháp và quy định của triều đình. + Có nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho nhà vua các vấn đề chiến lược quân sự, QPAN, việc bang giao và các vấn đề kinh tế, xã hội. + Là tổ chức hành pháp cao nhất của triều đình bao gồm 6 bộ: Binh, Công, Hình, Hộ, Lại, Lễ, mỗi bộ có chức năng khác nhau. + Là sáu tổ chức giúp vua các vấn đề văn hoá, giáo dục, thi cử, luật pháp, tế tự. + Soạn thảo văn bản. + Giảng dạy kinh sách, đào tạo nhân tài + Chăm sóc sức khỏe, quản lý hoạt động y tế. + Làm lịch, xem ngày giờ, báo giờ, quan sát và dự đoán các hiện tượng thiên văn, thời tiết. <table border="1"> <tr> <th>Cột A (Các cơ quan chủ chốt, các cơ quan chuyên môn)</th> <th>Cột B (Vai trò)</th> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> </tr> </table>	Cột A (Các cơ quan chủ chốt, các cơ quan chuyên môn)	Cột B (Vai trò)							chặt chẽ, việc xét xử và kiện tụng được quan tâm đặc biệt.
Cột A (Các cơ quan chủ chốt, các cơ quan chuyên môn)	Cột B (Vai trò)								

*Nhiệm vụ 2 -GV yêu cầu HS đọc tư liệu SGK kết hợp với phần Góc khám phá và trả lời câu hỏi: ?Em có nhận xét gì về những cải cách của Minh Mạng đối với bộ máy chính quyền trung ương? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập *Nhiệm vụ 1: - HS đọc tư liệu SGK và trả lời câu hỏi - HS đọc tư liệu SGK, hoạt động nhóm và tham gia trò chơi -GV làm quản trò, quan sát, hỗ trợ HS trả lời câu hỏi và tham gia trò chơi. *Nhiệm vụ 2 -HS đọc tư liệu SGK và trả lời câu hỏi -GV quan sát, hỗ trợ HS trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện *Nhiệm vụ 1 - 1-2 HS trả lời câu hỏi. Cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung. - 4 đội tham gia vào trò chơi. Sau khi trò chơi kết thúc, mỗi đội cử 1 thành viên lên kiểm tra chéo phần sản phẩm của đội bạn. *Nhiệm vụ 2 - 1-2 HS trả lời câu hỏi. Cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận *Nhiệm vụ 1 - GV nhận xét câu trả lời của HS - GV nhận xét tinh thần tham gia trò chơi của các nhóm, chính xác hoá đáp án và tổng kết phần thi. - GV chốt kiến thức cơ bản. *Nhiệm vụ 2 - GV chính xác hoá đáp án và chốt kiến thức cơ bản.	
--	--

3 Hoạt động 3: Tìm hiểu nội dung cải cách bộ máy chính quyền địa phương.

a. Mục tiêu: Trình bày được nội dung cải cách bộ máy chính quyền địa phương của cuộc cải cách Minh Mạng

b. Nội dung: GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ học tập; HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SGK tr.74, thực hiện nhiệm vụ học tập, trình bày sản phẩm trên giấy A0.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm trên giấy A0 của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập -GV chia cả lớp thành các nhóm (4 người/nhóm), tìm hiểu tư liệu SGK kết hợp với “Sơ đồ bộ máy chính quyền địa phương thời Nguyễn từ sau cải cách” và “Lược đồ đơn vị hành chính cấp tỉnh thời Nguyễn từ năm 1832” để hoàn thành nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1: Dựa vào lược đồ H.4 em hãy nêu những thay đổi về mặt hành chính của cuộc cải cách Minh Mạng. Nhiệm vụ 2: Dựa vào H.3 em hãy trình bày tổ chức bộ máy chính quyền địa phương thời Nguyễn. Nhiệm vụ 3: Đối với vùng dân tộc thiểu số, vua Minh Mạng đã có những chính sách thay đổi như thế nào? -Hình thức: Hoạt động nhóm -Thời gian: 5 phút Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc tư liệu SGK, quan sát sơ đồ, lược đồ, hoạt động nhóm và thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện - GV gọi đại diện 3 nhóm lên trình bày sản phẩm của nhóm (mỗi nhóm trình bày 1 nhiệm vụ). Đối với nhiệm vụ 1 và 2, GV yêu cầu HS lên bảng, dựa vào lược đồ và sơ đồ H3,4 để trình bày. - Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét phần hoạt động và phân trình bày của các nhóm - GV chính xác hoá đáp án và chốt kiến thức cơ bản.	b. Bộ máy chính quyền địa phương - Minh Mạng xoá bỏ Bắc Thành và Gia Định Thành và chức Tổng trấn. - Đổi các trấn thành các tỉnh, chia cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ Thừa thiên, đặt dưới sự quản lí của triều đình trung ương. -Bộ máy chính quyền địa phương được hoàn thiện. - Đối với vùng dân tộc thiểu số: đặt lưu quan, bãi bỏ chế độ thổ quan và quyền thế tập của các tù trưởng, thiết lập cấp tổng, đổi các bản, sách, động thành xã.

4 Hoạt động 4: Tìm hiểu về kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách Minh Mạng

a. Mục tiêu: Trình bày được kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách Minh Mạng

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời câu hỏi:

- Em hãy trình bày kết quả cuộc cải cách của Minh Mạng?
- Em hãy trình bày ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng?

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập -GV yêu cầu HS đọc tư liệu SGK, hoạt động nhóm đôi, sử dụng kỹ thuật think-pair-share và thực hiện nhiệm vụ học tập: ?Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện kết quả ý nghĩa của cuộc cải cách Minh Mạng -Thời gian: 8 phút Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập -HS đọc tư liệu SGK và thực hiện nhiệm vụ -GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện -“Think” HS làm việc cá nhân, lên ý tưởng độc lập trong thời gian 2 phút sau đó “Pair” chia sẻ với bạn cùng bàn (2 người/nhóm) trong thời gian 3 phút và “Share” cuối cùng là đại diện các nhóm chia sẻ về sản phẩm của mình với cả lớp trng thời gian 3 phút. Tổng thời gian: 8 phút -Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận -GV nhận xét phân hoạt động và sản phẩm của các nhóm -GV chính xác hoá đáp án và chốt kiến thức cơ bản	3. Kết quả, ý nghĩa a) Kết quả - Xây dựng chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ, quyền lực tập trung trong tay nhà vua. - Hệ thống hành chính trên cả nước được thống nhất chặt chẽ, tập trung. - Hệ thống cơ quan, chức quan các cấp được hoàn thiện, có sự giám sát, ràng buộc chặt chẽ. - Tình hình an ninh-xã hội địa phương có chuyển biến tích cực. b) Ý nghĩa - Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt hành chính, làm cho bộ máy nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn trước. - Để lại nhiều di sản và bài học kinh nghiệm hữu ích cho cải cách hành chính Việt Nam hiện nay

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, HS làm nhiệm vụ học tập trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

GV tổ chức trò chơi Plants vs Zombies

Để diệt zombies các em sẽ phải vượt qua những câu hỏi sau

Câu 1: Nội dung nào sau đây phản ánh về tình trạng bộ máy chính quyền thời Gia Long và những năm đầu thời Minh Mạng?

- A. Quyền lực nằm trong tay tầng lớp quý tộc.
- B. Nhà nước chỉ kiểm soát 4 dinh và 7 trấn từ Nghệ An đến Ninh Thuận.
- C. Quyền lực của nhà vua và triều đình bị hạn chế.
- D. Nhà vua nắm mọi quyền hành đối với các địa phương.

Câu 2: Với cuộc cải cách của Minh Mạng, hệ thống cơ quan chủ chốt của triều đình nhà Nguyễn gồm

- A. Nội các, Đô sát viện, Cơ mật viện, Lục bộ, Lục khoa, Lục tự, các cơ quan chuyên môn.
- B. Nội các, Ngự sử đài, Cơ mật viện, Lục bộ, Lục khoa, Lục tự, các cơ quan chuyên môn.
- C. Khâm thiên giám, Cơ mật viện, Lục bộ, Lục khoa, Lục tự, các cơ quan chuyên môn.
- D. Cơ mật viện, Thượng thư sảnh, Lục bộ, Lục khoa, Lục tự, các cơ quan chuyên môn.

Câu 3: Ba cơ quan chuyên môn được thành lập mới từ sau cải cách của Minh Mạng là

- A. Nội các, Hàn lâm viện, Cơ mật viện
- B. Đô sát viện, Cơ mật viện, Nội các viện
- C. Cơ mật viện, Nội các viện, Đô sát viện.
- D. Nội các, Đô sát viện, Cơ mật viện.

Câu 4: Dưới thời Minh Mạng, triều đình tăng cường kiểm soát đối với vùng dân tộc thiểu số thông qua việc

- A. bỏ lưu quan (quan lại người Kinh), thiết lập chế độ thổ quan và quyền thế tập của các tù trưởng.
- B. đặt lưu quan (quan lại người Kinh), bãi bỏ chế độ thổ quan và quyền thế tập của các tù trưởng.
- C. đặt lưu quan (quan lại người Kinh), bãi bỏ chế độ thổ quan, trao quyền thế tập cho các tù trưởng.
- D. bỏ lưu quan (quan lại người Kinh) và chế độ thổ quan, tăng cường quyền thế tập của các tù trưởng.

Câu 5: Cuộc cải cách của Minh Mạng đã đưa đến

- A. tính chất quý tộc cao độ của bộ máy nhà nước trung ương tập quyền.
- B. tính chất quân chủ chuyên chế mang tính quý tộc cao độ của triều đình.
- C. sự xác lập nền quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền cao độ mang tính quan liêu.
- D. sự xác lập nền quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền cao độ mang tính quý tộc.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	C	A	D	B	C

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc ở nhà để rút ra một nội dung từ cuộc cải cách của Minh Mạng có thể kế thừa trong xã hội hiện nay như sự liên đới, ràng buộc về mặt trách nhiệm và chế độ giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước, quan tâm chú trọng việc xét xử và giải quyết kiện tụng, phép hồi ty...

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Học bài
- HS đọc trước bài 12

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 5: MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống hóa những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 5 – Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam
- Vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**

- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- **Năng lực đặc thù:** năng lực tìm hiểu lịch sử; năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập, lập bảng thống kê, trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung bài học; tự đánh giá chéo phần trả lời câu hỏi bài tập của bản thân/bạn bè

3. Về phẩm chất

- *Trung thực:* Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.
- *Trách nhiệm:* Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Lập bảng thể hiện nội dung chính trong cuộc cải cách của Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông, Minh Mạng

Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức làm việc theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ: Lập bảng thể hiện nội dung chính trong cuộc cải cách của Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông, Minh Mạng theo mẫu:

Tên cuộc cải cách	Bối cảnh lịch sử	Nội dung chính	Kết quả	Ý nghĩa	Bài học có thể rút ra
?	?	?	?	?	?

- Các thành viên trong nhóm thảo luận phân công và thực hiện nhiệm vụ.
- HS đại diện nhóm lên trình bày trước lớp.
- HS nhóm khác nhận xét và đánh giá kết quả hoạt động của nhóm bạn.

2.2. Câu lạc bộ “Em yêu lịch sử” tổ chức thảo luận với chủ đề: “Đặc điểm, tính chất các cuộc cải cách của Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông, Minh Mạng”

Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS hoạt động theo nhóm thảo luận với chủ đề: “Đặc điểm, tính chất các cuộc cải cách của Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông, Minh Mạng”.
- Thảo luận về các chủ đề:

- + Chủ đề 1: Đặc điểm, tính chất cuộc cải cách của Hồ Quý Ly.
- + Chủ đề 2: Đặc điểm, tính chất cuộc cải cách của Lê Thánh Tông.
- + Chủ đề 3: Đặc điểm, tính chất cuộc cải cách của Minh Mạng.
 - Mỗi cá nhân đưa ra quan điểm về nhiệm vụ của nhóm, hình thành nội dung, báo cáo thảo luận của nhóm.
 - Đại diện HS ba nhóm thảo luận trước lớp.
 - GV cho đại diện HS nhóm nhận xét đánh giá theo kỹ thuật 3-2-1, nhận xét các luận điểm của nhóm bạn, khái quát lại nội dung kiến thức.

2.3. Lập hồ sơ tư liệu về các nhà cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858

Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS hoạt động theo cá nhân, lập hồ sơ tư liệu về một trong ba nhà cải cách: Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông, Minh Mạng.
- Hồ sơ tư liệu có các nội dung cơ bản như: tiểu sử, sự nghiệp chính, công lao, đóng góp,...
- Các cá nhân thực hiện nhiệm vụ, hình thành nội dung báo cáo.
- Hồ sơ tư liệu có thể có nhiều hình thức khác nhau như thẻ nhớ, tập san, đoạn phim, video, bài trình chiếu,...
- Đại diện HS trình bày trước lớp, GV cho HS khác nhận xét, đánh giá theo kỹ thuật 3-2-1, nhận xét các câu trả lời của bạn, khái quát lại nội dung kiến thức.

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

CHỦ ĐỀ 6:

LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (6 TIẾT)

BÀI 12

VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Học sinh xác định được vị trí của Biển Đông, vị trí các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ,
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- Năng lực đặc thù:

- + Tìm hiểu lịch sử : Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông.
- + Nhận thức và tư duy lịch sử : hiểu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông.

+ Vận dụng để giải quyết vấn đề thực tiễn : có khả năng tiếp cận và xử lí thông tin liên quan đến bảo vệ chủ quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

3. Về phẩm chất :

- Nhân ái : Trân trọng những thành tựu của ông cha ta.
- Trách nhiệm : Phát huy vai trò cá nhân trong công tác bảo vệ chủ quyền biển đảo của quốc gia.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy: Biên soạn theo hướng phát triển năng lực học sinh.
- Tư liệu lịch sử: các hình ảnh, lược đồ, tư liệu
- Máy tính, Ti vi (máy chiếu)

2. Học sinh :

- SGK bộ Cánh Diều
- Tranh ảnh, tài liệu sưu tầm liên quan đến bài học, dụng cụ học tập theo yêu cầu của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- Tiết 1: Vị trí, tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông
- Tiết 2: Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

TIẾT 1

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, lôi cuốn học sinh tham gia khám phá về nội dung bài học.

b. Nội dung: GV quan trình chiếu cho HS quan sát vị trí của Biển Đông trên bản đồ

c. Sản phẩm học tập: HS tìm được chủ đề bài học và nêu được hiểu biết của mình liên quan đến chủ đề.

b. Tổ chức thực hiện: (5-6p):

- GV tổ chức cho học sinh trò chơi “lật mảnh ghép” với 6 mảnh ghép. Mỗi mảnh ghép tương ứng với 1 câu hỏi có nội dung liên quan đến bài học. Học sinh trả lời đúng sẽ được lật mảnh ghép và dự đoán hình ảnh ẩn sau mảnh ghép đó.
- HS chia làm 2 đội, tham gia trò chơi. Sản phẩm là câu trả lời của HS liên quan đến chủ đề bài học.
- Kết thúc trò chơi, GV đặt câu hỏi liên quan đến hình ảnh học sinh vừa tìm được, yêu cầu HS chia sẻ hiểu biết về nội dung đó.
- Sau khi HS trả lời, GV dẫn dắt vào bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí của Biển Đông

a. Mục tiêu:

- HS xác định được vị trí của Biển đông trên lược đồ.

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ : - GV sử dụng lược đồ Biển Đông và các quốc gia Đông Nam Á hiện nay (Hình 2 SGK) + GV yêu cầu HS quan sát lược đồ, kết hợp với tư liệu SGK xác định vị trí của Biển Đông; kể tên các nước và vùng lãnh thổ tiếp giáp với Biển Đông. * Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ :	1. Vị trí của Biển Đông - Tên gọi “Biển Đông” là để chỉ vùng biển nằm ở phía Đông của Việt Nam. - Biển Đông nằm ở rìa tây Thái Bình Dương, có chiều dài khoảng 1900 hải lí (nằm trong khoảng từ 3°N đến 26°B), chiều ngang nơi rộng nhất khoảng 600 hải lí (trong khoảng từ 100°Đ đến 121°Đ). - là một trong những biển lớn của thế giới với diện tích hơn 3,447 triệu km², trải dài từ bờ biển Việt

- HS làm việc cá nhân, dựa vào tư liệu SGK để xác định được vị trí của Biển Đông. * Bước 3: Báo cáo kết quả (10p) - GV lựa chọn ngẫu nhiên 1-2 HS báo cáo kết quả. - HS khác có thể giơ tay phát biểu trình bày hoặc bổ sung kết quả HS trước đã trình bày. * Bước 4. Kết luận – nhận định - GV nhận xét phần trình bày của học sinh, chốt kiến thức cơ bản.	Nam ở phía tây đến các đảo Lu-dông, Pa-lau-oan (Philíppin) và Bô-nê-ô (Indônêxia, Malaixia, Brunây) ở phía đông và từ bờ biển Trung Quốc ở phía bắc đến các đảo của Indônêxia ở phía nam. - Biển Đông là vùng biển chung của 9 quốc gia (Việt Nam, Trung Quốc, Philíppin, Malaixia, Brunây, Indônêxia, Xingapo, Thái Lan, Campuchia) và vùng lãnh thổ Đài Loan.
---	---

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông

a. Mục tiêu :

- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển..

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, HS làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ :

- GV sử dụng phiếu học tập, chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu HS sử dụng tư liệu SGK, tìm dẫn chứng để chứng minh về tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông.

Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông	Dẫn chứng chứng minh
1. Tuyến giao thông đường biển huyết mạch	
2. Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương	
3. Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển	

Yêu cầu :

- + Nhóm 1,2 : Giải thích vì sao Biển Đông được coi là tuyến giao thông đường biển huyết mạch?
- + Nhóm 3,4 : Giải thích vì sao Biển Đông là địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương?
- + Nhóm 5,6 : Giải thích sự đa dạng về tài nguyên thiên nhiên biển của Biển Đông?

* Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ :

- HS làm việc cá nhân, thảo luận theo nhóm đã được phân công, thống nhất nội dung để hoàn thành phần tìm hiểu của nhóm mình

* Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV giành thời gian để các nhóm báo cáo nhanh sản phẩm của nhóm mình trên bảng (giấy A1). Mỗi nhóm tối đa 3 phút.

- Đại diện các nhóm khác có thể giơ tay bổ sung kết quả các nhóm trước đã trình bày hoặc đặt các câu hỏi cho nhóm

* Bước 4. Kết luận – nhận định

- GV nhận xét chung về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

- GV chốt kiến thức cơ bản bằng cách chiếu nội dung cơ bản trên màn hình TV (máy chiếu)

2. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông	Dẫn chứng chứng minh
1. Tuyến giao thông đường biển huyết mạch	- Nằm trên tuyến giao thông đường biển huyết mạch nối liền Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Á - châu Âu, châu Á - Trung Đông + Trong lịch sử, được coi là tuyến đường thiết yếu trong giao thông, giao thương, di cư.. + Hiện nay, là tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp thứ hai thế giới . - Ở Biển Đông có những eo biển giữ vai trò quan trọng đối với nhiều quốc gia và nền kinh tế trên thế giới: eo biển Ma-lắc-ca, eo biển Xun-đa, eo biển Lôm-bôc,... giúp cho đường giao thông trên biển qua các đại dương ngắn lại, tiết kiệm chi phí vận tải và hạn chế rủi ro.
2. Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương	* <i>Kinh tế</i> : - Vừa là cửa ngõ giao thương quốc tế, vừa tạo điều kiện thuận lợi để các quốc gia và vùng lãnh thổ tiếp giáp có thể phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển. - Nhiều nước ở khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á có nền kinh tế gắn liền với các con đường thương mại, hệ thống cảng biển và nguồn tài nguyên trên Biển Đông. - Biển Đông được coi là điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng bậc nhất châu Á với một khối lượng lớn hàng hoá vận chuyển quốc tế qua đây. * <i>Chính trị - an ninh</i>: - Trong lịch sử, Biển Đông là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng truyền thống của nhiều nước lớn, đồng thời là nơi diễn ra quá trình giao thoa của các nền văn hoá như: Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa.... + Hiện nay, Biển Đông có vị trí địa - chính trị quan trọng đối với các quốc gia và vùng lãnh thổ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.
3. Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển	- Biển Đông có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, đặc biệt là các tài nguyên sinh vật và khoáng sản. + Nguồn tài nguyên sinh vật ở Biển Đông phong phú và đa dạng với hàng trăm loài bao gồm cả động vật, thực vật: cá và các loài động vật thân mềm như tôm, mực, hải sâm rong biển, tảo biển, rau câu,... + Có nhiều loại tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ và khí tự nhiên. Bên cạnh đó, vùng biển này còn có những nguồn tài nguyên khác như: năng lượng thuỷ triều, năng lượng gió; cát và hoá chất trong cát; muối và các loại khoáng chất.....

TIẾT 2

3. Hoạt động 3 : Tìm hiểu về vị trí của các đảo và quần đảo ở Biển Đông

a. Mục tiêu

- Xác định được vị trí của các đảo và quần đảo trên lược đồ.

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, HS làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV sử dụng lược đồ Biển Đông và các quốc gia Đông Nam Á hiện nay (Hình 2 SGK) + GV yêu cầu HS quan sát lược đồ, kết hợp với tư liệu SGK xác định vị trí của các đảo và quần đảo của Việt Nam ở Biển Đông? Nêu hiểu biết về quần đảo Trường sa, Hoàng sa? * Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ : - HS làm việc cá nhân, dựa vào tư liệu SGK, lược đồ để xác định được vị trí của các đảo và quần đảo. * Bước 3: Báo cáo kết quả - GV lựa chọn ngẫu nhiên 1-2 HS báo cáo kết quả. - HS khác có thể giơ tay phát biểu trình bày hoặc bổ sung kết quả HS trước đã trình bày. * Bước 4. Kết luận – nhận định - GV nhận xét phần trình bày của học sinh, chốt kiến thức cơ bản	3. Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông a. Vị trí của các đảo và quần đảo ở Biển Đông Dựa trên cơ sở vị trí địa lí, điều kiện kinh tế, cư dân sinh sống, hệ thống các đảo và quần đảo của Việt Nam thường được chia thành: + Hệ thống đảo tiền tiêu :Thổ Chu, Phú Quốc, Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn,... + Các đảo lớn : Cô Tô, Cát Bà, Cù Lao Chàm,... + Các đảo ven bờ: các đảo thuộc huyện đảo Cát Bà, huyện đảo Bạch Long Vĩ,... + Hai quần đảo xa bờ là: quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Quần đảo Hoàng Sa nằm trong khoảng từ 15°45'B đến 17°15'B và từ 111°Đ đến 113°Đ, trải rộng trên vùng biển có diện tích khoảng 30.000 km²; cách thành phố Đà Nẵng khoảng 170 hải lí và cách đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi) khoảng 120 hải lí. - Quần đảo Trường Sa cách quần đảo Hoàng Sa trên 200 hải lí về phía đông nam, nằm trong khoảng từ 6°50'B đến 12°0'B và từ 111°30'Đ đến 117°20'Đ, cách vịnh Cam Ranh (Khánh Hòa) khoảng 248 hải lí.

4. Hoạt động 4: Tìm hiểu về tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở biển Đông

a. Mục tiêu :

- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

b. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV sử dụng hệ thống câu hỏi phát vấn, yêu cầu HS tìm hiểu tư liệu SGK, thảo luận theo cặp đôi trả lời câu hỏi: + <i>Giải thích vì sao các đảo và quần đảo của Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, giữ vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh vùng biển, vùng trời và đất liền của Tổ quốc?</i> * Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ : - HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp đôi, thống nhất nội dung để hoàn thành phần tìm hiểu của nhóm mình	b. Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông +Hệ thống đảo và quần đảo của Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, giữ vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh vùng biển, vùng trời và đất liền của Tổ quốc. Cụ thể: + Các đảo và quần đảo Việt Nam tạo ra cơ sở để phát triển đa dạng các ngành kinh tế biển: đánh bắt và nuôi trồng thủy sản; khai thác khoáng sản; vận tải hàng hải và du lịch biển. + Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm ở trung tâm Biển Đông, thuận lợi cho việc xây dựng các trạm thông tin, trạm dừng chân và

* Bước 3: Báo cáo kết quả - GV giành thời gian để các nhóm báo cáo sản phẩm của mình . - Đại diện các nhóm khác có thể giơ tay bổ sung kết quả các nhóm trước đã trình bày hoặc đặt các câu hỏi cho nhóm * Bước 4. Kết luận – nhận định - GV nhận xét chung về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh - GV chốt kiến thức cơ bản bằng cách chiếu nội dung cơ bản trên màn hình TV (máy chiếu)	tiếp nhiên liệu cho các tàu di chuyển trên biển, phục vụ tuyến đường hàng hải huyết mạch trên Biển Đông. + Có tầm quan trọng chiến lược đối với quốc phòng, an ninh. Sự liên kết giữa các đảo, cụm đảo, quần đảo trên Biển Đông đã hình thành tuyến phòng thủ nhiều tầng, từ xa đến gần, tạo thành hệ thống an ninh vững chắc để bảo vệ đất liền.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học ở bài này
- b. Nội dung:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS lập sơ đồ tư duy thể hiện tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông
- c. Sản phẩm học tập:** sơ đồ tư duy
- d. tổ chức thực hiện:**
- GV hướng dẫn HS thực hiện
 - HS thảo luận theo nhóm đã phân công và lập sơ đồ tư duy trên bảng phụ (giấy A0)
 - GV yêu cầu các nhóm trưng bày sản phẩm trên bảng, GV lựa chọn 1-2 nhóm giới thiệu về sơ đồ tư duy của nhóm mình. Các nhóm nhận xét, bổ sung.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu :** Phát triển năng lực vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn
- b. Nội dung:** GV nêu câu hỏi, HS trả lời câu hỏi
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS
- b. Tổ chức thực hiện :**
- GV yêu cầu HS sưu tầm hình ảnh, tư liệu về quần đảo Hoàng sa, Trường Sa. Giới thiệu hình ảnh tư liệu đó với thầy cô và các bạn
- Thời gian hoàn thành và nộp sản phẩm trước 1 tiết khi bắt đầu bài học mới. GV giành 5 phút để HS giới thiệu sản phẩm trong tiết học tiếp sau.
- * Hướng dẫn về nhà**
- Ôn lại kiến thức đã học.
 - Chuẩn bị bài 13

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

BÀI 13: VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh và phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
- Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử.
- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
- Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- Năng lực tự chủ và tự học: Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu lịch sử: Thông qua khai thác các nguồn sử liệu để trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
- Nhận thức và tư duy lịch sử: Thông qua khai thác nguồn thông tin, quan sát hình ảnh để phân tích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh và phát triển các ngành kinh tế trọng điểm; nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử;; nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

3. Về phẩm chất

- Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam.
- Bồi dưỡng các phẩm chất: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy
- Phiếu học tập dành cho HS.
- Hình ảnh, lược đồ có liên quan đến nội dung bài học Việt Nam và Biển Đông.
- Máy tính, máy chiếu

2. Học sinh

- SGK, SBT Lịch sử 11.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về Biển Đông.

b. Nội dung:

- GV cho HS quan sát hình ảnh về Biển Đông và Hình 1 - Hoạt động đưa thuyền truyền thống trong Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa (Quảng Ngãi).

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ *Trình bày những hiểu biết của em về Biển Đông.*

+ *Theo em, Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa (Quảng Ngãi) được nhân dân huyện đảo Lý Sơn tổ chức hằng năm có ý nghĩa gì?*

c. Sản phẩm: HS trình bày hiểu biết thực tế của bản thân về Biển Đông, ý nghĩa của Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa (Quảng Ngãi) và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về Biển Đông và Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa (Quảng Ngãi).



- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ *Trình bày những hiểu biết của em về Biển Đông.*

+ *Theo em, Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa (Quảng Ngãi) được nhân dân huyện đảo Lý Sơn tổ chức hằng năm có ý nghĩa gì?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh về Biển Đông và Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa (Quảng Ngãi) và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày hiểu biết của bản thân về Biển Đông và ý nghĩa của Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa (Quảng Ngãi).

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức:

+ *Một số thông tin về Biển Đông:*

Biển Đông là tên riêng mà Việt Nam dùng để gọi vùng biển có tên quốc tế là South China Sea (tiếng Anh, nghĩa là biển ở phía Nam Trung Quốc), là một biển rìa lục địa và là một phần của Thái Bình

Dương, trải rộng từ Singapore tới eo biển Đài Loan và bao phủ một diện tích khoảng 3.447.000 km².

Đây là biển lớn thứ tư thế giới, là đối tượng tranh chấp và xung đột giữa một vài quốc gia trong vùng. Cả Trung Quốc và Việt Nam đều theo đuổi các tuyên bố chủ quyền một cách mạnh mẽ. Các nước tranh chấp thường xuyên thông báo về các vụ va chạm giữa các tàu hải quân.

+ Ý nghĩa của Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa: Lễ khai lễ thế lính Hoàng Sa nhằm tri ân, tưởng niệm những người lính của Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải (được thành lập từ thế kỉ XVII) đã có công khai phá, cắm mốc chủ quyền và bảo vệ biển đảo của Việt Nam, đặc biệt là chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - GV dẫn dắt HS vào bài học: Vậy Biển Đông có tầm quan trọng chiến lược như thế nào đối với Việt Nam? Quá trình xác lập chủ quyền, quản lí liên tục và cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa diễn ra như thế nào? Chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông là gì? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay – Bài 13: Việt Nam và Biển Đông.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1. Tìm hiểu tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- Trình bày được tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng và an ninh.
- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam trong phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS đọc thông tin mục la, 1b, kết hợp quan sát Hình 2 SGK tr.84 và một số hình ảnh GV cung cấp để trả lời câu hỏi:

- + Trình bày tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng và an ninh.
- + Nêu tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam trong phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh; các ngành kinh tế trọng điểm và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh:  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục la kết hợp quan sát Hình 2 SGK tr.84 và trả lời câu hỏi: Trình bày tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng và an ninh.	1. Tìm hiểu tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam a. Về quốc phòng, an ninh - Việt Nam giáp với Biển Đông ở ba phía, đường bờ biển dài khoảng 3260 km, có khoảng 4000 hòn đảo lớn nhỏ (trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa). + Hợp thành hệ thống đảo bảo vệ vùng trời, vùng biển và đất liền. + Là cửa ngõ, tuyến phòng thủ bảo vệ đất liền từ xa. - Nằm trên tuyến giao thông biển huyết mạch, địa bàn chiến lược ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương; bảo vệ an ninh hàng hải, chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam. - Là con đường giao thương giữa các khu vực trong cả nước và giữa Việt Nam với thị trường khu vực và quốc tế. + Giúp Việt Nam giao lưu và hội nhập với các nền văn hoá khác.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát một số hình ảnh Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh.
- HS khai thác thông tin mục 1.a để tìm hiểu về tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức về tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh.
- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu cho HS quan sát Hình 2 SGK tr.84 và một số hình ảnh về Biển Đông trong phát triển các ngành kinh tế trọng điểm:



- GV chia HS cả lớp thành các nhóm nhỏ (4 - 6 HS/nhóm), yêu cầu các nhóm đọc thông tin mục 1b, kết hợp khai thác hình ảnh GV trình chiếu và thực hiện

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- + Tạo ra cơ hội, thách thức trong việc bảo vệ quốc phòng, an ninh, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá.

b. Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

- Về giao thông vận tải:
 - + Hệ thống các cảng biển nước sâu và cảng biển trung bình được xây dựng dọc bờ Biển Đông là điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển thương mại hàng hải.
 - + Các cảng lớn giữ vai trò đầu mối vận chuyển hàng hoá như: Hải Phòng, cảng Sài Gòn, cảng Đà Nẵng
- Công nghiệp khai khoáng :
 - + Dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam có trữ lượng lớn với các bể trầm tích như : Cửu Long , Nam Côn Sơn ,... và có điều kiện khai thác thuận lợi .
 - + Vùng Biển Việt Nam còn chứa đựng tiềm năng lớn về quặng sa khoáng như titan, thiếc, vàng, sắt, thạch cao cát đen, ... là những nguồn tài nguyên quý giá.
- Khái quát tài nguyên sinh vật biển : Biển Đông là biển đa dạng về sinh học, riêng trữ lượng lớn cá tên biển của Việt Nam ước tính 3 - 4 triệu tấn, khả năng khai thác từ 1,4 - 1,6 triệu tấn
- Về du lịch, cảnh quan ở Biển Đông có nhiều vũng, vịnh, bãi cát trắng, hang động,... các bán đảo và đảo lớn nhỏ liên kết với nhau tạo thành quần thể du lịch như Vịnh Hạ Long (Tỉnh Quảng Ninh), bãi biển Non Nước (Tỉnh phố Đà Nẵng), đảo Phú Quốc (Tỉnh Kiên Giang),... phù hợp để phát triển đa dạng nhiều loại hình du lịch

- HS quan sát một số hình ảnh Biển Đông đối với Việt Nam về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. - HS khai thác thông tin mục 1.b để tìm hiểu về tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý và toàn cầu hoá. kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức về tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	
--	--

2. Hoạt động 2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- Trình bày được quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
- Nêu được cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS đọc thông tin mục 2a, 2b, kết hợp quan sát Hình 3,4,5,6 SGK tr.85,86,87,88 và một số hình ảnh GV cung cấp để trả lời câu hỏi:

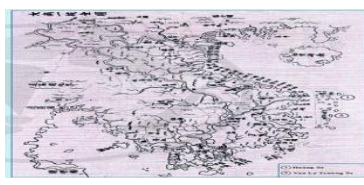
+ Trình bày được quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

+ Nêu được cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về Lịch sử bảo vệ chủ quyền , các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.	2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền , các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa a. Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Việt Nam là quốc gia đầu tiên khai phá, xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. - Vào thế kỉ XVII , chúa Nguyễn đã cho lập Đội Hoàng Sa đến khai khác sản vật ,





- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục 2a, 2b, kết hợp quan sát Hình 3,4,5,6 SGK tr. 85, 86, 87, 88 và một số hình ảnh GV cung cấp để trả lời câu hỏi: *Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lý đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát một số hình ảnh về quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

- HS khai thác thông tin mục 2.a để tìm hiểu về quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lý đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lý đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lý đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu cho HS quan sát Hình 5,6 SGK tr.87,88 và một số hình ảnh về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.



thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

- Dưới triều Nguyễn các đội Hoàng Sa , Bắc Hải đã được tái lập (1803) và đặt trong tổ chức chung của các đội Trường Đà có nhiệm vụ bảo vệ , quản lý và khai thác sản vật ở các khu vực biển đảo .

- Cuối thế kỉ XIX đến năm 1945 , Pháp đại diện quyền lợi của Việt Nam trong chính sách đối ngoại , luôn khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

- Sau chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 , nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1976 là nhà nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam) thực hiện quyền quản lý hành chính và đấu tranh pháp lý , ngoại giao để khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

b. Cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

- Từ thế kỉ XVII đến nay, nhà nước Việt Nam đã liên tục tiến hành các cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích của Việt Nam ở Biển Đông. Các cuộc đấu tranh diễn ra với các hình thức như vũ trang tự vệ, đàm phán ngoại giao, bảo vệ và hỗ trợ ngư dân bám biển

- Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành các chính sách, biện pháp và hành động cụ thể nhằm bảo vệ và thực thi chủ quyền ở Biển Đông như:

+ Thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện.

+ Xây dựng lực lượng quản lý, bảo vệ biển, đảo về mọi mặt.

+ Thực hiện công tác đối ngoại quốc phòng, đẩy mạnh tuyên truyền về chủ quyền biển đảo.



- GV chia HS cả lớp thành các nhóm nhỏ (4 - 6 HS/nhóm), yêu cầu các nhóm đọc thông tin mục 2b, kết hợp khai thác hình ảnh GV trình chiếu và thực hiện

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát một số hình ảnh cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

- HS khai thác thông tin mục 2.b để tìm hiểu về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý và toàn cầu hoá. kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

3. Hoạt động 3. Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- Trình bày được quá trình Việt Nam đã ban hành các văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền về Biển đảo của Việt Nam.

- Nêu được VN thực hiện chủ trương nhất quán trong việc hợp tác giải quyết các vấn đề tranh chấp bất đồng trên Biển Đông bằng biện pháp hoà bình, phù hợp với pháp luật quốc tế.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS đọc thông tin mục 3 kết hợp quan sát Hình 7 SGK tr.89 và một số hình ảnh GV cung cấp để trả lời câu hỏi:

+ *Trình bày được quá trình Việt Nam đã ban hành các văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền về Biển đảo của Việt Nam.*

+ *Nêu được VN thực hiện chủ trương nhất quán trong việc hợp tác giải quyết các vấn đề tranh chấp bất đồng trên Biển Đông bằng biện pháp hoà bình, phù hợp với pháp luật quốc tế.*

c. Sản phẩm học sinh: Câu trả lời của HS về chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

Nhiệm vụ: Tìm hiểu chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình



Ngày 25/12/2000, tại Bắc Kinh,

Chính phủ Việt Nam - Trung Quốc ký hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong vịnh Bắc Bộ.

Dường phân định gồm 21 điểm.

Việt Nam: 53,23%
Trung Quốc: 46,77%

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục 3, kết hợp quan sát Hình 7 SGK tr. 89 và một số hình ảnh GV cung cấp để trả lời câu hỏi: *Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình như thế nào?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát một số hình ảnh về chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình

- HS khai thác thông tin mục 3 để tìm hiểu về chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức về chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

3. Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình

- Trong bối cảnh toàn cầu hoá, xu hướng liên kết và hội nhập quốc tế sâu rộng đang diễn ra, trên cơ sở truyền thống yêu chuộng hoà bình của nhân dân Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thực hiện chủ trương nhất quán trong việc hợp tác giải quyết các vấn đề tranh chấp bất đồng trên Biển Đông bằng biện pháp hoà bình, phù hợp với pháp luật quốc tế.

- Việt Nam ban hành các văn bản phát luật khẳng định chủ quyền, thông qua Luật Biển năm 2012, tham gia Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS), thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC)

Bảng 1. Biện pháp thực hiện chủ trương giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình của Việt Nam

Ban hành văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền	Thông qua Luật Biển Việt Nam 2012	Tham gia Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS)	Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC)
Thể hiện qua các văn bản như Hiến pháp (2013), Luật Biển Việt Nam (2012), Luật Dân quân tự vệ (2019),... Trong đó, Luật Biển Việt Nam (2012) có vai trò quan trọng đặc biệt đối với việc khẳng định chủ quyền biển, đảo Việt Nam.	Luật Biển Việt Nam được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 21-6-2012. Mục 3, Điều 4 khẳng định: Nhà nước giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng các biện pháp hoà bình.	Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 là một bộ các quy định về sử dụng các đại dương của thế giới. Việt Nam là một trong 107 quốc gia ký Công ước này ngay sau khi văn kiện được mở.	Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) là văn kiện được các nước ASEAN và Trung Quốc ký ngày 4-11-2002. Việc ký văn kiện này là kết quả nỗ lực của các nước ASEAN cũng như Việt Nam trong việc duy trì hoà bình và ổn định ở Biển Đông.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vừa tìm hiểu.

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, tổ chức trò chơi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giới thiệu trò chơi và luật chơi cho HS.

Trò chơi: Tiếp sức đồng đội

Luật chơi: Mỗi lượt chơi có 2 HS tham gia chơi, 1 HS được biết đáp án và sử dụng kiến thức, kỹ năng gợi ý của mình để gợi ý sao cho đồng đội của mình biết đáp án mà mình đang nói tới là gì (Có thể là tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam; Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình...). Thời gian chơi là 1 phút (GV có thể thiết kế thời gian 2, 3 phút tùy theo đối tượng HS).

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS tham gia trò chơi theo cặp.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- Phân gợi ý và câu trả lời của các HS trong quá trình chơi trò chơi.

Bước 4: GV đánh giá, có thể cho điểm.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi. HS có thể làm bài tập vào phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Suru tầm tư liệu từ Internet và sách, báo để giới thiệu (theo cách Hoàng Sa và Trường Sa.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ này ở nhà.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được ghi vào vở hoặc giấy A4:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV có thể thu lại bài làm của HS để chấm điểm

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

- GV thu sản phẩm của HS ở tiết học tiếp theo: GV nhận xét sản phẩm của HS và chấm điểm đối với các sản phẩm tốt nhất. GV có thể chọn một số HS trình bày sản phẩm của mình. Tiếp theo, GV mời một số HS khác nhận xét. Cuối cùng, GV chính xác hóa thông tin do HS trình bày và chấm điểm.

Tuần

Ngày soạn:

Tiết

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 6: LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống hóa những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 6 – Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông
- Vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành

2. Năng lực

- Năng lực chung:

- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm

- **Năng lực đặc thù:** năng lực tìm hiểu lịch sử; năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập, lập bảng thống kê, trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung bài học; tự đánh giá chéo phần trả lời câu hỏi bài tập của bản thân/bạn bè

3. Về phẩm chất

- *Trung thực:* Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm.
- *Trách nhiệm:* Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và bài trình chiếu Powerpoint
- Phiếu học tập
- Máy tính (điện thoại) kết nối máy chiếu.

2. Học sinh: SGK, sách bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Vẽ sơ đồ tư duy về lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS cả lớp hoạt động cá nhân và yêu cầu vẽ sơ đồ tư duy để tìm hiểu về lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
- HS suy nghĩ về ý tưởng và thực hiện nhiệm vụ.
- HS trình bày trước lớp.
- HS khác nhận xét và đánh giá kết quả hoạt động của bạn.
- Để tránh trùng lặp sơ đồ, GV gợi ý cho HS một số sơ đồ tư duy khác nhau để HS lựa chọn trình bày.

2.2. Thiết kế áp phích hoặc vẽ tranh cổ động, thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích của Việt Nam ở Biển Đông

Tổ chức thực hiện:

- GV cho cả lớp hoạt động nhóm, mỗi nhóm thiết kế một tấm áp phích hoặc vẽ một bức tranh cổ động, thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích của Việt Nam ở Biển Đông. HS có thể thiết kế trên giấy hoặc trên máy tính (nếu có).
- HS có thể tham khảo một số tranh ảnh, áp phích trên mạng internet hoặc tự sáng tạo.
- HS trưng bày sản phẩm theo kỹ thuật phòng tranh.
- GV nhận xét và cho HS chấm điểm chéo cho nhau.

Tổ trưởng duyệt

Nguyễn Thị Tuyền

Hoàng Mai, ngày 01 tháng 09 năm 2025
Giáo viên

Bùi Hạnh Dung